

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *11354* /BTC-UBCK  
V/v thẩm định Dự thảo Nghị định quy  
định về quản trị công ty áp dụng đối  
với công ty đại chúng

Hà Nội, ngày *17* tháng *9* năm 2020

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, bộ luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (văn bản quy định chi tiết Điều 41 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14) (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

Ngày 22/6/2020, Bộ Tài chính có Công văn số 7541/BTC-UBCK về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng gửi các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời đăng tải dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ trên Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Tài chính, Cổng TTĐT Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 60 ngày theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định trước khi trình Chính phủ theo quy định tại Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Hồ sơ gửi thẩm định dự thảo Nghị định bao gồm: (1) Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; (4) Bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; (5) Bản thuyết minh chi tiết dự thảo Nghị định; (6) Báo cáo đánh giá tác động Nghị định; (7) Báo cáo tổng kết thi hành quy định về quản trị công ty.

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp xin gửi về Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) trước ngày. *01/10/2020*..... để kịp trình Chính phủ trong

tháng 09/2020 theo Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (báo cáo);
- Lưu: VT, UBCK (04b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Huỳnh Quang Hải**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

## TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng  
đối với công ty đại chúng

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, bộ luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 8, trong đó giao Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị định quy định việc quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (văn bản quy định chi tiết Điều 41 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14), Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHỨNG**

**1. Thực hiện nhiệm vụ quy định chi tiết Điều 41 Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 (Luật Chứng khoán 2019) về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng**

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (Luật Chứng khoán 2019) được Quốc hội khoá XIV thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, trong đó Mục 2 Chương III quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Luật Chứng khoán năm 2019 mới chỉ quy định các nguyên tắc, nội dung có tính định khung về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 41 về nội dung quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng để trình Chính phủ xem xét, ban hành là rất cần thiết.

**2. Nâng cao chất lượng quản trị công ty, tính công khai minh bạch đối với công ty đại chúng, từ đó hỗ trợ nâng hạng thị trường chứng khoán**

## **Việt Nam**

Hiện tại, Việt Nam đang tích cực thực hiện các biện pháp cần thiết để nâng hạng thị trường chứng khoán nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài nên việc tạo ra một hệ thống quản trị minh bạch tại các doanh nghiệp là điều cần được thúc đẩy.

Sau khi Luật Chứng khoán 2019 được Quốc hội thông qua, việc ban hành văn bản quy định về quản trị công ty ở cấp Nghị định giúp hoàn thiện khung pháp lý về quản trị công ty đối với công ty đại chúng góp phần nâng cao chất lượng quản trị công ty và nâng cao tính công khai minh bạch đối với các công ty đại chúng và được cộng đồng quốc tế đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc tạo ra môi trường kinh tế công khai minh bạch giúp thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển bền vững, nâng cao mức độ tín nhiệm của thị trường chứng khoán quốc gia trong mắt các nhà đầu tư tài chính quốc tế, tạo tiền đề tốt cho việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích xây dựng**

Mục đích xây dựng Nghị định là để hoàn thành nhiệm vụ xây dựng văn bản quy định chi tiết về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng mà Luật Chứng khoán đã giao và khắc phục các vướng mắc trong quá trình thi hành Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng nhằm hoàn thiện khung pháp lý về quản trị công ty đối với công ty đại chúng góp phần nâng cao chất lượng quản trị công ty và nâng cao tính công khai minh bạch đối với các công ty đại chúng.

### **2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng**

– Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đặc biệt Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020;

– Bảo đảm tính tương thích và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đặc biệt là cam kết WTO;

– Bảo đảm tính tương thích và phù hợp với các thông lệ tốt về quản trị công ty, đặc biệt là thông lệ được nhiều nước công nhận như 06 nguyên tắc về quản trị công ty của Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế (OECD), phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam;

– Tập trung giải quyết những vấn đề thực sự vướng mắc trong thực tiễn, nhằm tạo điều kiện cho môi trường kinh tế Việt Nam, cũng như thị trường chứng khoán phát triển bền vững.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định khác có liên quan cụ thể như sau:

- Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 380/QĐ-BTC ngày 20/3/2020 thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng với các thành viên là đại diện Bộ Tài chính và một số Bộ, ngành liên quan như Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bộ Tài chính đã thực hiện đánh giá thi hành các quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng trong các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Tài chính; nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân, bao gồm:

+ Ngày 22/6/2020, Bộ Tài chính có Công văn số 7541/BTC-UBCK lấy ý kiến của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

+ Ngày 23/6/2020, Bộ Tài chính đăng tải lên website Chính phủ, website Bộ Tài chính và website UBCKNN nội dung Dự thảo Nghị định lấy ý kiến thành viên thị trường, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan từ ngày 23/6/2020 đến ngày 23/8/2020;

+ Ngày ....., Bộ Tài chính đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến xây dựng Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Hội thảo được tổ chức tại ..... với sự tham gia của hơn ..... đại diện từ các công ty đại chúng, thành viên thị trường, tổ chức và cá nhân có liên quan;

- Ngày ....., Bộ Tài chính đã gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Đến ngày ....., Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, các thành viên Chính phủ, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét ban hành.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty

đại chúng bao gồm 37 điều được chia thành 9 Chương, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung, bao gồm 04 điều;
- Chương II: Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông, bao gồm 03 điều;
- Chương III: Thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, bao gồm 08 điều;
- Chương IV: Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, bao gồm 03 điều;
- Chương V: Thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát, bao gồm 06 điều;
- Chương VI: Ngăn ngừa xung đột lợi ích, bao gồm 04 điều;
- Chương VII: Báo cáo và công bố thông tin, bao gồm 06 điều;
- Chương VIII: Giám sát và xử lý vi phạm, bao gồm 02 điều;
- Chương IX: Điều khoản thi hành, bao gồm 01 điều.

Nội dung Dự thảo Nghị định được xây dựng căn cứ trên cơ sở chính là: (1) Bộ nguyên tắc quản trị Công ty của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD; (2) Luật Chứng khoán 2019; (3) Luật Doanh nghiệp 2020; (4) Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 do Chính phủ ban hành hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; (5) Thực tế phát sinh khi áp dụng quy định về quản trị công ty.

Dựa trên các cơ sở nêu trên, Bộ Tài chính xây dựng Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng với nội dung cơ bản như sau:

### **1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- *Về phạm vi điều chỉnh (khoản 1 Điều 1 Dự thảo Nghị định)*: Nghị định này hướng dẫn vấn đề về quản trị công ty đối với công ty đại chúng, bao gồm: Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông; Thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị; Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; Thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát; Ngăn ngừa xung đột lợi ích; Báo cáo và công bố thông tin; Giám sát và xử lý vi phạm.

- *Về đối tượng áp dụng (khoản 2 Điều 1 Dự thảo Nghị định)*: đối tượng áp dụng tại Nghị định bao gồm công ty đại chúng; cổ đông công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông; thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ủy ban kiểm toán, người điều hành doanh nghiệp của công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này; tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty đại

chúng; cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty đại chúng.

– Về phân loại điều kiện, tiêu chuẩn quản trị công ty: Bộ Tài chính xây dựng quy định về quản trị công ty theo 03 loại đối tượng là các công ty đại chúng chưa niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết và các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trong đó các công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết và công ty niêm yết phải đáp ứng một số tiêu chí cao hơn.

## **2. Các nội dung cơ bản về quản trị công ty tại Dự thảo Nghị định**

### **2.1. Về cổ đông và Đại hội đồng cổ đông**

– Về cổ đông (Điều 5 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, theo đó, ngoài những quyền và nghĩa vụ cơ bản của cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan, Dự thảo Nghị định cụ thể một số quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán nhằm đảm bảo nguyên tắc đối xử công bằng, đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính bổ sung nội dung trong trường hợp nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án, Trọng tài đình chỉ thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết nói trên (khoản 3 Điều 5 Dự thảo Nghị định) theo nội dung đã được bổ sung tại khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020.

– Về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) (Điều 6 Dự thảo Nghị định): để tránh trường hợp ĐHĐCĐ thực hiện ủy quyền toàn bộ các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ cho Hội đồng quản trị (HĐQT) và tránh trường hợp nhiều doanh nghiệp triển khai các kế hoạch đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ cũ trong khi Nghị quyết ĐHĐCĐ mới không đề cập nhất là trong việc phát hành cổ phiếu, Bộ Tài chính kiến nghị bổ sung thêm nội dung về ĐHĐCĐ: (1) ĐHĐCĐ có thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp; (2) Đại hội đồng cổ đông không thực hiện ủy quyền cho HĐQT các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ sau đây: a. Các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, b. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; (3) Các nội dung nêu tại khoản 2 Điều này đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

– Về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 7 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, theo đó, Luật

Doanh nghiệp 2020 không quy định về thời hạn công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, để tổ chức họp ĐHĐCĐ, các cổ đông cần có thời gian sắp xếp công việc để tham dự họp. Do vậy, Bộ Tài chính vẫn giữ nguyên quy định thời hạn công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về việc chốt danh sách họp ĐHĐCĐ là 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính sửa đổi nội dung việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ cho người đại diện được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự thay vì phải lập theo mẫu do công ty phát hành (khoản 1 Điều 7 Dự thảo Nghị định) theo nội dung đã được sửa đổi tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020. Đồng thời bổ sung thêm nội dung thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất) và sửa đổi nội dung trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty đại chúng *phải* mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của công ty dự họp (khoản 4 Điều 7 Dự thảo Nghị định) thay vì nội dung *có thể* mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp theo nội dung đã được sửa đổi tại điểm c khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán, đồng thời bổ sung nội dung Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính có ý kiến nghiêm trọng hơn trường hợp *ngoại trừ trọng yếu là từ chối, trái ngược* cho phù hợp với thực tế áp dụng.

## 2.2. Về Thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị

– Về ứng cử, đề cử thành viên HĐQT (khoản 1 Điều 8 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, theo đó, quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020, thời hạn gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc, do đó, để phù hợp với thời gian gửi thông báo mời họp và để các cổ đông có thêm thời gian tìm hiểu thông tin về các ứng viên HĐQT, Bộ Tài chính vẫn giữ nguyên quy định thời hạn công ty đại chúng phải thực hiện công bố các thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT trong trường hợp đã xác định được ứng viên là tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, đồng thời bổ sung thêm thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố tối thiểu là *Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác và Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty (vì đây là thông tin cần thiết mà cổ đông cần biết để xác định các xung đột lợi ích) và sửa đổi lại nội dung Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin thành Công ty đại*



*chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin để phù hợp với thực tế áp dụng. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính sửa đổi nội dung cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty (khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị định) thay vì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử ứng viên HĐQT theo nội dung đã được sửa đổi tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.*

– Về tư cách thành viên HĐQT (khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Dự thảo Nghị định): giữ nguyên nội dung theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP do số lượng công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh tách bạch 2 chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc khá cao (có 291/377 công ty niêm yết đã thực hiện tách bạch 2 chức danh này – theo Báo cáo tình hình Quản trị công ty năm 2019), đồng thời cũng tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 “*Chủ tịch HĐQT công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc*”. Bên cạnh đó, quy định về việc thành viên HĐQT của một công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác nhằm đảm bảo khả năng thực thi nhiệm vụ và tính bảo mật của doanh nghiệp.

– Về thành phần Hội đồng quản trị: đưa nội dung *Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới; cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành* vào Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng cho phù hợp; đồng thời bỏ nội dung *Công ty đại chúng cần hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT* vì nội dung này đã được lượng hoá tại khoản 2 Điều 10 Dự thảo Nghị định. Bên cạnh đó, theo thống kê của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX): tổng số công ty niêm yết đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập tại HSX chiếm tỷ lệ 52,39% và tại HNX chiếm tỷ lệ 58,6%; tổng số công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tối thiểu 1/5 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập chiếm tỷ lệ 58,52%. Do vậy, để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện quy định, Bộ Tài chính chỉnh sửa lại quy định về cơ cấu thành viên độc lập HĐQT của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết (khoản 4 Điều 10 Dự thảo Nghị định) thành: *Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công*

ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết phải đảm bảo quy định sau: (a) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; (b) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; (c) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

– Về quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT (Điều 11 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính bổ sung thêm nội dung Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch vào phần trách nhiệm của thành viên HĐQT (điểm d khoản 2 Điều 11 Dự thảo Nghị định) theo nội dung trong Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất; đưa nội dung Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị vào phần trách nhiệm của thành viên HĐQT cho phù hợp (khoản 3 Điều 11 Dự thảo Nghị định); đồng thời đưa nội dung Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty vào Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng cho phù hợp.

– Về trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT (Điều 12 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính bổ sung thêm nội dung phải xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình ĐHCĐ thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty; giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác; bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty; tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết khác cho thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty (khoản 4, 5, 7, 8 Điều 12 Dự thảo Nghị định) theo nội dung đã được bổ sung tại điểm 1 khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020, điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019, Mục IV Báo cáo tình hình quản trị công ty và Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông

lệ tốt nhất; đồng thời kiến nghị giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để có cơ sở cho các công ty thực hiện.

– Về cuộc họp HĐQT (Điều 13 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, trong đó tham chiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019 đối với nội dung tại khoản 1 Điều 13 Dự thảo Nghị định. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung tham chiếu lại khoản 2 Điều 13 Dự thảo Nghị định về *trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp* theo khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 cho phù hợp.

– Về báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên (Điều 14 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung nội dung *Báo cáo các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch* (khoản 3 Điều 14 Dự thảo Nghị định) theo nội dung trong Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất.

– Về các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị của công ty niêm yết: đưa nội dung này vào Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

**2.3. Về Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị** (Điều 16, 17, 18 Dự thảo Nghị định): Luật Doanh nghiệp 2020 chưa có quy định cụ thể về Ủy ban kiểm toán đối với các công ty tổ chức và hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát. Dự thảo Nghị định căn cứ theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty và thông lệ quốc tế bổ sung thêm một số nội dung quy định về thành phần; quyền và nghĩa vụ; báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên để làm cơ sở cho các công ty đại chúng có căn cứ thực hiện; đồng thời kiến nghị giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

#### **2.4. Về thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát**

– Về thành viên Ban kiểm soát viên (Điều 20 Dự thảo Nghị định): UBCKNN sửa đổi lại theo nội dung đã được sửa đổi tại Điều 168, 169 Luật Doanh nghiệp 2020, trong đó có nội dung tiêu chuẩn và điều kiện của Trưởng ban kiểm soát là phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh

hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (khoản 3 Điều 20 Dự thảo Nghị định).

- Về quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính sửa đổi nội dung *Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết* (khoản 1 Điều 22 Dự thảo Nghị định) theo nội dung đã được bổ sung tại điểm m khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020. Đồng thời, bổ sung thêm nội dung Ban kiểm soát phải xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua (khoản 6 Điều 22 Dự thảo Nghị định) theo nội dung đã được bổ sung tại điểm 1 khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và kiến nghị giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Về báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên (Điều 24 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung nội dung *Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch* (khoản 4 Điều 24 Dự thảo Nghị định) theo nội dung trong Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất.

## **2.5. Về việc ngăn ngừa xung đột lợi ích**

Về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này (Điều 27 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính rà soát lại một số điều đảm bảo cách hiểu rõ ràng căn cứ theo một số thắc mắc của công ty đại chúng (khoản 4 Điều 27 Dự thảo Nghị định) là các giao dịch chỉ được thực hiện sau khi đã được ĐHĐCĐ chấp thuận: (a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; (b) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, đồng thời là người có liên quan của cổ đông mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; (c) Giao dịch có giá trị từ 35% trở

lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau: (i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; (iii) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Đồng thời bổ sung thêm trường hợp công ty đại chúng chỉ được thực hiện *Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó* khi đã được ĐHCĐ chấp thuận (điểm d khoản 4 Điều 27 Dự thảo Nghị định) theo nội dung đã được bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020.

## 2.6. Các nội dung khác

– Về Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Điều 3 và Điều 4 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, theo đó, để đảm bảo tính linh hoạt và dễ sửa đổi, bổ sung cập nhật các nội dung mới khi các văn bản pháp luật liên quan có thay đổi, Bộ Tài chính kiến nghị giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về vấn đề này theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính.

– Về người phụ trách quản trị công ty (Điều 15 Dự thảo Nghị định): nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, tuy nhiên, Bộ Tài chính sửa đổi lại nội dung *HDQT của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị công ty thay vì HDQT của công ty niêm yết* tại khoản 1 Điều 5 Dự thảo Nghị định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019.

– Về báo cáo và công bố thông tin: nội dung cơ bản giữ nguyên theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính sửa đổi lại nội dung công ty đại chúng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường *theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin* thay vì *về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty* để đảm bảo đầy đủ nội dung thông tin cần công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin (khoản 1 Điều 29 Dự thảo Nghị định); sửa đổi lại nội dung công ty đại chúng có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 6 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty (khoản 2 Điều 31 Dự thảo Nghị định) thay vì công ty niêm yết có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 6 tháng và

công bố thông tin về tình hình quản trị công ty để phù hợp với Thông tư hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời bổ sung nội dung công bố thông tin về thù lao của từng thành viên HĐQT (Điều 32 Dự thảo Nghị định) theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020; sửa đổi “*thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc)*” thành *người quản lý doanh nghiệp*” (khoản 1 Điều 33 Dự thảo Nghị định) để bao quát được tất cả các đối tượng, không bị bỏ sót; sửa lại quy định về nhân viên công bố thông tin thành *người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin* (khoản 2 Điều 34 Dự thảo Nghị định) để thống nhất với quy định nêu tại khoản 4 Điều 119 Luật Chứng khoán 2019, tránh tăng thêm nhân sự không cần thiết cho công ty.

– Điều chỉnh một số nội dung quy định mang tính nguyên tắc, khuyến nghị thành quy định mang tính bắt buộc với đối tượng áp dụng là *công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn* như: (1) Thành viên độc lập HĐQT của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT (khoản 3 Điều 11 Dự thảo Nghị định); (2) Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn) (khoản 4 Điều 16 Dự thảo Nghị định). Bên cạnh đó, đưa một số nội dung quy định mang tính nguyên tắc, khuyến nghị vào trong Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng như: (1) Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới; (2) Cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành; (3) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

– Về hiệu lực thi hành của Nghị định (khoản 1 Điều 37 Dự thảo Nghị định): Hiệu lực thi hành của Nghị định là ngày 01/01/2021 phù hợp với hiệu lực thi hành của Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2020.

## V. VỀ NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Qua rà soát, dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ).

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến./.

*Xin gửi kèm theo:*

- Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo Nghị định;
- Thuyết minh chi tiết về Dự thảo Nghị định;
- Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành văn bản về quản trị công ty;
- Báo cáo tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan, kèm văn bản góp ý.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VPCP;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, UBCK (05b)

**BỘ TRƯỞNG**

**Đinh Tiến Dũng**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;  
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,  
Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, bao gồm:

- a) Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
- c) Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- d) Thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát;
- đ) Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
- e) Báo cáo và công bố thông tin;
- g) Giám sát và xử lý vi phạm.

**2. Đối tượng áp dụng**

- a) Công ty đại chúng;



b) Cổ đông công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ủy ban kiểm toán, người điều hành doanh nghiệp của công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;

d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty đại chúng;

e) Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty đại chúng.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

## **Điều 3. Điều lệ công ty**

1. Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Điều lệ mẫu để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Điều lệ công ty.

## **Điều 4. Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **Chương II**

## **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông công ty đại chúng có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.

2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông có quyền được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông và nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án, Trọng tài đình chỉ thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định nói trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông lớn phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán.

### **Điều 6. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Đại hội đồng cổ đông không thực hiện ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông sau đây:

a. Các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;

b. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nội dung nêu tại khoản 2 Điều này đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội

đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

### **Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để các cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Hàng năm, công ty đại chúng phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.

5. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Chương III**

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## **Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng một (01) công ty đại chúng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.

#### **Điều 10. Thành phần Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

3. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn năm (05) người, công ty phải đảm bảo có một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

4. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

b) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

c) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

#### **Điều 11. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ công ty và các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

### **Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.

4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty.

9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

### **Điều 13. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp và điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 14. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.

4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn).

5. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

6. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

7. Kết quả giám sát đối với Giám đốc (Tổng giám đốc).

8. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

9. Các kế hoạch trong tương lai.

#### **Điều 15. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Chương IV**



## **THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN**

### **Điều 16. Thành phần Ủy ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

### **Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán**

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác không

thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

7. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.

**Điều 18. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các cổ đông.

## **Chương V**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 19. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 20. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

#### **Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

## **Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

## **Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 24. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các cổ đông.

## **Chương VI**

### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

**Điều 25. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 26. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty đại chúng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty đại chúng có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác của công ty, cổ đông và những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty, gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

**Điều 27. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này**

1. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.

2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b) Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b) Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

c) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

b) Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, đồng thời có liên quan của cổ đông mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

c) Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn

theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

– Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

– Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

– Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

d) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty.

#### **Điều 28. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty**

1. Công ty đại chúng phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Công ty đại chúng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

### **Chương VII**

#### **BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 29. Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty đại chúng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.



2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

**Điều 30. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty**

1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động, công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi.

**Điều 31. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty**

1. Công ty đại chúng phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty đại chúng có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ sáu (06) tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

**Điều 32. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc)**

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 33. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc)**

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 25 Nghị định này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

#### **Điều 34. Tổ chức công bố thông tin**

1. Công ty đại chúng phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

### **Chương VIII**

#### **GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 35. Giám sát về quản trị công ty**

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát nội dung liên quan đến quản trị công ty của các công ty đại chúng theo quy định của Nghị định này.

2. Công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định quản trị công ty quy định tại Nghị định này.

3. Công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty đại chúng và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Trường hợp công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều này bị xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 36. Xử lý vi phạm về quản trị công ty**

Các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Chương IX**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 37. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các nội dung được giao tại Nghị định này.

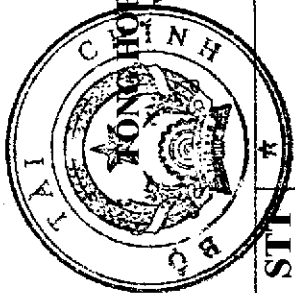
3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (250b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**



**HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN VÀ GIẢI THÍCH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ NGÀNH VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG (BẢN ĐĂNG WEBSITE)**

STT	Nội dung ý kiến góp ý	Đơn vị có ý kiến	Ý kiến tiếp thu, giải trình của UBCKNN
1	Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính chuẩn bị	Bộ Nội Vụ	
2	<p>- Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 41 Luật Chứng khoán 54/2019/QH14, hoàn thiện khung pháp lý về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, góp phần nâng cao chất lượng quản trị công ty và tính công khai, minh bạch đối với công ty đại chúng. Vì vậy, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với tính cần thiết ban hành Nghị định.</p> <p>- Tại dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Quý Bộ cần nhắc bổ sung nội dung đánh giá về tính tương thích của các quy định trong dự thảo Nghị định so với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (theo quy định tại Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015), làm rõ hơn tính tương thích với cam kết của WTO như nêu ở điểm II.2 dự thảo Tờ trình</p>	Bộ Ngoại giao	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Luật Doanh nghiệp đã quy định nhiều nội dung về quản trị công ty và tiệm cận với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, Luật Chứng khoán 2019 đã sửa đổi một số quy định về nguyên tắc quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng cho phù hợp với nguyên tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD); quy định một số nội dung chủ yếu về quản trị công ty đại chúng (quyền và nghĩa vụ của cổ đông; triệu tập, tổ</p>

			<p>chức hợp ĐHĐCĐ; thành phần cơ cấu, trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT; đề cử, ứng cử thành viên HĐQT; ngăn ngừa xung đột lợi ích, CBTT) và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này để bảo đảm linh hoạt trong thực tiễn áp dụng, phù hợp với điều kiện thực tế trong từng giai đoạn.</p>
3	<p>- Bộ Thông tin và Truyền thông nhất về quan điểm, mục tiêu xây dựng Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng theo đề xuất của Bộ Tài chính tại dự thảo Tờ trình Chính phủ nhằm quy định chi tiết Điều 41 Luật Chứng khoán năm 2019 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Đối với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định, Bộ TTTT thống nhất với các nội dung quy định cụ thể về quản trị công ty tại dự thảo Nghị định theo trình bày của Bộ Tài chính nhằm bổ sung, bảo đảm tính tương thích với một số nội dung được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, đồng thời quy định cụ thể hơn một số điểm trên cơ sở tiếp thu một số thắc mắc của công ty đại chúng và điều chỉnh một số nội dung quy định mang tính nguyên tắc, khuyến nghị thành quy định mang tính bắt buộc đối với đối tượng áp dụng là công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn.</p> <p>- Bộ TTTT đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo trên cơ sở đánh giá toàn diện kết quả tổng kết 10 năm thi hành văn bản về quản trị công ty, xác định rõ những vấn đề vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn triển khai vừa</p>	<p><b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã lập Báo cáo tổng kết thi hành quy định về quản trị công ty, trong đó có xác định rõ những vấn đề vướng mắc,</p>

	<p>qua, đồng thời tiếp thu đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng để hoàn thiện Nghị định nhằm tạo điều kiện cho môi trường kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán phát triển bền vững.</p>		<p>khó khăn trong thực tiễn triển khai vừa qua.</p>
4	<p>- Trong dự thảo Nghị định, đề nghị thông nhất viện dẫn các nội dung liên quan được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV và sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.</p> <p>- Điều 2: đề nghị bổ sung thêm khoản 8 và khoản 9, cụ thể:</p> <p>+ <i>Mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của công ty đại chúng: công ty đại chúng áp dụng mô hình tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định tại Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020.</i> Việc giải thích thuật ngữ như trên tạo điều kiện thuận lợi cho công ty đại chúng trong việc hiểu và áp dụng các nội dung liên quan trong dự thảo Nghị định như các nội dung nêu tại Chương IV. Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT và Chương V. Thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát.</p> <p>+ Khoản 9: Đề nghị nêu rõ khái niệm doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn.</p>	<p><b>Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia</b></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã thực hiện rà soát và cập nhật lại theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Điều 2 Giải thích từ ngữ, do vậy bổ sung thêm nội dung này vào Điều 2 là không phù hợp.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã rà soát và bổ sung vào khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị định khái niệm công ty đại chúng quy mô lớn như sau: <i>Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.</i></p>

<p>- Khoản 2 Điều 5: đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau: “Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, có kiến thức sâu rộng về môi trường kinh doanh mà doanh nghiệp đang hoạt động cũng như am hiểu các quy tắc, quy định điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty”. Điều này sẽ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trong công ty đại chúng và cũng phù hợp với khuyến nghị được nêu trong Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất (phiên bản 1.0, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế - IFC, 8/2019).</p> <p>- Khoản 1 Điều 9: đề nghị sửa câu: “Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp” thành: “Có đồng tham dự họp, biểu quyết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự họp, biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020”.</p> <p>- Khoản 1 Điều 10: Xem xét, sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên... d) Lợi ích của bản thân và người có liên quan đối với công ty và các bên có liên quan của công ty”.</p> <p>- Điểm d khoản 2 Điều 13 quy định “... công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ...” là trùng lặp vì theo quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020 thì “một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; b) Có quyền trực tiếp hoặc</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Có hiểu biết về pháp luật đã bao hàm các nội dung có kiến thức sâu rộng về môi trường kinh doanh mà doanh nghiệp đang hoạt động cũng như am hiểu các quy tắc, quy định điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Nội dung nêu tại khoản này chỉ nhấn mạnh về việc ủy quyền của cổ đông, không đề cập đến việc tham dự họp và biểu quyết.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Theo quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020 “Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ</p>
---	---

gián tiếp quyết định bổ nhiệm đã số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; c) Có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó”.

Xem xét sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 13 như sau:  
 “d) Báo cáo HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập, cổ đông lớn hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Khoản 4 Điều 13: xem xét bổ sung quy định về nội dung báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT mà thành viên độc lập HĐQT của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải lập.

hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đã số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.”

Còn trường hợp công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ là công ty do công ty đại chúng nắm quyền sở hữu trực tiếp hay gián tiếp thông qua các công ty con trên 50% trở lên vốn điều lệ. Vì vậy, công ty con không nằm trong trường hợp công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ.

Bên cạnh đó, đây là báo cáo giao dịch với đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, do vậy, có đồng lớn không thuộc đối tượng quy định tại nội dung này.

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Công ty tự căn cứ vào hoạt động thực tế của HĐQT để báo cáo, không đưa ra mẫu chung.



<p>- Khoản 7 Điều 18: đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “7. <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán, trình HĐQT thông qua.</u> Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>- Khoản 1 Điều 19: đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 01 lần trong 01 quý. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng, phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định của pháp luật; trong đó có họ, tên, chữ ký của Trưởng Ủy ban kiểm toán và người ghi biên bản. Trưởng họp Trưởng Ủy ban kiểm toán, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc Trưởng Ủy ban kiểm toán, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp”.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã bổ sung vào khoản 7 Điều 18 dự thảo Nghị định như sau: <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán, trình HĐQT thông qua.</u> Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa, bổ sung nội dung như sau: <u>Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.</u></p>
<p>- Khoản 4 Điều 20: xem xét sửa đổi, bổ sung như sau: “4. Báo cáo, đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó, người có liên quan của Giám đốc (Tổng giám đốc); giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) là</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Đây là báo cáo giao dịch với đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, do vậy, có đông lớn không thuộc đối tượng quy định tại nội dung này.</p>

<p><u>thành viên sáng lập, cổ đông lớn hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch</u>”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 Điều 25: xem xét sửa đổi như sau: “<u>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 01 lần trong 01 quý...</u>” Lý do: việc tăng tần suất họp của Ban kiểm soát từ ít nhất 2 lần/năm lên ít nhất 4 lần/năm tương ứng với tần suất họp của Ủy ban kiểm toán giúp tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kịp thời phát hiện rủi ro (nếu có) và nâng cao tính tuân thủ pháp luật.</li> <li>- Khoản 2 Điều 27: Quy định công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ...” là trùng lặp (như trình bày ở đề xuất ý kiến về điều 13 tại Mục 6 nêu trên).</li> <li>- Mục b khoản 2 Điều 29: đề nghị sửa thành: “<u>Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015</u>”. Lý do vì quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định 96/2015/NĐ-CP nhằm mục đích hạn chế sở hữu chéo giữa các công ty (thông qua việc mua bán, chuyển nhượng, tăng, giảm phần vốn góp, sở cổ phần), không phải nội dung liên quan đến cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</li> <li>- Điều 38: đề nghị dự thảo theo hướng: “<u>Các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử lý hoặc xử phạt vi phạm hành chính theo quy</u></li> </ul>	<p>Bên cạnh đó, tại nội dung này đã có đối tượng “<u>những người có liên quan của thành viên đó</u>”, chính sửa lại thành “<u>những người có liên quan của đối tượng đó</u>”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa lại Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong năm cho phù hợp với Ban kiểm soát.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã giải trình như nêu ở phía trên.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa lại nội dung cho phù hợp như sau: “<u>Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015</u>”</li> </ul>
--	--

	<p><i>định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành”.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số góp ý về câu chữ trong dự thảo:</li> <li>+ Khoản 2 Điều 12: đề nghị bỏ từ “phải” trước cụm từ “là thành viên không điều hành”.</li> <li>+ Khoản 4 Điều 37: đề nghị bổ sung từ “sẽ” trước cụm từ “bị xử lý...”.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa, bổ sung lại như sau: <i>Các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.</i></li> </ul>
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 Điều 2: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc nội dung khoản này, vì không phù hợp với tên điều “giải thích từ ngữ”. Giải thích từ ngữ nhưng không giải thích mà nhắc lại quy định tại khoản 1 Điều 32 và khoản 4 Điều 135 Luật Chứng khoán.</li> <li>- Về việc nhắc lại nội dung của các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác: Trong dự thảo Nghị định này có nhiều nội dung nhắc lại các điều khoản của các văn bản pháp luật khác như: khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 16. Do vậy, đề nghị cần nhắc, chỉnh lý dự thảo theo hướng không nhắc lại các nội dung nêu trên, vì không phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này.</li> <li>- Về khoản 1 Điều 10: Nội dung khoản này quy định: <i>Trường hợp đã xác định được ứng cử viên... Ứng cử viên của HĐQT phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân... Đề nghị cần nhắc, bỏ từ “hợp lý” trong khoản này để đảm bảo tính chính xác trong việc sử dụng từ ngữ khi xây dựng quy phạm pháp luật. Khoản này, có thể chỉnh lý theo hướng: Ứng cử viên của HĐQT phải cam</i></li> </ul>	<p><b>Thanh tra Chính phủ</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa bỏ các thuật ngữ được tham chiếu tại các văn bản pháp luật khác và chỉ để lại những thuật ngữ có giải thích cụ thể.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa lại như sau: “... Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố...”.</li> </ul>

<p><i>kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố...</i></p> <p>- Về khoản 2 Điều 13: Đề nghị cân nhắc toàn bộ nội dung khoản này, vì khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của HĐQT, không quy định <b>trách nhiệm</b> của thành viên HĐQT công ty cổ phần. Mặt khác, Luật Doanh nghiệp và các Luật khác không giao Chính phủ quy định chi tiết <b>trách nhiệm</b> của thành viên HĐQT công ty đại chúng, do vậy đề nghị chỉnh lý theo hướng không quy định trách nhiệm của thành viên HĐQT đối với công ty đại chúng như dự thảo Nghị định này.</p> <p>Tương tự như trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc theo hướng không quy định trách nhiệm của HĐQT. Thực tế cho thấy, thành viên HĐQT, HĐQT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác có liên quan thì đã đảm bảo được hiệu lực, hiệu quả quản lý của thành viên HĐQT, của HĐQT công ty đại chúng.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã bỏ tham chiếu Luật Doanh nghiệp; đồng thời giải trình làm rõ như sau: Luật Chứng khoán có quy định trách nhiệm của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT và giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết.</p>
<p>6</p> <p>Công ty đại chúng là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 và khoản 4 Điều 135 của Luật Chứng khoán. Đây là loại hình doanh nghiệp đặc thù ít liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Bộ Khoa học và Công nghệ. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ không có ý kiến góp ý chuyên sâu về chuyên môn. Về nội dung của dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến góp ý như sau:</p> <p>- Về chức danh "Người phụ trách quản trị công ty" (quy định tại Điều 5, Dự thảo Nghị định) là một chức danh mới, chỉ xuất hiện ở dự thảo Nghị định này (Luật Doanh nghiệp không quy định). Vì vậy, cần đưa vào khái niệm từ ngữ để hiểu thống</p>	<p><b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b></p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Người phụ trách quản trị công ty chỉ là người phụ trách hỗ trợ công tác quản trị</p>

	<p>nhất, đồng thời rà soát lại chức trách, nhiệm vụ của chức danh này để không trùng lặp với chức danh “Thư ký công ty” đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp (do trong dự thảo Nghị định chỉ nêu “có thể kiêm nhiệm”).</p> <p>- Quy định về xử lý vi phạm về quản trị công ty tại Điều 38 dự thảo Nghị định mới nêu sơ sài, chưa đủ nội dung. Đây là một nội dung rất quan trọng vì có sự tương quan logic với các nội dung quy định về quyền và trách nhiệm của các vị trí chức danh trong công ty được đề cập trong dự thảo Nghị định và các nội dung quy định tại Chương VI. Ngăn ngừa xung đột lợi ích trong dự thảo Nghị định. Cụ thể, khi xuất hiện vi phạm đối với những quy định nêu trên thì việc xử lý vi phạm về quản trị công ty sẽ được thực hiện như thế nào. Đề nghị Quý Bộ nghiên cứu làm rõ và bổ sung để dự thảo Nghị định được hoàn thiện, đầy đủ.</p>	<p>công ty, không phải là người giữ chức danh phụ trách quản trị công ty. Do vậy, chức danh của người phụ trách quản trị công ty để các công ty đại chúng chủ động quyết định. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty đã nêu rõ vai trò và đặc điểm công việc của người phụ trách quản trị công ty.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Nội dung này sẽ được quy định tại Nghị định xử phạt.</p>
7	<p>Bộ Xây dựng về cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Ngoài ra, Bộ Xây dựng có một số ý kiến như sau:</p> <p>- Về nội dung Thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại khoản 2 Điều 8 dự thảo: “ĐHĐCĐ không thực hiện ủy quyền các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ cho</p>	<p><b>Bộ Xây dựng</b></p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã thực hiện rà soát lại và chọn lọc các nội</p>

	<p><i>HDQT</i>”, đề nghị xem xét, bổ sung một số nội dung được phép ủy quyền cho HDQT. Do trên thực tế, đối với những nội dung đã nằm trong kế hoạch được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên thì có thể ủy quyền cho HDQT quyết định.</p> <p>- Ngày 17/6/2020, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp sửa đổi, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Do đó, đề nghị xem xét, sửa đổi lại việc trích dẫn các khoản, Điều của Luật Doanh nghiệp sửa đổi và sử dụng các từ ngữ/thuật ngữ trong Dự thảo Nghị định cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp sửa đổi.</p>		<p>dung ĐHĐCĐ không thực hiện ủy quyền cho HDQT như sau:</p> <p>a. Các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>b. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã thực hiện rà soát và cập nhật lại theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
8	<p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</p>	<p><b>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b></p>	
9	<p>- Về hồ sơ xây dựng Nghị định: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các nội dung sau: (i) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị định; (ii) Báo cáo đánh giá tác động của từng chính sách tại dự thảo Nghị định (nếu có); (iii) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách của Dự thảo Nghị định và các tài liệu khác (nếu có) để đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Điều 87 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015.</p> <p>- Tại Điều 2 dự thảo Nghị định: đề nghị đổi tên Điều 2 thành “Giải thích từ ngữ”.</p>	<p><b>Bộ Tài nguyên và Môi trường</b></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã dự thảo các tài liệu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa lại thành Điều 2 Giải thích từ ngữ.</p>

	<p>- Tại Điều 7 dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung quy định về nghĩa vụ của cổ đông công ty.</p>		<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: nội dung này đã quy định tại Điều 6 dự thảo Nghị định.</p>
10	<p>- Căn cứ ban hành văn bản: Đề nghị bổ sung đầy đủ căn cứ Luật Doanh nghiệp sửa đổi: Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020.</p> <p>- Quy định đối với công ty đại chúng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Theo khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp 2020, doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bao gồm: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên. Dự thảo mới chỉ quy định đối với công ty đại chúng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các quy định đối với công ty đại chúng do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 81/2015/NĐ-CP về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>- Thành viên Ủy ban kiểm toán (Điều 17 dự thảo Nghị định): Đề nghị nghiên cứu, xem xét lại tiêu chí Trưởng Ủy ban kiểm toán tại Điều 17 để đảm bảo tính khả thi vì đối với công ty cổ phần có số lượng HĐQT nhiều (07-11 người), việc áp dụng tiêu chí tại dự thảo không khó nhưng đối với các công ty cổ phần có số lượng thành viên HĐQT ít (03 người), việc vừa áp dụng tiêu chí theo quy định của dự thảo vừa phải áp dụng tiêu</p>	<p><b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Quy định nêu tại dự thảo Nghị định áp dụng đối với công ty đại chúng đáp ứng điều kiện theo quy định Luật Chứng khoán, không phân biệt đối với trường hợp công ty đại chúng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: nội dung này được áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

	<p>chỉ thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ rất khó khăn.</p> <p>- Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp (Điều 29 dự thảo Nghị định): Đề nghị xem lại nội dung quy định tại khoản 5 Điều 29 của dự thảo Nghị định vì mâu thuẫn với điểm c khoản 4 Điều 29. Điểm c khoản 4 Điều 29 quy định <i>giao dịch có giá trị từ 35% trở lên</i> thì được HĐQT chấp thuận. Tuy nhiên khoản 5 Điều 29 quy định dẫn chiếu đến điểm c khoản 4 Điều 29 (có giá trị từ 35% trở lên), đồng thời lại quy định có giá trị nhỏ hơn 35%.</p>		<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Điểm c khoản 4 Điều 29 dự thảo Nghị định quy định giao dịch có giá trị từ 35% trở lên chỉ được thực hiện khi đã được ĐHQĐ chấp thuận, không mâu thuẫn với khoản 5 Điều 29 dự thảo Nghị định.</p>
11	<p>Về cơ bản nhất trí với các nội dung của dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định để không quy định lại các nội dung đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.</p>	<b>Bộ Công Thương</b>	
12	<p>- Khoản 1 Điều 3: Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa từ “1.Điều lệ công ty được ĐHQĐ thông qua và không được trái với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan” thành “1.Điều lệ công ty được ĐHQĐ thông qua phải tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan”.</p> <p>- Khoản 1 Điều 4: Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa từ “Quy chế nội bộ về quản trị công ty được HĐQT xây dựng, trình ĐHQĐ thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty” thành “Quy chế nội bộ về quản trị công ty được HĐQT xây dựng, trình ĐHQĐ thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ công ty”.</p>	<b>Kiểm toán Nhà nước</b>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 vẫn sử dụng từ “trái” trong quy định. Do vậy, nội dung Dự thảo Nghị định sử dụng từ “trái” là phù hợp quy định.</p>



<p>- Khoản 2 Điều 5: Đề nghị là rõ ý “Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết pháp luật, ...” và bổ sung quy định cụ thể hơn về điều kiện, tiêu chuẩn “có hiểu biết về pháp luật” để làm cơ sở thực hiện.</p> <p>- Khoản 3 Điều 6: “ ... Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty; nghị quyết của HĐQT trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết của ĐHĐCĐ; Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án, Trọng tài đình chỉ thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết nói trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp”: Đề nghị bổ sung “nhóm cổ đông” vào sau cụm từ “cổ đông” để đảm bảo tính đầy đủ và thống nhất với Điều 115 và Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Điều 9: Xem xét bổ sung quy định về số người tham dự và số cổ phần tối thiểu của các cổ đông tham gia để có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ.</p> <p>- Khoản 2 Điều 11: “Thành viên HĐQT của một công ty đại chúng không thể đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác”. Đề nghị nghiên cứu cân nhắc do tại điểm c khoản 1 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp 2020 quy định</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Không thể định lượng “có hiểu biết pháp luật”, vì vậy không thể quy định cụ thể điều kiện và tiêu chuẩn “có hiểu biết pháp luật”.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã bổ sung thêm “nhóm cổ đông” để đảm bảo tính đầy đủ và thống nhất với Điều 115 và Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Luật Doanh nghiệp chỉ quy định số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết là đủ điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ, không quy định về số người tham dự và số cổ phần tối thiểu của các cổ đông tham gia.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Quy định về việc thành viên HĐQT của một công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công</p>
--	--

“Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác”.

- Khoản 5 Điều 14: Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa từ “... bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với các bên liên quan” thành “... bao gồm việc sử dụng tài sản, bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với các bên liên quan”.

- Điều 15: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020 “*HDQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mọi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết*” vào Điều 15 của dự thảo Nghị định để đảm bảo tính đầy đủ, chặt chẽ khi quy định về cuộc họp của HĐQT công ty đại chúng.

- Điều 19: Đề nghị bổ sung mục đích và nội dung của cuộc họp Ủy ban kiểm toán vào Điều 19 của dự thảo; chỉnh sửa “*Trưởng Ủy ban kiểm toán*” thành “*Chủ tịch Ủy ban kiểm toán*” theo đúng Điều 161 của Luật Doanh nghiệp 2020 (rà soát chỉnh sửa tương tự tại các Điều 17 đến Điều 20); nghiên cứu bổ sung các thành phần phải ký tên trong Biên bản họp của Ủy ban kiểm toán như Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, người ghi biên bản,...

ty khác nhằm đảm bảo khả năng thực thi nhiệm vụ và tính bảo mật của doanh nghiệp.

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: *Khái niệm tài sản đã bao gồm các nội dung bí mật thương mại, bí mật kinh doanh.*

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: *Nội dung tại điều này chỉ quy định về cuộc họp, không đề cập đến vấn đề biểu quyết, đồng thời không thực hiện dẫn chiếu lại quy định tại Luật Doanh nghiệp.*

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã rà soát và cập nhật lại theo Luật Doanh nghiệp 2020 và chỉnh sửa lại như sau: *Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ; chỉnh sửa lại*

<p>- Khoản 5 Điều 24: Đề nghị chỉnh sửa, biên tập từ “... vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác...” thành “... và người điều hành khác của công ty đại chúng” để tránh hiểu nhầm (rà soát chỉnh sửa tương tự tại khoản 5 Điều 26).</p> <p>- Khoản 1 Điều 25: “Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong năm...” đề nghị chỉnh sửa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 106 của Luật Doanh nghiệp 2020 “Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong thành trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát”, đồng thời bổ sung mục đích, nội dung của cuộc họp Ban kiểm soát để có cơ sở thực hiện.</p>	<p>“Trưởng Ủy ban kiểm toán” thành “Chủ tịch Ủy ban kiểm toán”.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa lại như sau: “... và người điều hành khác của doanh nghiệp”.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Khoản 3 Điều 106 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định chế độ làm việc của Ban kiểm soát doanh nghiệp Nhà nước, không phải quy định đối với công ty cổ phần.</p>	<p>- Khoản 2 Điều 31 “Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng...”, đề nghị nghiên cứu thay cụm từ “có thể” bằng từ “được” để đảm bảo quyền lợi tuyệt đối cho các cổ đông và công chúng đầu tư khi tiếp cận thông tin, đồng thời gắn trách nhiệm của công ty đại chúng trong việc đảm bảo tính công khai, minh bạch khi công bố thông tin.</p> <p>- Điều 38: Xử lý vi phạm về quản trị công ty, đề nghị bổ sung viện dẫn văn bản, căn cứ xử phạt theo quy định nào.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa lại như sau: “Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng...”.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa, bổ sung lại như sau: Các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định</p>
---	---	--	--

	<p>- Đề nghị rà soát, sửa đổi các nội dung đang trích dẫn trong Dự thảo theo Luật Doanh nghiệp 2014 sang trích dẫn theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p>		<p>về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã thực hiện rà soát và cập nhật lại theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
13	<p>- Nhất trí với hình thức và bố cục của dự thảo.</p> <p>- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số vấn đề sau:</p> <p>+ Tại khoản 3 Điều 6 (Quyền và nghĩa vụ của cổ đông): <u>Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, quyền lợi của cổ đông công ty, vi phạm pháp luật, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án...</u></p> <p>+ Tại khoản 3 Điều 8 (Thẩm quyền của ĐHĐCĐ): <u>Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện, hoặc không thực hiện được...</u></p> <p>+ Tại Điều 14 (Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT): <u>HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty...</u></p> <p>+ Tại mục a khoản 4 Điều 29 (Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này):... <u>người quản lý khác không phải là cổ đông của công ty và những cá nhân, tổ chức có liên quan...</u></p>	<p><b>Bộ Công An</b></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Luật Doanh nghiệp chỉ quy định đối với trường hợp gây thiệt hại cho công ty, do vậy, dự thảo Nghị định không bổ sung thêm trường hợp <u>gây ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông công ty, vi phạm pháp luật.</u></p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Đối với trường hợp không thực hiện được thì sẽ phải thay đổi phương án, như vậy đã có trong quy định của khoản này về việc thay đổi nội dung phương án.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Dự thảo Nghị định áp dụng đối với công ty đại</p>

14	<p><b>I. Về sự cần thiết ban hành văn bản:</b></p> <p>Việc quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng hiện được điều chỉnh tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Tuy nhiên, Luật Chứng khoán năm 2019 đã được ban hành (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021), trong đó Điều 41 Luật này đã có một số nội dung thay đổi về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và giao “<i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này</i>” (khoản 7). Bên cạnh đó, vừa qua, Quốc hội cũng đã thông qua Luật Doanh nghiệp sửa đổi thay thế Luật Doanh nghiệp năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021), trong đó cũng có thay đổi một số quy định liên quan đến quản trị công ty cổ phần. Vì vậy, để triển khai thực hiện Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, việc trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, thay thế Nghị định số 71/2017/NĐ-CP để có hiệu lực đồng thời với 02 Luật này là cần thiết.</p> <p><b>II. Về nội dung văn bản</b></p> <p>Đề nghị Bộ Tài chính rà soát tổng thể dự thảo Nghị định với quy định của Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản liên quan để bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và tính khả thi của văn bản sau khi ban hành, trong đó, lưu ý thêm một số nội dung sau đây:</p> <p>1. Đề nghị rà soát lại để thống nhất giữa quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định. Theo khoản 1</p>	<p><b>Bộ Tư pháp</b></p>	<p>chúng nên có đồng đương nhiên là cổ đông của công ty đại chúng.</p>
<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã bổ sung thêm đối tượng áp dụng là</p>			

<p>Điều 1 dự thảo Nghị định, phạm vi điều chỉnh của Nghị định có nội dung về “Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT”. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định lại không có đối tượng áp dụng là thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.</p> <p>2. Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về người phụ trách quản trị công ty, theo đó, HĐQT của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị công ty. Qua nghiên cứu, Bộ Tư pháp nhận thấy, người phụ trách quản trị công ty là người giúp việc cho HĐQT. Do đó, đề nghị chuyển nội dung Điều này vào Chương III dự thảo Nghị định quy định về thành viên HĐQT và HĐQT cho phù hợp.</p> <p>3. Khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định bổ sung quy định “Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện, HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ gần nhất thông qua trước khi thực hiện”. Theo cơ quan chủ trì soạn thảo, quy định này nhằm tránh tình trạng nhiều doanh nghiệp triển khai các kế hoạch đã được thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũ trong khi Nghị quyết của ĐHĐCĐ mới không đề cập nhất là trong việc phát hành cổ phiếu. Về mặt pháp lý, Bộ Tư pháp nhận thấy, Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã ban hành và có hiệu lực thì vẫn có giá trị pháp lý, nếu không có Nghị quyết mới của ĐHĐCĐ thay đổi, hủy bỏ. Vì vậy, nếu yêu cầu HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất tất cả các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ</p>	<p>thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã đưa nội dung Điều 5 Người phụ trách quản trị công ty vào Chương III dự thảo Nghị định quy định về thành viên HĐQT và HĐQT cho phù hợp.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã thực hiện rà soát lại và chọn lọc nội dung như sau:</p> <p>a. Các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>b. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p>
---	--

trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện là không cần thiết. Đề nghị nên quy định theo hướng xác định một số vấn đề quan trọng cần định kỳ báo cáo ĐHCĐ trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Khoản 4 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định “*Cơ cấu thành viên HĐQT của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập*”. Đề nghị làm rõ “*công ty đại chúng quy mô lớn*” để thống nhất trong việc áp dụng trên thực tiễn.

5. Đề nghị chỉnh lý lại khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định quy định “*Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp...*” cho thống nhất với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định “*Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và ha khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực*”. Như vậy, theo Luật Doanh nghiệp thì biên bản không có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản thì phải được tất cả các

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã bổ sung vào khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị định khái niệm công ty đại chúng quy mô lớn như sau: *Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.*

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã rà soát lại và chỉnh sửa theo Luật Doanh nghiệp 2020.

thành viên khác của HĐQT dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.

6. Về điều kiện của Trưởng Ủy ban kiểm toán (khoản 3 Điều 17 dự thảo Nghị định), đề nghị làm rõ quy định "*chuyên ngành có liên quan*", tránh tình trạng hiểu và áp dụng khác nhau trên thực tiễn. Tương tự, đề nghị làm rõ quy định "*chuyên ngành có liên quan*" tại khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định về tiêu chuẩn của Trưởng ban kiểm soát.

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã rà soát và cập nhật lại tiêu chuẩn Trưởng ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2020.

Bên cạnh đó giải trình làm rõ về tiêu chuẩn Chủ tịch Ủy ban kiểm toán như sau: do ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn, chủ yếu và tập trung vào giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính, rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ (Khoản 3 Điều 161 Luật DN 2020) nên cần quy định rõ yêu cầu Chủ tịch UBKT có chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh để làm tốt quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch UBKT. Nếu quy định không rõ ràng như "chuyên ngành có liên quan" sẽ không đảm bảo được mục tiêu đề ra khi thành lập ủy ban kiểm toán. Ví dụ: công ty làm về nông nghiệp, Chủ tịch UBKT chỉ có chuyên ngành nông nghiệp, mặc dù có liên quan ngành nghề công ty nhưng sẽ không đảm bảo làm tốt việc giám sát báo



<p>7. Đề nghị cơ quan chủ quản soạn thảo nghiên cứu, bổ sung điều khoản chuyển tiếp vào dự thảo Nghị định để xử lý các vấn đề phát sinh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p><b>III. Về trình tự, thủ tục và kỹ thuật xây dựng văn bản</b></p> <p>1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện xây dựng Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó, lưu ý giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, nhất là đối tượng chịu sự tác động của văn bản, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung bảng so sánh, lý do sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc giữ nguyên các quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP để Chính phủ xem xét, quyết định.</p> <p>2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị định, đề nghị rà soát, chỉnh sửa lại theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Chương V Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ:</p> <p>- Tại căn cứ ban hành Nghị định có dẫn chiếu đến Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), tuy nhiên, trong các điều khoản của Nghị định lại dẫn chiếu đến các điều khoản tương ứng theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 là không phù hợp. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân rà soát và sửa đổi phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p>	<p>cáo tài chính, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Không có nội dung phải đưa vào điều khoản chuyển tiếp.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã bổ sung bảng so sánh, lý do sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc giữ nguyên các quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP theo quy định.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã rà soát và cập nhật lại theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
---	---

	<p>- Về Điều 2 giải thích thuật ngữ, đề nghị cân nhắc lại. Giải thích thuật ngữ phải có nội hàm rõ ràng, không phải là viện dẫn quy định ở văn bản pháp luật khác.</p>		<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa bỏ các thuật ngữ được tham chiếu tại các văn bản pháp luật khác và chỉ để lại những thuật ngữ có giải thích cụ thể.</p>
15	<p><b>1. Ý kiến chung</b> Ngày 17/6/2020, Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021), vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung dự thảo Nghị định để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p> <p><b>2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b> Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một khoản vào Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc áp dụng Nghị định này đối với các công ty đại chúng là tổ chức tín dụng như sau: “<i>Đối với công ty đại chúng là TCTD thì trường hợp có quy định khác nhau về quản trị công ty giữa pháp luật về ngân hàng và Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật về ngân hàng</i>”.</p> <p><b>Lý do:</b> Quy định về quản trị của tổ chức tín dụng theo pháp luật về ngân hàng có một số điểm khác biệt so với quy định pháp luật chung về quản trị công ty, cụ thể như sau:</p> <p>- Về căn cứ áp dụng pháp luật:</p> <p>Khoản 2 Điều 3 Luật các TCTD quy định: “<i>Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng</i></p>	<p><b>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã rà soát và cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Áp dụng theo quy định tại Điều 3 Luật Doanh nghiệp 2020 “<i>Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó</i>”.</p>

*người ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng quy định của Luật này”.*

*Điều 3 Luật Doanh nghiệp quy định: “Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó”.*

*- Về số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:*

*Khoản 1 Điều 162 Luật các TCTD quy định: “HĐQT của tổ chức tín dụng là công ty có phân phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất ½ tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của tổ chức tín dụng” trong khi Điều 12 dự thảo Nghị định quy định số lượng thành viên HĐQT của công ty đại chúng “ít nhất 03 người”, cơ cấu thành viên HĐQT “đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập” đối với trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết, “ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập” đối với công ty đại chúng đã niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn.*

*Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 62 Luật các TCTD quy định: “Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 1/3 tổng số thành viên HĐQT của một tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước”; khoản 2 Điều 44 Luật các TCTD quy định cơ cấu Ban kiểm soát “phải có ít nhất ½ tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời*

đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác”, trong khi dự thảo Nghị định không đặt ra các giới hạn này.

- Về người quản trị, điều hành doanh nghiệp:

Luật các TCTD có các quy định cụ thể, chặt chẽ hơn về tiêu chuẩn, điều kiện để trở thành người quản lý, điều hành TCTD trên các khía cạnh trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp (Điều 50); về giới hạn đối với người tham gia quản trị, điều hành (quy định trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không được cùng đảm nhiệm chức vụ tại Điều 33, Điều 34); quy định bảo đảm sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với người thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành TCTD thông qua quy định chấp thuận danh sách dự kiến những người bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Giám đốc của TCTD (Điều 51), quy định về đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên HĐQT, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành TCTD (Điều 37); quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc/ Giám đốc của TCTD (Điều 56).

- Về xác định người có liên quan:

Luật các TCTD có quy định cụ thể, chặt chẽ hơn trong việc xác định nội hàm cụ thể của khái niệm người có liên quan so với Luật Chứng khoán. Điểm c khoản 28 Điều 4 Luật các TCTD quy định người có liên quan bao gồm trường hợp “Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại” trong

khi tỷ lệ tương tự tại điểm b khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán là 10%; và điểm c khoản 28 Điều 4 Luật các TCTD có quy định thêm trường hợp xác định đối tượng người có liên quan dựa trên mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khi Luật Chứng khoán không quy định trường hợp tương tự.

- Về công bố thông tin:

Đối với TCTD bị kiểm soát đặc biệt, Luật các TCTD quy định việc công bố thông tin của TCTD được kiểm soát đặc biệt được *thực hiện theo yêu cầu của NHNN* phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống TCTD (khoản 5 Điều 146).

Khoản 3 Điều 118 Luật Chứng khoán quy định: “*Đối với công ty đại chúng là tổ chức tin dụng được kiểm soát đặc biệt, việc công bố thông tin thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tin dụng*”.

Bên cạnh đó, Luật các TCTD cũng đặt ra các quy định mang tính đặc thù về quản trị, hoạt động đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt. Cụ thể, việc tổ chức ĐHĐCĐ của TCTD được kiểm soát đặc biệt được *thực hiện theo yêu cầu của NHNN* phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống TCTD (khoản 1 Điều 146); số lượng thành viên, nhiệm kỳ HĐQT, Ban kiểm soát của TCTD được kiểm soát đặc biệt *do NHNN quyết định* (khoản 6 Điều 146).

Từ các nội dung trên cho thấy, việc áp dụng quy định của dự thảo Nghị định đối với quản trị công ty đại chúng là TCTD có nhiều điểm không thống nhất, không đảm bảo phù hợp với Luật các TCTD, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Do

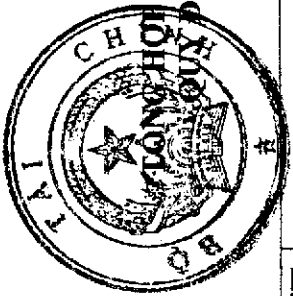
	<p>đó, cần khẳng định rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật đối với công ty đại chúng là TCTD để đảm bảo phù hợp.</p> <p><b>3. Khoản 2 Điều 5</b> Đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể về tiêu chuẩn “<i>hiểu biết về pháp luật</i>” tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định như: bằng cấp, trình độ chuyên môn và/hoặc năm công tác/kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật.</p> <p><b>4. Khoản 1 Điều 9</b> Đề nghị cân nhắc quy định cụ thể về “<i>ngày đăng ký cuối cùng</i>” như sau: “<i>ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ</i>”.</p>		
16	<p>Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, UBND Thành phố không có ý kiến khác.</p>	UBND Tp. HCM	
17	<p><b>1. Về dự thảo Tờ trình:</b> nhằm thực hiện các biện pháp cần thiết để nâng hạng thị trường chứng khoán, thu hút vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài, nâng cao hệ thống quản trị minh bạch tại các doanh nghiệp, đề nghị bổ sung nội dung về kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và thông lệ quốc tế của một số nước cũng như của Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế (OECD) phù hợp với tình hình thực tiễn của thị trường chứng khoán Việt Nam.</p> <p><b>2. Về dự thảo Nghị định:</b> - Một số quy định tại dự thảo Nghị định tham chiếu với các Điều, khoản của Luật Doanh nghiệp năm 2014, do đó đề nghị Ban soạn thảo cập nhật theo các Điều, khoản của Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như: tại khoản 6 Điều 2 về thành viên độc lập HĐQT tham chiếu thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp; Điều 9 về cuộc họp ĐHĐCĐ...</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã cập nhật lại theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

<p>- Điều 5 về người phụ trách quản trị công ty: Theo quy định tại khoản 5 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp 2014 “<i>Chủ tịch HĐQT tuyên dụng thư ký công ty</i>”, tuy nhiên căn cứ theo khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quy định “<i>Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký công ty</i>”, do vậy, đề nghị căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 để làm rõ khái niệm về người phụ trách quản trị công ty.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Người phụ trách quản trị công ty chỉ là người phụ trách hỗ trợ công tác quản trị công ty, không phải là người giữ chức danh phụ trách quản trị công ty. Do vậy, chức danh của người phụ trách quản trị công ty để các công ty đại chúng chủ động quyết định. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty đã nêu rõ vai trò và đặc điểm công việc của người phụ trách quản trị công ty.</p>
<p>- Điều 6 về quyền và nghĩa vụ của cổ đông: Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định tại Điều 115 về quyền của cổ đông phổ thông và Điều 119 về nghĩa vụ của cổ đông và có nội dung mới hơn so với các Điều 114 và Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2014. Ngoài ra, đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc, nghiên cứu chuyên nội dung nghĩa vụ của cổ đông để đưa vào Điều 7 thành “<i>Nghĩa vụ của cổ đông và cổ đông lớn</i>”.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã cập nhật lại theo Luật Doanh nghiệp 2020 và đưa nội dung tại Điều 7 dự thảo Nghị định <i>Nghĩa vụ của cổ đông lớn</i> vào nội dung tại Điều 6 dự thảo Nghị định <i>Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</i>.</p>
<p>- Về điểm đ khoản 2 Điều 13 về thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật: đề nghị làm rõ cụ thể theo quy định nào của pháp luật.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Các đối tượng theo quy định tại Điều 127 Luật Chứng khoán 2019 phải thực hiện công bố thông tin khi có thay đổi về</p>

	<p>- Điều 18 về quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán: đề nghị Bộ Tài chính rà soát các quy định tại dự thảo Nghị định về quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán để thống nhất với quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p> <p>- Điều 38 về xử lý vi phạm về quản trị công ty: đề nghị Bộ Tài chính bổ sung, nêu rõ quy định căn cứ theo Điều 132 Luật Chứng khoán năm 2019 về xử lý vi phạm; đồng thời xử phạt các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty khi vi phạm quy định tại các Điều 31 và khoản 4 Điều 37...</p> <p>3. Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung vào Hồ sơ trình bao gồm báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định, báo cáo thuyết minh chi tiết...</p>		<p>số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã thực hiện rà soát và đối chiếu với Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã chỉnh sửa, bổ sung lại như sau: <i>Các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.</i></p> <p>- Tiếp thu bổ sung thêm Báo cáo đánh giá tác động và Báo cáo thuyết minh chi tiết.</p>
18	<p><b>1. Về cơ bản, Bộ Y tế thống nhất nội dung dự thảo Nghị định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng</b></p> <p><b>2. Một số ý kiến khác:</b></p> <p>- Về căn cứ pháp lý: đề nghị căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các nội dung tham chiếu đề nghị theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Nội dung dự thảo đề cập về Người phụ trách quản trị công ty, đề nghị bổ sung giải thích thuật ngữ "<i>Người phụ trách quản trị công ty</i>" vào nội dung Điều 2, đồng thời bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của Người phụ trách quản trị công ty.</p>	<p><b>Bộ Y tế</b></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty đã nêu rõ vai trò và đặc điểm công việc của người phụ trách quản trị công ty.</p>



	<p>- Khoản 3 Điều 13: đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc, xem xét lại vị HĐQT đã có báo cáo chung trình tại ĐHĐCĐ.</p> <p>- Khoản 2 Điều 22: đề nghị tham chiếu theo nội dung quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>		<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Thành viên độc lập HĐQT đóng vai trò khách quan, độc lập với các thành viên HĐQT khác.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
--	---	--	--



Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH  
DINH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG (BẢN ĐĂNG WEBSITE)

STT	Nội dung ý kiến góp ý	Đơn vị có ý kiến	Ý kiến tiếp thu, giải trình của UBCKNN
1	<p><b>1. Điều 1:</b> Đối tượng áp dụng không đủ hết các đối tượng bao hàm trong QTCT. Đề nghị sửa lại: <i>QTCT theo định nghĩa của OECD và trong CG codes bao gồm nhiều bên không chỉ có đồng, HĐQT, BKS mà còn có BDH, Thư ký công ty, Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập bên ngoài, Tuân thủ, rủi ro, các bên có quyền lợi liên quan khác...</i></p> <p><b>2. Điều 2:</b></p> <p>- Giữ lại khái niệm về “Quản trị công ty”. Theo thuật ngữ đã thống nhất trong CG code of Best Practices: <i>Quản trị công ty là một tập hợp các mối quan hệ giữa Ban điều hành, HĐQT, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác của công ty. Quản trị công ty cũng thiết lập một cơ cấu giúp xây dựng mục tiêu của công ty, xác định phương tiện để đạt được các mục tiêu đó, và giám sát hiệu quả việc thực hiện mục tiêu. Mục tiêu của quản trị công ty là xây dựng một môi trường của lòng tin, tính minh bạch và tinh giải trình, các yếu tố cần thiết để thúc đẩy phát triển dài tư dài hạn, sự ổn định tài chính và đạo đức trong kinh doanh, từ đó hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng và xây dựng các xác hội có tính bao trùm cao.</i></p> <p>- Khoản 3: tham chiếu sai Luật Doanh nghiệp 2020, sửa lại thành khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.</p>	IFC	<p>- Tiếp thu ý kiến của IFC, UBCKNN đã thực hiện rà soát và bổ sung thêm đối tượng phù hợp với nội dung quy định tại dự thảo Nghị định định là thành viên Ủy ban kiểm toán; cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty đại chúng.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Khái niệm chỉ mang tính chất lý thuyết về quản trị công ty không mang tính luật hóa. Ngoài ra, Điều 40 Luật Chứng khoán 2019 có quy định các nguyên tắc quản trị công ty.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã bỏ khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định</p>

<p>- Khoản 4: khái niệm “Người điều hành doanh nghiệp” sử dụng các từ ngữ chưa nhất quán với khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, sửa lại từ ngữ cho nhất quán với Luật Doanh nghiệp và gộp khoản 3 và 4 lại với nhau.</p> <p>Ngoài ra nên bổ sung khái niệm “Thành viên HĐQT điều hành” chứ không nên dùng “người điều hành doanh nghiệp” vì không nhất quán và hiểu nhầm (thay vào 2.4)</p> <p>- Khoản 5: khái niệm “Thành viên HĐQT không điều hành” – tham khảo theo khái niệm trong Bộ Nguyên tắc QICT theo thông lệ tốt. Đề xuất sửa đổi: <i>Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty, là những người không có trách nhiệm điều hành và không tham gia vào bất cứ hoạt động hàng ngày nào của công ty.</i></p> <p>- Tham chiếu khoản 6 và khoản 7 chưa đúng, đề nghị kiểm tra và sửa lại tham chiếu. Ngoài ra, khoản 7 nên thống nhất khái niệm về “Người có liên quan” để nhất quán với Luật Doanh nghiệp 2020 (Điều 4.23).</p> <p>- Bổ sung khái niệm về “Công ty đại chúng quy mô lớn” được nhắc đến trong các Điều 12, 13 và 16 của dự thảo nhưng chưa được quy định trong Luật Doanh nghiệp hay Luật Chứng khoán.</p> <p><b>3. Điều 5: Người phụ trách quản trị công ty:</b></p> <p>- Người phụ trách quản trị công ty nên là một vị trí lãnh đạo cấp cao, “quản lý” các vấn đề hậu cần cho các cuộc họp, hơn là người trực tiếp “chuan bị” các cuộc họp.</p>	<p>(không thực hiện tham chiếu lại quy định của Luật Doanh nghiệp).</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Quy định này giới hạn đối tượng liên quan đến việc điều hành của công ty. Trường hợp quy định đối với người không tham gia vào bất cứ hoạt động hàng ngày nào của công ty sẽ dẫn đến phạm vi quy định quá rộng khó áp dụng trong thực tiễn.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Đã bỏ khoản 6 và khoản 7 Điều 2 dự thảo Nghị định (không thực hiện tham chiếu lại quy định của Luật Doanh nghiệp).</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của IFC, UBCKNN đã bổ sung thêm khái niệm “<i>Công ty đại chúng quy mô lớn</i>” vào Điều 2 dự thảo Nghị định.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Người phụ trách quản trị công ty chỉ là người</p>
--	---

Do thư ký công ty không phải là một vị trí bắt buộc phải có trong công ty cổ phần, nên đối với công ty đại chúng, khi đã bắt buộc phải có “Người phụ trách quản trị”, nên đưa thêm những quyền và nghĩa vụ của “Thư ký công ty” như trong Luật Doanh nghiệp hoặc nâng cao hơn theo thông lệ vai trò của vị trí này.

- Tham chiếu với khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp, đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 5. Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - + Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp;
  - + Lập biên bản của tất cả các cuộc họp HĐQT và ủy ban trực thuộc HĐQT, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT;
  - + Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng;

phụ trách hỗ trợ công tác quản trị công ty, không phải là người giữ chức danh phụ trách quản trị công ty. Do vậy, chức danh của người phụ trách quản trị công ty để các công ty đại chúng chủ động quyết định. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty đã nêu rõ vai trò và đặc điểm công việc của người phụ trách quản trị công ty.

Quy định về “*Thư ký công ty*” không phải là quy định bắt buộc. Trường hợp người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm thư ký công ty, thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Tiếp thu ý kiến của IFC, UBCKNN đã bổ sung thêm vào khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định nội dung về quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty: *Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.*

Các nội dung khác để công ty quy định tại Điều lệ đảm bảo tính chủ động và linh hoạt.

+ Tạo điều kiện thuận lợi giúp định hướng cho thành viên HĐQT mới và hỗ trợ đào tạo và phát triển thành viên HĐQT;  
 + Có vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết;  
 + Quản lý các quy trình liên quan đến họp cổ đông hàng năm;  
 + Theo dõi các tiến triển trong quản trị công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan;  
 + Đóng vai trò đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan và tham gia giải quyết các vấn đề về quản trị công ty  
*Nên hướng theo thông lệ chuẩn về Thư ký công ty nêu trong CG Code of Best Practices.*

#### **4. Điều 8: Thẩm quyền của ĐHĐCĐ**

Về những nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua nhưng chưa thực hiện hoặc đang thực hiện, HĐQT không nhất thiết phải đợi đến cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên mới báo cáo, mà có thể báo cáo ngay trong các cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.

Đề nghị sửa lại khoản 3 Điều 8: *Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất hoặc tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường theo yêu cầu của cổ đông.*

#### **5. Điều 9: Cuộc họp ĐHĐCĐ**

Bổ sung quy định trong Điều lệ công ty/Quy chế nội bộ về Quản trị công ty về việc cho phép tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức họp trực tuyến và hybrid.  
 Đề xuất sửa đổi:

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường là để xin ý kiến cổ đông thông qua các nội dung phát sinh đột xuất, do vậy, đối với các nội dung khác đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó không cần thiết phải báo cáo tại ĐHĐCĐ bất thường thì sẽ được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên.

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã thực hiện rà soát và bổ sung quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định quản trị công ty.

- Điều 9.4. Hàng năm, công ty đại chúng phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Tuy nhiên, trong những điều kiện bắt buộc theo quy định của chính phủ, cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp.

- Điều 9.5. Các công ty xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quy định điều kiện để tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc kết hợp, hướng dẫn chi tiết việc tham dự, xác minh danh tính cổ đông, cách thức biểu quyết trong cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến/kết hợp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Điều 9.6. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có). Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.

#### **6. Điều 10: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT**

Dự thảo đang quy định thời gian công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên là tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ. Tuy nhiên theo LDN2020, các thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ cần được công bố trước ít nhất 21

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Giữ nguyên quy định thời gian công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên là tối

ngày. Đề xuất điều chỉnh quy định này: Điều 10.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. (Tham khảo thông lệ tốt chuẩn về nội dung công bố).

#### 7. Điều 11: Tư cách thành viên HĐQT

Tham chiếu với LDN cần sửa lại, nên cân nhắc bỏ sung tính tuân thủ Bộ quy tắc đạo đức kinh doanh.

*Tham chiếu thêm CG Code, Nguyên tắc 1.2*

#### 8. Điều 12: Thành phần HĐQT

Dự thảo giữ nguyên quy định trong ND71 về cơ cấu thành viên HĐQT điều hành – không điều hành. Tuy nhiên, cần bổ sung thêm các quy định về cân đối cơ cấu HĐQT về (hoặc giữ lại Điều 13.1 của ND71): các mảng kiến thức và kinh nghiệm, giới tính.

thiếu 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ vì theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020: Người triệu tập họp ĐHCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Như vậy, sau khi nhận được thông báo mời họp, cổ đông mới đề xuất danh sách ứng cử viên HĐQT. Vì vậy, việc công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên sẽ thực hiện sau ngày cổ đông nhận được thông báo mời họp (không thể trùng với ngày gửi thông báo mời họp đến cổ đông).

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Nội dung này chỉ mang tính khuyến nghị, không đưa vào nội dung quy định tại dự thảo Nghị định.

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Nội dung này chỉ mang tính khuyến nghị, không đưa vào nội dung quy định tại dự thảo Nghị định.

Đề xuất sửa đổi Điều 12.1: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự đa dạng và cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về rủi ro, pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về cân bằng giới.

Tham chiếu thêm CG Code, Nguyên tắc 2.1

**9. Điều 13: Quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT**

- Điều 13.2. Bổ sung mới so với ND71 nội dung về nghĩa vụ báo cáo HĐQT các giao dịch giữa các bên, các công ty liên quan với thành viên HĐQT, tuy nhiên cần làm rõ Báo cáo trước khi xảy ra giao dịch (để HĐQT phê duyệt), hay báo cáo sau khi giao dịch đã hoàn tất, sau bao lâu.

Đề xuất bổ sung: Việc báo cáo này được thực hiện theo quy định tại Điều 164 và Điều 167 LDN.

Đề xuất sửa đổi Điều 13.2.d) Báo cáo Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Điều 13.3. Dự thảo bổ sung quy định thành viên HĐQT độc lập của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT. Tuy nhiên, quy định này không rõ ràng mỗi một thành viên độc lập phải làm 1 báo cáo hay việc phân công trách nhiệm được thực hiện như

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Đây là nội dung quy định việc báo cáo tổng hợp lại các giao dịch, việc báo cáo để xin thông qua các giao dịch đã được quy định tại Chương Xung đột lợi ích. Chính sửa, bổ sung thêm điểm d khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định nội dung sau: Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát...

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Việc thực hiện báo cáo và phân công trách nhiệm để công ty chủ động quy định tại Quy



<p>thế nào. Ngoài ra, đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng sẽ theo mô hình có BKS hoặc UBKT, 2 bộ phận này đã có nhiệm vụ báo cáo giám sát hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ.</p> <p>Đề xuất bỏ Điều 13.3, bổ sung làm rõ nhiệm vụ của UBKT/BKS bao gồm việc đánh giá hoạt động của HĐQT.</p> <p><b>10. Điều 14: Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT</b></p> <p>Theo thông lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thư ký công ty có trách nhiệm Tạo điều kiện thuận lợi giúp định hướng cho thành viên HĐQT mới và hỗ trợ đào tạo và phát triển thành viên HĐQT (#2.3.3d).</li> <li>- Công ty cần phải quy định trong quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty một chính sách phát triển liên tục đối với Hội đồng Quản trị, bao gồm chương trình định hướng cho thành viên Hội đồng Quản trị mới và cập nhật đào tạo hàng năm cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị. (Nguyên tắc 2.4).</li> <li>- Chương trình định hướng sẽ được HĐQT xây dựng (với sự hỗ trợ của ủy ban liên quan hoặc Thư ký Công ty) (#2.4.2)</li> </ul> <p>Do vậy đề xuất tách Điều 14.8, làm rõ thêm về chương trình định hướng cho HĐQT.</p> <p>Đề xuất sửa đổi Điều 14.8.a. <i>Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng-quản-trị; Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty.</i></p> <p><b>Điều 14.8b. Xây dựng chương trình định hướng cho HĐQT (với sự hỗ trợ của ủy ban liên quan hoặc Thư ký Công ty), trong đó có chương trình cập nhật đào tạo hàng năm cho tất cả các thành viên HĐQT.</b></p>	<p>ché theo đặc thù hoạt động của công ty.</p> <p>Điều 13 quy định về quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT, không quy định đối với Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm soát.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Quy định chung không mang tính chi tiết và để công ty chủ động thực hiện đảm bảo tính linh hoạt.</p>
---	--

<p><b>11. Điều 15: Cuộc họp HĐQT</b> LDN quy định rất rõ về cách thức lập biên bản họp HĐQT, đề xuất bổ sung tham chiếu đến LDN ở điều 15.2. Đề xuất sửa đổi Điều 15.2: <i>Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại điều 158 Luật Doanh nghiệp, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</i></p> <p><b>12. Chương III nên bổ sung thêm một số điều liên quan đến cơ cấu HĐQT, bao gồm thành lập các Ủy ban trực thuộc (chứ không chỉ có UBKT) – xem các Nguyên tắc 4.2 và 4.3 của CG Code.</b></p> <p><b>13. Điều 17: Thành phần Ủy ban kiểm toán</b> - Điều 17.1. Dự thảo đã cập nhật theo LDN 2020, tuy nhiên theo thông lệ, UBKT nên bao gồm tối thiểu 3 thành viên. Đề xuất sửa đổi điểm này quy định riêng cho Công ty niêm yết và Công ty đại chúng quy mô lớn. Đề xuất sửa đổi Điều 17.1. <i>Công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn thành lập UBKT bao gồm tối thiểu ba thành viên HĐQT, tất cả đều là thành viên không điều hành và đa số là thành viên độc lập, kể cả vị trí Chủ tịch Ủy ban. Các công ty niêm yết khác thành lập UBKT theo quy định tại điều 161 LDN.</i></p> <p>- Điều 17.2. Từng thành viên của UBKT phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty. Đề xuất bổ sung trong UBKT cần có thành viên có kiến thức về kiểm toán nội bộ, kế toán, tuân thủ, báo cáo tài chính và kiểm soát.</p> <p>Đề xuất sửa đổi Điều 17.2. <i>UBKT cần có thành viên có kiến thức về kiểm toán nội bộ, kế toán, tuân thủ, báo cáo tài chính</i></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã cập nhật theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã đưa vào quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định về quản trị công ty.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: nội dung tại dự thảo Nghị định quy định theo Luật Doanh nghiệp 2020 tối thiểu 2 thành viên và đề công ty tự chủ động quy định số lượng cụ thể phù hợp với mô hình và quy mô của công ty.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của IFC, UBCKNN đã bổ sung điều chỉnh lại khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định như sau: <i>Thành viên UBKT phải có kiến thức về kế toán kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của</i></p>
---	--

<p>và kiểm soát. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau.</p> <p>- Thay "Trưởng UBKT" thành "Chủ tịch UBKT".</p> <p><b>14. Điều 18: Quyền và trách nhiệm của UBKT</b> Đề xuất bổ sung trách nhiệm Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua. Đề xuất sửa đổi Điều 18.5. Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua.</p> <p><b>15. Điều 20: Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b> - Điều 20.4. Giao dịch với các đối tượng liên quan không chỉ bao gồm HĐQT, Giám đốc mà còn bao gồm các chức danh quản lý khác. Đề xuất sửa đổi Điều 20.4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p>	<p>công ty và không thuộc các trường hợp sau: ...</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã sửa lại Trưởng UBKT thành Chủ tịch UBKT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của IFC, UBCKNN đã bổ sung thêm trách nhiệm của UBKT là: Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của IFC, UBCKNN đã bổ sung thêm đối tượng là: người điều hành doanh nghiệp khác.</p>
--	--

<p>- Điều 20.6. Bổ sung báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.</p> <p>Đề xuất sửa đổi Điều 20.6. Báo cáo đánh giá hoạt động của và kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p><b>16. Điều 22: Thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>Sửa đổi ND71, điều chỉnh giám đốc điều kiện của kiểm soát viên, không bắt buộc phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>Trong Điều 169 LDN quy định điều kiện/tiêu chuẩn của Kiểm soát viên bao gồm “Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp”</p> <p>Đề xuất bổ sung kinh nghiệm kế toán, kiểm toán hoặc quản trị rủi ro.</p> <p>Đề xuất sửa đổi Điều 22.4. BKS cần có thành viên có kinh nghiệm kế toán, kiểm toán hoặc quản trị rủi ro.</p> <p>Nếu các công ty tiếp tục duy trì mô hình BKS thì tiêu chuẩn của thành viên BKS phải cao như các thành viên độc lập, tương tự của UBKT (tham khảo khuyến nghị trước của IFC sửa nghị định 71).</p> <p><b>17. Điều 26: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên</b></p> <p>- Điều 26.4. Giao dịch với các đối tượng liên quan không chỉ bao gồm HĐQT, Giám đốc mà còn bao gồm các chức danh quản lý khác.</p>	<p>- Giữ nguyên nội dung tại khoản 6 Điều 20 dự thảo Nghị định: <i>Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác.</i></p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã rà soát và sửa đổi lại theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Để công ty chủ động quy định tại Điều lệ công ty theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 đảm bảo tính linh hoạt phù hợp với đặc thù của công ty.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của IFC, UBCKNN đã bổ sung thêm đối tượng là: người điều hành doanh nghiệp khác.</p>
--	---

Đề xuất sửa đổi Điều 26.4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Điều 26.6. Bổ sung báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

Đề xuất sửa đổi Điều 26.6. Báo cáo đánh giá hoạt động của và kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác.

**18. Điều 29: Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này**

Trong các loại giao dịch chỉ được thực hiện khi có ĐHCĐ phê duyệt, có Giao dịch với các bên có liên quan có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất. Tuy nhiên, không nên chỉ giới hạn trong vòng 12 tháng.

Đề xuất sửa đổi Điều 29.4.c) *Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở*

- Giữ nguyên nội dung tại khoản 6 Điều 26 dự thảo Nghị định: *Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác.*

- Giữ nguyên nội dung tại điểm c khoản 4 Điều 29 dự thảo Nghị định: *Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng...*

<p><i>lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</i></p> <p><b>19. Điều 36: Tổ chức công bố thông tin</b></p> <p>Nên có phân công cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm về công bố thông tin của công ty?</p> <p>Điều 109 LDN (thuộc chương về DN Nhà nước) quy định: “Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Thống nhất với quy định về “người được ủy quyền công bố thông tin” tại Thông tư hướng dẫn về công bố thông tin, tránh tăng thêm nhân sự không cần thiết cho công ty.</p>
<p><b>2</b></p> <p><b>Điều 9: Cuộc họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>- Khoản 1: Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Đề xuất sửa đổi: <i>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p>- Khoản 3: Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Chúng tôi đề xuất việc tạo ra cơ chế cổ đông có thể lựa chọn bỏ phiếu qua hình thức điện tử thay vì tham dự cuộc họp trực tiếp nên là yêu cầu bắt buộc đối với các công ty đại chúng. Trên thực tế, hiện tại, việc yêu cầu tham dự họp và bỏ phiếu trực tiếp gây rất nhiều khó khăn, bất lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài trong việc bỏ trí, sắp xếp người đại diện tại thị</p>	<p><b>Ngân hàng Citibank N.A</b></p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã rà soát và sửa đổi lại theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã thực hiện rà soát và bổ sung vào Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn Nghị định về quản trị công ty.</p>

	<p>trường Việt Nam để tham dự họp. Bên cạnh đó, trong tình hình dịch bệnh kéo dài, việc yêu cầu họp và bỏ phiếu trực tiếp càng trở nên bất khả thi. Theo thông lệ quốc tế, hiện tại đa số các thị trường đều chấp nhận hình thức tham dự, bỏ phiếu điện tử và không quy định bắt buộc việc tham dự trực tiếp.</p> <p>Quy định về họp ĐHĐCĐ là tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p><i>Đề xuất sửa đổi: Công ty đại chúng phải quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Công ty đại chúng phải thông báo và hướng dẫn cổ đông quy trình đăng ký tham dự ĐHĐCĐ bằng phương thức họp trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong các tài liệu thông báo ĐHĐCĐ.</i></p>		
3	<p><b>1. Luật áp dụng trong Nghị định</b></p> <p>Trong dự thảo Nghị định hầu hết đều áp dụng, dẫn chiếu đến Luật Doanh nghiệp 2014. Đề nghị áp dụng, dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p><b>2. Điều 5: Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>(1) Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bỏ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>(2) Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiêm</p>	<p><b>Tổng công ty</b> <b>Dược Việt Nam</b></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã rà soát và cập nhật lại theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Theo điểm b khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 có quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT là: <i>bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.</i></p>

toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

(3) Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

Đề nghị bỏ quy định về chức danh “*Người phụ trách quản trị công ty*” vì Luật Doanh nghiệp 2014 và 2020 không quy định chức danh này (Sẽ rườm rà, chồng chéo nhiệm vụ, khi mà bộ máy của HĐQT quá nhiều chức danh; Quyền và nghĩa vụ tương tự như **Thư ký công ty** theo quy định hiện hành).

**3. Điều 13: Quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT**

- Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm sau:

a).....;

b).....;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

Đề nghị giữ nguyên như Nghị định 71/2017/NĐ-CP

**Viết lại: Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm sau:**

a).....

b).....

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Dẫn chiếu theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019.



c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phân vốn góp của công ty;

Bởi vì: Thù lao mà thành viên HĐQT có được từ tổ chức khác không ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty thì không cần phải báo cáo.

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Đề nghị bổ quy định về:** Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị. Vì quy định không rõ ràng, HĐQT đã có báo cáo chung trình tại ĐHCĐ, nếu mỗi thành viên HĐQT độc lập phải có báo cáo riêng về hoạt động của HĐQT là quá rườm rà và không cần thiết; trong quy định không ghi rõ báo cáo cho ai.

#### 4. Điều 14: Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

Khoản 7. Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty: Đề nghị bỏ khoản 7 Điều 14 phù hợp với đề nghị Điều 5 của dự thảo.

#### 5. Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 164 Luật

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Giữ nguyên nội dung quy định này vì báo cáo đánh giá của thành viên độc lập HĐQT mang tính khách quan, độc lập với các thành viên HĐQT khác.

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Theo điểm b khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 có quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT là: *bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.*

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã cập nhật tham chiếu lại theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020.

	<p><b>Doanh nghiệp</b>, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liên trước đó.</p> <p><b>Đề nghị áp dụng</b> theo khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020: <i>Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</i></p> <p>a) <i>Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;</i></p> <p>b) <i>Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</i></p> <p>c) <i>Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</i></p> <p>d) <i>Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</i></p>		
4	<p><b>1. Ủy quyền cho người đại diện dự ĐHDGD (Điều 8.1)</b>  <b>Đề xuất</b> việc ủy quyền cho người đại diện dự ĐHDGD theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và thực hiện theo mẫu do công ty phát hành.</p> <p><b>2. Áp dụng CNTT để biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (Điều 8.3)</b>  Đề xuất căn hướng dẫn chi tiết, cụ thể về việc biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử... để doanh nghiệp có cơ sở thực hiện.</p>	Tập đoàn Vingroup - CTCP	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã dẫn chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã bỏ sung tại Quy chế nội bộ về quản trị</p>

<p><b>3. Hình thức hợp ĐHĐCĐ thường niên; việc tham gia hợp của các thành viên HDQT và BKS (Điều 8.4)</b> <b>Đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét bổ sung quy định theo hướng có thể hợp ĐHĐCĐ thường niên bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác để đơn giản hóa các thủ tục triệu tập, chi phí tổ chức hợp ĐHĐCĐ.</li> <li>- Cần bổ sung quy định cụ thể về việc HDQT và BKS có thể cử đại diện tham gia hợp (không bắt buộc phải 100% thành viên tham gia), hoặc trường hợp có thành viên nghỉ vì lý do khách quan có thể ủy quyền cho thành viên khác dự hợp, để phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp.</li> </ul>	<p>công ty ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn Nghị định về quản trị công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Luật Doanh nghiệp 2020 quy định ĐHĐCĐ thường niên phải tổ chức hợp, không được lấy ý kiến bằng văn bản.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Đây là quy định liên quan đến trách nhiệm của thành viên HDQT, BKS về việc trả lời cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, do vậy, không quy định về việc có thể ủy quyền.</li> </ul> <p><b>Bổ sung thêm nội dung: <i>Trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên HDQT và thành viên BKS phải báo cáo bằng văn bản với HDQT, BKS.</i></b></p>
<p><b>4. Báo cáo hoạt động của HDQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên (Điều 9.3)</b> <b>Đề xuất:</b> Bổ nội dung quy định tại Điều 9.3: Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với thành viên HDQT hoặc những</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Báo cáo quản trị công ty 6 tháng và năm là nội</li> </ul>

<p>người có liên quan của thành viên đó. Thực tế trong Báo cáo quản trị 6 tháng và năm cũng đã có mục báo cáo về các giao dịch liên quan.</p> <p><b>5. Báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên (Điều 10.4)</b>  <b>Đề xuất:</b> Bỏ nội dung quy định tại Điều 10.4: Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với thành viên HĐQT hoặc những người có liên quan của thành viên đó. Do trong Báo cáo quản trị 6 tháng và năm đã có mục báo cáo về các giao dịch liên quan.</p> <p><b>6. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT (Điều 15.4 và Điều 15.5)</b>  <b>Đề xuất:</b> Bỏ nội dung quy định tại Điều 15.4 và 15.5 hoặc có thể quy định theo hướng Quy chế quản trị của công ty. Quy chế quản trị sẽ quy định về vai trò, trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT...</p> <p><b>7. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</b></p>	<p>dung báo cáo định kỳ mà công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin. Nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định là việc HĐQT phải báo cáo về các giao dịch tại ĐHĐCĐ để cổ đông có thể thắc mắc và có ý kiến ngay tại cuộc họp.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Giữ nguyên quy định này vì Báo cáo đánh giá này thể hiện vai trò giám sát của BKS.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Khoản 4 Điều 15 dự thảo Nghị định đã được quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2018. Khoản 5 Điều 15 dự thảo Nghị định là nội dung quan trọng thuộc trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT.</p>
--	--

**Đề xuất bỏ như phần gạch ngang:** Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ...

Lý do: để thống nhất với các Điều 9, 10, 14 đã sửa đổi. Đồng thời, ghi nhận là “công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát” để tránh hiểu đó là công ty con vì theo định nghĩa tại điểm a khoản 1 Điều 189 Luật Doanh nghiệp quy định: “Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó”.

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Theo quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020 “Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm, đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.”

Còn trường hợp công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ là công ty do công ty đại chúng nắm quyền sở hữu trực tiếp hay gián tiếp thông qua các công ty con trên 50% trở lên vốn điều lệ. Vì vậy, công ty con không nằm trong trường hợp công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ.

**8. Giao dịch cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này (Điều 27)**  
**Đề xuất:**

<p>- Nên xem xét quy định theo hướng công ty đại chúng được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các bên liên quan theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền do Điều lệ công ty quy định hoặc quy định cụ thể tại Nghị định này theo giá trị giao dịch.</p> <p>- Đối với các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, sử dụng tài sản bảo đảm giữa các công ty mẹ, con trong Tập đoàn, đề nghị quy định theo hướng phân cấp cho HĐQT phê duyệt, đảm bảo thuận lợi trong hoạt động, vận hành của doanh nghiệp vì mô hình tập đoàn có thể điều tiết nguồn vốn giữa các công ty để tối ưu chi phí vốn nhưng đảm bảo theo cơ chế thị trường arm's length.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Giữ nguyên nội dung này theo quy định tại Nghị định 71 do đây là nội dung rất quan trọng về quản trị công ty để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan, tránh tình trạng thành viên HĐQT, Ban giám đốc và những người liên quan đến các đối tượng này lợi dụng quyền của mình để mưu lợi cá nhân làm thiệt hại đến cổ đông và công ty.</p>
<p>- Khoản 4 nên sửa theo hướng quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không đồng thời là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp tổ chức là người có liên quan của những đối tượng này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>b) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT, KST, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và có liên quan của các đối tượng này trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN chỉnh sửa lại khoản 4 như sau:</p> <p><i>Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</i></p> <p>a) <i>Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</i></p> <p>b) <i>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản</i></p>

<p>trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.</p> <p><b>9. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc)</b>  <b>Đề xuất:</b> Nên quy định trên BCTC chỉ trình bày tổng chi phí cho Giám đốc (Tổng giám đốc) và HĐQT đảm bảo tính bảo mật thông tin, không nên trình bày cho từng thành viên.</p>	<p>trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, đồng thời có liên quan của cổ đông mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: <b>Thủ lao của từng thành viên HĐQT... được thể hiện thành mục riêng trong BCTC hằng năm của công ty...</b></p>
--	---

<p>5</p> <p><b>1. Điều 9.4:</b> Đề xuất bỏ nội dung: Thành viên HĐQT và thành viên BKS phải tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có).</p> <p>Lý do: Quy định theo dự thảo là không cần thiết và có thể gây khó hiểu, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Với nội dung dự thảo được hiểu là tất cả thành viên HĐQT, BKS đều phải tham dự đại hội sẽ gây khó khăn/cản trở cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ, không đảm bảo tính thực thi. Ngoài ra, chưa đề cập tới các trường hợp bất khả kháng. Chế tài thế nào nếu không tham dự được.</li> <li>- Thành viên HĐQT, BKS dự họp ĐHĐCĐ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tập thể/cá nhân với ĐHĐCĐ chứ không phải mục đích chính là trả lời câu hỏi cổ đông.</li> </ul> <p><b>2. Điều 12.1, 12.2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất Ban soạn thảo cần nhắc làm rõ “các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty” bao gồm những thông tin/tài liệu nào.</li> <li>- Trên thực tế thành viên HĐQT có được yêu cầu công ty cung cấp thông tin khách hàng (được coi là thông tin mật, trong một số trường hợp còn được coi là bí mật nhà nước trong ngành ngân hàng) hay không.</li> <li>- Đề xuất làm rõ trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin để thống nhất cách thức triển khai giữa các doanh nghiệp.</li> </ul> <p><b>3. Điều 12.4:</b> Đề xuất sửa là: ... tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành hoặc 20% tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập.</p> <p>Lý do: Để phù hợp thực tế và quy định hiện hành.</p>	<p>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN bổ sung thêm nội dung: <i>Trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên HĐQT và thành viên BKS phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT, BKS.</i></p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Các nội dung chi tiết để công ty chủ động quy định tại các quy chế của công ty đảm bảo tính linh hoạt phù hợp với đặc thù hoạt động của công ty.</p> <p>- Sửa đổi lại khoản 4 Điều 12 dự thảo Nghị định: <i>Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu một (01)</i></p>
---	--	---



	<p><b>4. Điều 13.2d:</b> Đề xuất sửa đổi theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thành viên HĐQT trực tiếp tham gia giao dịch và/hoặc trực tiếp quản lý, chỉ đạo pháp nhân/cá nhân là người liên quan tham gia giao dịch: cần báo cáo và được phê duyệt trước khi thực hiện giao dịch.</li> <li>- Trường hợp thành viên HĐQT không biết về giao dịch do không còn làm tại công ty cũ và/hoặc không được người liên quan thông báo: khi phát hiện thì cần báo cáo ngay cho HĐQT về giao dịch.</li> </ul>	<p>thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; b) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; c) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên để đảm bảo quy định có thể thực thi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Quy định về việc thăm quyền phê duyệt các giao dịch đã được quy định tại Chương Xung đột lợi ích.</li> <li>Bổ sung tại điểm d khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định nội dung: <b>Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch...</b></li> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: HĐQT có trách nhiệm xác định rõ người có liên quan theo quy định về người liên quan của Luật Chứng khoán 2019.</li> </ul>
--	---	---

<p>Lý do: Với khái niệm người liên quan rất rộng như hiện nay, thực tế không thể biết khi nào một pháp nhân/cá nhân trở thành người liên quan với mình thông qua các mối quan hệ bắc cầu từ những người thân của mình. Ngoài ra, những doanh nghiệp/công ty mà cá nhân đã thôi là quản lý thì hầu như không biết được thông tin. Trường hợp công ty cũ phát sinh giao dịch với công ty mới thì thành viên HĐQT tại công ty mới cũng chưa chắc đã biết bởi giao dịch nhỏ không trình lên cấp HĐQT.</p> <p><b>5. Điều 13.3:</b> Đề xuất quy định theo hướng: Trường hợp không thống nhất hoặc có ý kiến khác với nội dung báo cáo của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thì đại diện trong số thành viên độc lập HĐQT có báo cáo trình ĐHĐCĐ.</p> <p>Lý do: Tránh trùng lặp trong trường hợp các thành viên độc lập HĐQT đã thống nhất với báo cáo chung của HĐQT. Thể hiện rõ chỉ cần đại diện chưa không cần từng thành viên độc lập HĐQT phải có báo cáo.</p> <p><b>6. Điều 14.4:</b> Đề xuất sửa: Bỏ quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính ở Điều 14 về trách nhiệm của HĐQT.</p> <p>Lý do: Không phù hợp với nội dung Điều khoản. Luật Doanh nghiệp đã quy định rõ rồi.</p> <p><b>7. Điều 15.2:</b> Đề xuất Ban soạn thảo xem xét quy định rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì có ban hành được Nghị quyết không. Ai sẽ ký Nghị quyết.</li> <li>- Sao chỉ quy định lưu trữ biên bản họp, vậy Nghị quyết thì sao.</li> </ul> <p>Lý do: để đảm bảo tính thực thi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Thành viên độc lập HĐQT đóng vai trò khách quan, độc lập với các thành viên HĐQT khác.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính là hướng dẫn chi tiết các nội dung đã giao tại Nghị định.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã cập nhật lại theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020.</li> <li>- Điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định về</li> </ul>
--	--

<p><b>8. Điều 18.4:</b> Xem xét quy định: UBKT đề xuất, phối hợp với HĐQT trong việc xây dựng các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro (UBKT không trực tiếp ban hành chính sách mà HĐQT phê duyệt ban hành). Lý do: để đảm bảo tính thực thi.</p> <p><b>9. Điều 18.7:</b> Trách nhiệm của Bộ Tài chính nên quy định ở một Điều khoản riêng. Lý do: Cấu trúc văn bản phù hợp, rõ ràng.</p> <p><b>10. Điều 24.6:</b> Trách nhiệm của Bộ Tài chính nên quy định ở một Điều khoản riêng. Điều này về trách nhiệm của UBKT. Lý do: Cấu trúc văn bản phù hợp, rõ ràng.</p> <p><b>11. Điều 16, Điều 20 và Điều 26.1:</b> Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT/UBKT/BKS và <u>từng thành viên ... theo quy định tại ... Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ công ty. Đề xuất sửa theo hướng: báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt về tổng thù lao, ngân sách chi phí đối với HĐQT và BKS. Trường hợp vượt thì cần có báo cáo, giải trình cụ thể để ĐHĐCĐ xem xét, quyết định. Lý do: Tránh quy định vượt quá nội dung của Luật và không cần thiết. Luật Doanh nghiệp chỉ quy định ĐHĐCĐ phê duyệt tổng thù lao, ngân sách hoạt động đối với HĐQT, BKS.</p> <p><b>12. Điều 29.4:</b> Đề xuất sửa theo hướng bổ sung quy định tại điều này: <u>Trừ trường hợp công ty đại chúng là TCTD.</u></p>	<p>việc lưu giữ các nghị quyết của công ty.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã bổ sung, sửa đổi lại quy định tại khoản 4 Điều 18 dự thảo Nghị định như sau: <i>Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.</i></p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Đã quy định chi tiết tại Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Giữ nguyên nội</p>
---	---

<p>Lý do: Hoạt động cấp tín dụng của TCTD với người liên quan của người quản lý/điều hành đã được NHNN quy định đầy đủ, cụ thể. Việc quy định này sẽ gây khó khăn trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD.</p> <p><b>13. Điều 31.2:</b> Xem xét bổ sung quy định về: Ngôn ngữ trong công bố thông tin là Tiếng Việt và Tiếng Anh (đối với công ty đại chúng quy mô lớn).</p> <p>Lý do: giúp các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận thông tin kịp thời, đầy đủ hơn.</p> <p><b>14. Điều 34:</b> Đề xuất bỏ nội dung “<i>Thù lao của từng thành viên HĐQT và tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc)</i>”. Chỉ báo cáo tổng mức thù lao theo Luật.</p> <p>Lý do: vượt qua quy định của Luật và không cần thiết. Luật Doanh nghiệp quy định: Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>		<p>dung tại quy định này là thẩm quyền thông qua thuộc ĐHĐCĐ để tránh xung đột lợi ích.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Thông tin hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định chi tiết nội dung này.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN giải trình làm rõ như sau: Đã quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
<p><b>1. Nội dung Khoản 4 Điều 12</b></p> <p><u>“Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập”.</u></p> <p>Tuy nhiên, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 không quy định nội dung trên.</p> <p>Ngoài ra, cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị của các công ty đại chúng hiện nay theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã phù</p>	<p><b>CTCP Đường Quảng Ngãi</b></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã đề xuất lại khoản 4 Điều 12 dự thảo Nghị định: <i>Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; b) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp</i></p>

hợp, mang lại hiệu quả cho công ty và đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông.

→ Đề nghị giữ nguyên quy định này theo Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng: **“Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập”** chỉ áp dụng đối với công ty niêm yết, không áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

## 2. Nội dung Khoản 3 Điều 22

**“Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành có liên quan.”**

Theo Khoản 2 Điều 168 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định **“Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.”**

→ Đề nghị có sự thống nhất giữa Luật và dự thảo Nghị định và hướng dẫn cụ thể “chuyên ngành có liên quan” là những ngành gì hoặc cho phép Điều lệ công ty quy định để thuận tiện cho các công ty đại chúng trong việc bầu Trưởng ban kiểm soát.

*công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; c) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên để đảm bảo quy định có thể thực thi.*

- Tiếp thu ý kiến, UBCKNN đã cập nhật lại theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ  
CÔNG TTĐT CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 522/TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy  
phạm pháp luật.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐỀ N	Số: 280.22
	Ngày: 24-08-2020
Chuyên: Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13	
Số và ký hiệu HS: Công-đó-có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với	

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐỀ N	Số: 75202
	Ngày: 24-08-2020
Chuyên: UBCK	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được từ Bộ Tài chính dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Sau 60 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do quý cơ quan chủ trì soạn thảo. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP, BTCN (để b/c),
- các Vụ: KITH, PL;
- Các PTGD;
- Đơn: VT, DLĐT, PH

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Việt Đông

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2649/BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy  
định về quản trị công ty áp dụng đối  
với công ty đại chúng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM  
Số: 024445  
Ngày: 20-07-2020  
Chuyên: Trả lời  
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ  
Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng  
đối với công ty đại chúng, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

**I. Về sự cần thiết ban hành văn bản**

Việc quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng hiện được điều  
chỉnh tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn  
về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Tuy nhiên, Luật Chứng  
khoán năm 2019 đã được ban hành (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021),  
trong đó Điều 41 Luật này đã có một số nội dung thay đổi về quản trị công ty áp  
dụng đối với công ty đại chúng và giao "*Chính phủ quy định chi tiết Điều này*"  
(khoản 7). Bên cạnh đó, vừa qua, Quốc hội cũng đã thông qua Luật Doanh  
nghiệp (sửa đổi) thay thế Luật Doanh nghiệp năm 2014 (có hiệu lực từ ngày  
01/01/2021), trong đó cũng có thay đổi một số quy định liên quan đến quản trị  
công ty cổ phần. Vì vậy, để triển khai thực hiện Luật Chứng khoán năm 2019 và  
Luật Doanh nghiệp năm 2020, việc trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định  
về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, thay thế Nghị định số  
71/2017/NĐ-CP để có hiệu lực đồng thời với 02 Luật này là cần thiết.

**II. Về nội dung văn bản**

Đề nghị Bộ Tài chính rà soát tổng thể dự thảo Nghị định với quy định của  
Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản  
liên quan để bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp  
luật và tính khả thi của văn bản sau khi ban hành, trong đó, lưu ý thêm một số nội  
dung sau đây:

1. Đề nghị rà soát lại để thống nhất giữa quy định về phạm vi điều chỉnh và  
đối tượng áp dụng của Nghị định. Theo khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, phạm  
vi điều chỉnh của Nghị định có nội dung về "*Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy  
ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị*". Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 1 dự

thảo Nghị định lại không có đối tượng áp dụng là thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

2. Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về người phụ trách quản trị công ty, theo đó, Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Qua nghiên cứu, Bộ Tư pháp nhận thấy, người phụ trách quản trị công ty là người giúp việc cho Hội đồng quản trị. Do đó, đề nghị chuyển nội dung Điều này vào Chương III dự thảo Nghị định quy định về thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị cho phù hợp.

3. Khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định bổ sung quy định "Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua trước khi thực hiện". Theo cơ quan chủ trì soạn thảo, quy định này nhằm tránh tình trạng nhiều doanh nghiệp triển khai các kế hoạch đã được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũ trong khi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông mới không đề cập nhất là trong việc phát hành cổ phiếu. Về mặt pháp lý, Bộ Tư pháp nhận thấy, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã ban hành và có hiệu lực thì vẫn có giá trị pháp lý, nếu không có Nghị quyết mới của Đại hội đồng cổ đông thay đổi, hủy bỏ. Vì vậy, nếu yêu cầu Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất tất cả các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện là không cần thiết. Đề nghị nên quy định theo hướng xác định một số vấn đề quan trọng cần định kỳ báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Khoản 4 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định "*Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập*". Đề nghị làm rõ "*công ty đại chúng quy mô lớn*" để thống nhất trong việc áp dụng trên thực tiễn.

5. Đề nghị chỉnh lý lại khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định quy định "*Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp*



ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp..." cho thống nhất với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định "Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực". Như vậy, theo Luật Doanh nghiệp thì biên bản không có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản thì phải được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.

6. Về điều kiện của Trưởng ban Ủy ban kiểm toán (khoản 3 Điều 17 dự thảo Nghị định), đề nghị làm rõ quy định "*chuyên ngành có liên quan*", tránh tình trạng hiểu và áp dụng khác nhau trên thực tiễn. Tương tự, đề nghị làm rõ quy định "*chuyên ngành có liên quan*" tại khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định về tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

7. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung điều khoản chuyển tiếp vào dự thảo Nghị định để xử lý các vấn đề phát sinh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

### III. Về trình tự, thủ tục và kỹ thuật xây dựng văn bản

1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện xây dựng Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó, lưu ý giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, nhất là đối tượng chịu sự tác động của văn bản, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung bản so sánh, lý do sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc giữ nguyên các quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP để Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị định, đề nghị rà soát, chỉnh sửa lại theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Chương V Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ:

- Tại căn cứ ban hành Nghị định có dẫn chiếu đến Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) tuy nhiên, trong các điều khoản của Nghị định lại dẫn chiếu đến các điều khoản tương ứng theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 là không phù hợp. Đề nghị

ơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát và sửa đổi phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- Về Điều 2 giải thích thuật ngữ, đề nghị cần nhắc lại. Giải thích thuật ngữ phải có nội hàm rõ ràng, không phải là viện dẫn quy định ở văn bản pháp luật khác.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, xin gửi Bộ Tài chính tham khảo./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Bộ trưởng (để báo cáo),
- TT Phan Chí Hiếu (để báo cáo),
- PVT Nguyễn Chi Lan (để biết);
- Lưu VT, Vụ PLDSKT (FLKTTTH, Đ.Vinh).

TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tá

THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1121/TTCP-PC

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý kiến vào dự thảo Nghị  
định về quản trị công ty áp dụng  
đối với công ty đại chúng.

ĐẾN SỐ: 022463  
Ngày: 10-07-2020  
Chuyên: .....  
Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phức tạp Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, sau khi nghiên cứu, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau:

- Về khoản 1 Điều 2 của dự thảo.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc nội dung khoản này, vì không phù hợp với tên điều "giải thích từ ngữ". Giải thích từ ngữ nhưng không giải thích gì mà nhắc lại quy định tại khoản 1 Điều 32 và khoản 4 Điều 135 Luật Chứng khoán.

- Về việc nhắc lại nội dung của các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Trong dự thảo Nghị định này có nhiều nội dung nhắc lại các điều khoản của các văn bản pháp luật khác như: khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 16. Do vậy, đề nghị cân nhắc, chỉnh lý dự thảo theo hướng không nhắc lại các nội dung nêu trên, vì không phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này.

- Về khoản 1 Điều 10.

Nội dung khoản này quy định: Trường hợp đã xác định được ứng cử viên... Ứng cử viên của Hội đồng quản trị phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và "hợp lý" của các thông tin cá nhân... Đề nghị cân nhắc, bỏ từ "hợp lý" trong khoản này để bảo đảm tính chính xác trong việc sử dụng từ ngữ khi xây dựng quy phạm pháp luật. Khoản này, có thể chỉnh lý theo hướng: Ứng cử viên của Hội đồng quản trị phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố...

- Về điểm c khoản 1 Điều 10.

- Về khoản 2 Điều 13.

Đề nghị cân nhắc toàn bộ nội dung khoản này, vì khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, không quy định trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần. Mặt khác, Luật doanh nghiệp và các Luật khác không giao Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị công ty đại chúng, do vậy đề nghị chỉnh lý theo hướng không quy định trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty đại chúng như dự thảo Nghị định này.

Tương tự như trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc theo hướng không quy định trách nhiệm của Hội đồng quản trị. Thực tế cho thấy, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác có liên quan thì đã bảo đảm được hiệu lực, hiệu quả quản lý của thành viên Hội đồng quản trị, của Hội đồng quản trị công ty đại chúng.

Trên đây là ý kiến của Thanh tra Chính phủ góp ý đối với dự thảo Nghị định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, gửi Quý Bộ để tổng hợp, tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định này.

Nơi nhận: *ĐD*

- Như trên;
- Tổng TTCP (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Nguyễn Văn Thanh;
- Lưu VT, PC (3b).

KI. TỔNG THANH TRA  
PHÓ TỔNG THANH TRA



Nguyễn Văn Thanh

UỶ BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
QUỐC GIA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119/UBGSTCQG-BNCDP  
V/v Góp ý dự thảo Nghị định quy định  
về quản trị công ty áp dụng đối với

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2020

ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH	
ĐẾN số: 23032	Chuyên: UBCK
Ngày: 16-07-2020	Số và ký hiệu HS:
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số: 006.2305	
Ngày: 16-07-2020	
Chuyên: UBCK	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phức đáp Công văn số 7541/BTC-UBCK của Bộ Tài chính v/v lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (dự thảo Nghị định), Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia (UBGSTCQG) có ý kiến như sau:

1. Trong dự thảo Nghị định, đề nghị thống nhất viện dẫn các nội dung liên quan được quy định tại Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) 2020 vì Luật đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV và sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 (sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp (sửa đổi)).

2. Điều 2: đề nghị bổ sung thêm khoản 8 và khoản 9, cụ thể:

- "8 *Mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của công ty đại chúng: công ty đại chúng áp dụng mô hình tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định tại Điều 137 của Luật Doanh nghiệp (sửa đổi)*".

Việc giải thích thuật ngữ như trên tạo điều kiện thuận lợi cho công ty đại chúng trong việc hiểu và áp dụng các nội dung liên quan trong dự thảo Nghị định như các nội dung nêu tại Chương III. Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị và Chương V. Thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát.

- Khoản 9: Đề nghị nêu rõ khái niệm doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn.

3. Khoản 2, Điều 5: đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau: "Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, có kiến thức sâu rộng về môi trường kinh doanh mà doanh nghiệp đang hoạt động cũng như am hiểu các quy tắc, quy định điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty".

Điều này sẽ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong

công ty đại chúng và cũng phù hợp với khuyến nghị được nêu trong Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất (phiên bản 1.0, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế - IFC, 8/2019).

4. Khoản 1 Điều 9: đề nghị sửa câu "*Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp*" thành: "*Cổ đông tham dự họp, biểu quyết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự họp, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp (sửa đổi)*".

5. Khoản 1 Điều 10: Xem xét, sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên.....

d) Lợi ích của bản thân và người có liên quan đối với công ty và các bên có liên quan của công ty".

6. Điểm d khoản 2 Điều 13 quy định "... công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ..." là trùng lặp vì theo quy định tại Khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020 thì "một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó".

Xem xét sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 13 như sau: "*d) Báo cáo Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập, cổ đông lớn hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch*".

7. Khoản 3 Điều 13: xem xét bổ sung quy định về nội dung báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị mà thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải lập.

8. Khoản 7 Điều 18: đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: "7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán, trình Hội đồng quản trị thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán:.

9. Khoản 1 Điều 19: đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất một (01) lần trong một quý. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng, phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định của pháp luật; trong đó có họ, tên, chữ ký của Trưởng Ủy ban kiểm toán và người ghi biên bản. Trường hợp Trưởng Ủy ban kiểm toán, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc Trưởng Ủy ban kiểm toán, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp”.

10. Khoản 4 Điều 20: xem xét sửa đổi, bổ sung như sau: “4. Báo cáo, đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó, người có liên quan của Giám đốc (Tổng giám đốc); giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) là thành viên sáng lập, cổ đông lớn hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch”.

11. Khoản 1 Điều 25: xem xét sửa đổi như sau: “1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất một lần (01) trong một quý...”. Lý do: việc tăng tần suất họp của Ban kiểm soát từ ít nhất 2 lần/năm lên ít nhất 4 lần/năm tương ứng với tần suất họp của Ủy ban kiểm toán giúp tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kịp thời phát hiện rủi ro (nếu có) và nâng cao tính tuân thủ pháp luật.

12. Khoản 3 Điều 27: Quy định *công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ...* là trùng lặp (như trình bày ở đề xuất ý kiến về điều 13 tại Mục 6. nêu trên).

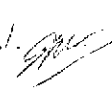
13. Mục b khoản 2 Điều 29: đề nghị sửa thành: “Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015”. Lý do vì quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định 96/2015/NĐ-CP nhằm mục đích hạn chế sở hữu chéo giữa các công ty (thông qua việc mua bán, chuyển nhượng, tặng, giảm phần vốn góp, số cổ phần), không phải nội dung liên quan đến cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

14. Điều 38: đề nghị dự thảo theo hướng: “Các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử lý hoặc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành”.

15. Một số góp ý về câu chữ trong dự thảo.

- Khoản 2 Điều 12; đề nghị bỏ từ “phải” trước cụm từ “là thành viên không điều hành”.

- Khoản 4 Điều 37: đề nghị bổ sung từ “sẽ” trước cụm từ “bị xử lý...”.

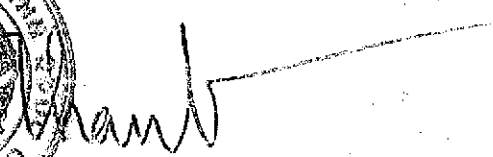
Trên đây là ý kiến của UBGSTCQG về dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN;
- BLĐ Ủy ban;
- Ban GSTH, Ban GSTĐ;
- Lưu: VT, B.NCĐP. M.Hà(7)



**KT. CHỦ TỊCH**  
**TRƯỞNG CHỦ TỊCH**

  
Vũ Nữ Thăng





**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5172/BKHĐT-TCTT

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2020

V/v lấy ý kiến Dự thảo Nghị định  
quy định về quản trị công ty áp  
dụng đối với công ty đại chúng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM  
ĐẾN Số: 0264.71...  
Ngày: 13-08-2020  
Chuyên: .....  
Số và ký hiệu HS: Phức.đáp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình: nhằm thực hiện các biện pháp cần thiết để nâng hạng thị trường chứng khoán, thu hút vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài, nâng cao hệ thống quản trị minh bạch tại các doanh nghiệp, đề nghị bổ sung nội dung về kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và thông lệ quốc tế của một số nước cũng như của Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế (OECD) phù hợp với tình hình thực tiễn của thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Về dự thảo Nghị định:

- Một số quy định tại dự thảo Nghị định tham chiếu với các Điều, khoản của Luật Doanh nghiệp năm 2014, do đó đề nghị Ban soạn thảo cập nhật theo các Điều, khoản của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, cụ thể như tại khoản 6 Điều 2 về thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham chiếu thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp; Điều 9 về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...

- Điều 5 về người phụ trách quản trị công ty: Theo quy định tại khoản 5 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 "Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty", tuy nhiên căn cứ theo khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quy định "Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty", do vậy, đề nghị căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 để làm rõ khái niệm về người phụ trách quản trị công ty.

- Điều 6 về quyền và nghĩa vụ của cổ đông: Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã quy định tại Điều 115 về quyền của cổ đông phổ thông và Điều 119 về nghĩa vụ

của cổ đông và có nội dung mới hơn so với các Điều 114 và Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2014.

Ngoài ra, đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc, nghiên cứu chuyển nội dung nghĩa vụ của cổ đông để đưa vào Điều 7 thành "Nghĩa vụ của cổ đông và cổ đông lớn";

- Về điểm d khoản 2 Điều 13 về thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật: đề nghị làm rõ cụ thể theo quy định nào của pháp luật.

- Điều 18 về quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán: đề nghị Bộ Tài chính rà soát các quy định tại dự thảo Nghị định về quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán để thống nhất với quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- Điều 38 về xử lý vi phạm về quản trị công ty: đề nghị Bộ Tài chính bổ sung, nêu rõ quy định căn cứ theo Điều 132 Luật Chứng khoán năm 2019 về xử lý vi phạm; đồng thời xử phạt các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty khi vi phạm quy định tại các Điều 31 và khoản 4 Điều 57...


3. Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung vào Hồ sơ trình bao gồm báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định, báo cáo thuyết minh chi tiết...

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ PC;
- Cục PTDN;
- Lưu VT, Vụ TCTP<sub>L2</sub>

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4682 /BNN-PC

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định  
về quản trị công ty áp dụng đối với công

ty đại chúng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

ĐẾN số: 0229.04

Ngày: 15-07-2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Chuyển:.....Phúc đáp công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính  
Lưu hồ sơ số:..... về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công

ty đại chúng (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

**1. Căn cứ ban hành văn bản**

Đề nghị bổ sung đầy đủ căn cứ Luật Doanh nghiệp sửa đổi: Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020.

**2. Quy định đối với công ty đại chúng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**

Theo khoản 1 Điều 88 Luật doanh nghiệp 2020, doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bao gồm: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên. Dự thảo mới chỉ quy định đối với công ty đại chúng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các quy định đối với Công ty đại chúng do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 81/2015/NĐ-CP về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

**3. Thành viên Ủy ban kiểm toán (Điều 17 dự thảo Nghị định)**

Đề nghị nghiên cứu, xem xét lại tiêu chí Trưởng Ủy ban kiểm toán tại Điều 17 để đảm bảo tính khả thi. Vì, đối với Công ty cổ phần có số lượng Hội đồng quản trị nhiều (từ 7-11 người), việc áp dụng tiêu chí tại dự thảo không khó nhưng đối với các công ty cổ phần có số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít (3 người), việc vừa áp dụng tiêu chí theo quy định của dự thảo vừa phải áp dụng

tiêu chí thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp sẽ rất khó khăn.

**4. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp (Điều 29 dự thảo Nghị định)**


Đề nghị xem lại nội dung quy định tại khoản 5 Điều 29 của dự thảo Nghị định, vì mâu thuẫn với điểm c khoản 4 Điều 29. Điểm c khoản 4 Điều 29 quy định *giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên* thì được Hội đồng quản trị chấp thuận. Tuy nhiên khoản 5 Điều 29 quy định dẫn chiếu đến điểm c khoản 4 Điều 29 (có giá trị từ 35% trở lên), đồng thời lại quy định có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%).

Trên đây là một số ý kiến góp ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đề nghị của Quý Bộ./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**HỮ TRƯỞNG**



*[Handwritten signature]*

**Hà Công Tuấn**



**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Số: 204 /BKHCN-TCCB**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định  
về quản trị công ty áp dụng đối với  
công ty đại chúng

*Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2020*

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN Số: 023018	
Ngày: 16-07-2020	
Chuyển.....Phúc đáp Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/06/2020 của Bộ Tài	
Lưu hồ sơ số.....chính về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty	

Kính gửi: Bộ Tài chính

*le anh  
13/7*

Chuyển.....Phúc đáp Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/06/2020 của Bộ Tài  
chính về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty  
áp dụng đối với công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định),  
Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

Công ty đại chúng là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 và  
khoản 4 Điều 135 của Luật Chứng khoán. Đây là loại hình doanh nghiệp đặc thù  
liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Bộ Khoa học và Công  
nghệ. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ không có ý kiến góp ý chuyên sâu về  
chuyên môn. Về nội dung của dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ có  
ý kiến góp ý như sau:



1. Về chức danh "Người phụ trách quản trị công ty" (quy định tại Điều 5,  
Dự thảo Nghị định) là một chức danh mới, chỉ xuất hiện ở dự thảo Nghị định này  
(Luật Doanh nghiệp không quy định). Vì vậy, cần đưa vào khái niệm từ ngữ để  
hiểu thống nhất, đồng thời rà soát lại chức trách, nhiệm vụ của chức danh này để  
không trùng lặp với chức danh "Thư ký công ty" đã được quy định tại Luật  
doanh nghiệp (do trong dự thảo Nghị định chỉ nêu "có thể kiêm nhiệm").

2. Quy định về xử lý vi phạm về quản trị công ty tại Điều 38, dự thảo Nghị  
định mới nêu sơ sài, chưa đủ nội dung. Đây là một nội dung rất quan trọng vì có  
sự tương quan logic với các nội dung quy định về quyền và trách nhiệm của các  
vị trí chức danh trong Công ty được đề cập trong dự thảo Nghị định và các nội  
dung quy định tại Chương VI. Ngăn ngừa xung đột lợi ích trong dự thảo Nghị  
định. Cụ thể, khi xuất hiện vi phạm đối với những quy định nêu trên thì việc xử  
lý vi phạm về quản trị công ty sẽ được thực hiện như thế nào. Đề nghị Quý Bộ  
nghiên cứu làm rõ và bổ sung để dự thảo Nghị định được hoàn thiện, đầy đủ.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Khoa học và Công nghệ, kính gửi Bộ Tài chính để nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng./

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Văn Tùng;
- Vụ KH-TC;
- Lưu VT, Vụ TCCB.


  
 BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
 THỨ TRƯỞNG  
  
 Trần Văn Tùng

**BỘ CÔNG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1432/BCA-ANKT

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2020

V/v tuام gia ý kiến đối với Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN số 0063505

Ngày: 20-07-2020

Chuyên: ANKT

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

ĐỀ NGHỊ NHỮNG KINH NGHIỆM NƯỚC

ĐẾN SỐ: 023524

Ngày: 21-07-2020

Chuyên: ...

Số hồ sơ số: ...

Ngày 22/06/2020, Bộ Tài chính có công văn số 7541/BTC-UBCK đề nghị cho ý kiến đối với Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; sau khi nghiên cứu, Bộ Công an có ý kiến như sau:

*Handwritten signature/initials*

I. Nhất trí với tình thức và bố cục của dự thảo.

II. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số vấn đề sau:

1. Tại Khoản 3 - Điều 6 (Quyền và nghĩa vụ của cổ đông): Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, quyền lợi của cổ đông công ty, vi phạm pháp luật, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án...

2. Tại Khoản 3 - Điều 8 (Thẩm quyền của Đại hội cổ đông): Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện, hoặc không thực hiện được...

3. Tại Điều 14 (Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị): Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty...

4. Tại Mục a - Khoản 4 - Điều 29 (Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này): ... người quản lý khác không phải là cổ đông của công ty và những cá nhân, tổ chức có liên quan...

Bộ Công an trao đổi để Bộ Tài chính tiếp tục /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng Tô Lâm (để báo cáo);
- Văn phòng (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(ANTCĐT).DNợc(05b).

KI. BỘ TRƯỞNG  
PHỤ TRƯỞNG



Trung tướng Lương Tam Quang

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3241 /BNV-PC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định  
quy định về quản trị công ty áp dụng  
đối với công ty đại chúng

Kính gửi: Bộ Tài chính  
(Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐIỂN	Số: 021110
Ngày:	30-06-2020
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

Trả lời công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính về

việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp

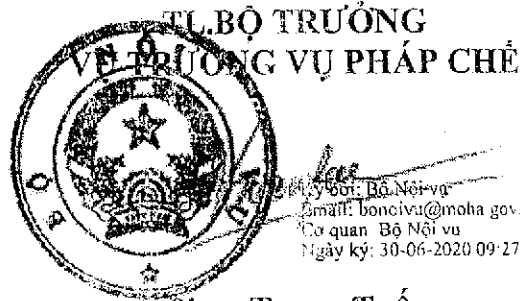
dụng đối với công ty đại chúng, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định nêu trên do Bộ Tài chính chuẩn bị.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.



Địa chỉ: Bộ Nội vụ  
Email: bonivu@moha.gov.vn  
Cơ quan: Bộ Nội vụ  
Ngày ký: 30-06-2020 09:27:13 +07:00

Phan Trung Tuấn



**BỘ NGOẠI GIAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2378** /BNG-THKT

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

Hà Nội, ngày **15** tháng **7** năm **2020**

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN số:	<b>23019</b>
Ngày:	<b>16-07-2020</b>
Chuyên:	.....
Lưu hồ sơ số:	<b>Phúc công</b>

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số:	<b>6.18.72</b>
Ngày:	<b>15-07-2020</b>
Chuyên:	<b>UBCK</b>
Số và ký hiệu HS:	.....

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 của Quý Bộ về việc cho ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 41 Luật Chứng khoán 54/2019/QH14, hoàn thiện khung pháp lý về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, góp phần nâng cao chất lượng quản trị công ty và tính công khai, minh bạch đối với công ty đại chúng. Vì vậy, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với tính cần thiết ban hành Nghị định.

2. Tại dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Quý Bộ cân nhắc bổ sung nội dung đánh giá về tính tương thích của các quy định trong dự thảo Nghị định với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (theo quy định tại Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015), làm rõ hơn tính tương thích với cam kết của WTO như nêu ở điểm II.2 dự thảo Tờ trình.

Bộ Ngoại giao xin gửi Quý Bộ ý kiến trên để tổng hợp. *MS*

Nơi nhận:

- Như trên;
- IPQT;
- Lưu: HC, THKT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



*Thanh Sơn*

Bùi Thanh Sơn

Số: 5366 /BCT-TC

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2020

V/v dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ: 65079	
Ngày: 27-07-2020	
Chuyên: U.B. VK	
Số và ký hiệu HS: .....	

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN SỐ: 024426...	
Ngày: 28-07-2020	
Chuyên: .....	
Số và ký hiệu HS: .....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (dự thảo Nghị định), Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

*7c Hoa*  
*28/7*  
*vu*

Về cơ bản nhất trí với các nội dung của dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định để không quy định lại các nội dung đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ: PC, KH;
- Lưu: VT, FC.

KT. BỘ TRƯỞNG  
PHỤ TRƯỞNG



**Đặng Hoàng An**

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4483/BYT-KHTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị  
định quy định về quản trị công ty  
áp dụng đối với công ty đại

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
ĐẾN Số: 027894  
Ngày: 24-08-2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Chuyên: Bộ Y tế nhận được văn bản số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Bộ Y tế có ý kiến như sau:

Kịch Koa  
2/8/20  
vu

1. Về cơ bản, Bộ Y tế thống nhất nội dung dự thảo Nghị định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

2. Một số ý kiến khác

- Về căn cứ pháp lý: đề nghị căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các nội dung tham chiếu đề nghị theo Luật Doanh nghiệp năm 2020

- Nội dung dự thảo đề cập về Người phụ trách quản trị công ty, đề nghị bổ sung giải thích thuật ngữ "Người phụ trách quản trị công ty" vào nội dung Điều 2, đồng thời bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của Người phụ trách quản trị công ty.

- Khoản 3 Điều 13: đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc, xem xét lại vì Hội đồng quản trị đã có báo cáo chung trình tại Đại hội đồng cổ đông.

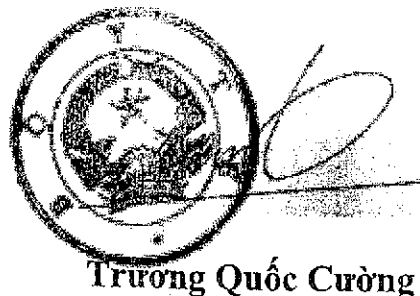
- Khoản 2 Điều 22: đề nghị tham chiếu theo nội dung quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Trên đây là ý kiến của Bộ Y tế về nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, kính chuyển Bộ Tài chính nghiên cứu và tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Q. Bộ trưởng (để b/cáo);
- Lưu: KHTC3.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trương Quốc Cường**

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3369 /BXD - QLDN

V/v tham gia ý kiến Dự thảo

Nghị định quy định về quản trị công ty  
áp dụng đối với công ty đại chúng

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2020

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN SỐ:	022899
Ngày:	15-07-2020
Bộ Tài chính	
Mã hồ sơ số:	

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Bộ Tài chính

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng về cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Ngoài ra, Bộ Xây dựng có một số ý kiến như sau:

1. Về nội dung Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 8 của Dự thảo: "Đại hội đồng cổ đông không thực hiện ủy quyền các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị", đề nghị xem xét, bổ sung một số nội dung được phép ủy quyền cho Hội đồng quản trị. Do trên thực tế, đối với những nội dung đã nằm trong kế hoạch được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên thì có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

2. Ngày 17/6/2020, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp sửa đổi, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Do đó, đề nghị xem xét, sửa đổi lại việc trích dẫn các khoản, Điều của Luật Doanh nghiệp sửa đổi và sử dụng các từ ngữ/thuật ngữ trong Dự thảo Nghị định cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp sửa đổi.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để b/c);
- Vụ: KHTC;
- Lưu VT, QLDN (HT02).

TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP



\* Đâu Minh Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2908 /UBND-KT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2020

Về việc góp ý Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
ĐẾN Số: 025534
Ngày: 05-08-2020
Chuyên: .....
Số và ký hiệu HS: .....

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 6.7831
Ngày: 03-08-2020
Chuyên: UBCK
Số và ký hiệu HS: .....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Trên cơ sở báo cáo của Sở Tài chính tại Công văn số 4377/STC-TCDN ngày 15 tháng 7 năm 2020, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Ủy ban nhân dân Thành phố không có ý kiến khác.

Kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Tài chính; Chi cục TCDN
- VPUB: CVP;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, (KT/Ng.H).07.



Số: 2684 /BVHTTDL-KHTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ÁP DỤNG	Số: 023967
ĐỀN	
Ngày: 23-07-2020	
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS: Phúc đáp	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:


Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xin gửi Bộ Tài chính để tổng hợp xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC, CTH.6.

KT. BỘ TRƯỞNG  
 CHỦ TRƯỞNG



Lê Quang Tùng

Số: 2546 /BT-TTTT-QLDN

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2020

V/v Góp ý kiến dự thảo ND quy định về quản trị công ty áp dụng công ty đại chúng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN số:	022324
Ngày:	09-07-2020
Chuyên:	Trả lời đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) có ý kiến như sau:

1. Bộ TTTT thống nhất về quan điểm, mục tiêu xây dựng Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng theo đề xuất của Bộ Tài chính tại dự thảo Tờ trình Chính phủ nhằm quy định chi tiết Điều 41 Luật Chứng khoán năm 2019 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định, Bộ TTTT thống nhất với các nội dung quy định cụ thể về quản trị công ty tại dự thảo Nghị định theo trình bày của Bộ Tài chính nhằm bổ sung, bảo đảm tính tương thích với một số nội dung được quy định tại Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2020, đồng thời quy định cụ thể hơn một số điểm trên cơ sở tiếp thu một số thắc mắc của công ty đại chúng và điều chỉnh một số nội dung quy định mang tính nguyên tắc, khuyến nghị thành quy định mang tính bắt buộc đối với đối tượng áp dụng là công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn. Bộ TTTT đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo trên cơ sở đánh giá toàn diện kết quả tổng kết 10 năm thi hành văn bản về quản trị công ty, xác định rõ những vấn đề vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn triển khai vừa qua, đồng thời tiếp thu đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng để hoàn thiện Nghị định nhằm tạo điều kiện cho môi trường kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán phát triển bền vững.

Trên đây là ý kiến của Bộ TTTT xin gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Lưu: VT, QLDN.

**KI. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

Ký bởi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
Cơ quan: Bộ Thông tin và Truyền thông  
Thời gian ký: 09/07/2020 12:55:24



**Phạm Anh Tuấn**

Số: 3929 /BTNMT-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản  
trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2020

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

ĐẾN số: 23968

Ngày: 23-07-2020

Chuyên: Bộ Tài chính

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (dự thảo Nghị định); sau khi nghiên cứu, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ xây dựng Nghị định: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các nội dung sau: (i) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị định; (ii) Báo cáo đánh giá tác động của từng chính sách tại Dự thảo Nghị định (nếu có); (iii) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách của Dự thảo Nghị định và các tài liệu khác (nếu có) để đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Điều 87 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.

2. Tại Điều 2 dự thảo Nghị định: đề nghị đổi tên Điều 2 thành "Giải thích từ ngữ".

3. Tại Điều 7 dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung quy định về nghĩa vụ của cổ đông công ty.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trân trọng kính gửi Quý Bộ để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Ủy ban chứng khoán (BTC); ✓
- Lưu VT, KHTC.XQ.

K. L. O. T. R. U. O. N. G  
T. A. I. N. G. U. Y. E. N. V. A. M. O. I. T. R. U. O. N. G



Trần Quý Kiên



KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 796/KTNN-TH

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2020

V/v lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
ĐẾN Số: 24131
Ngày: 24-07-2020
Chuyên: Kiểm toán nhà nước
Số và ký hiệu HS: 22/6/2020

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 0065070
Ngày: 24-07-2020
Chuyên: UBCK
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước - Bộ Tài chính

le nha  
28/7

Kiểm toán nhà nước nhận được Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Qua nghiên cứu, Kiểm toán nhà nước đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

1. Khoản 1 Điều 3: Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa từ "1. Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và **không được trái** với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan" thành "1. Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua **phải tuân thủ** Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan".

2. Khoản 1 Điều 4: Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa từ "Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty **không được trái** với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty" thành "Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty **phải tuân thủ** quy định của pháp luật và Điều lệ công ty".

3. Khoản 2 Điều 5: Đề nghị làm rõ ý "Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết pháp luật,..." và bổ sung quy định cụ thể hơn về điều kiện, tiêu chuẩn "có hiểu biết về pháp luật" để làm cơ sở thực hiện.

4. Khoản 3 Điều 6: "... Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty; nghị quyết của Hội đồng quản trị trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, **cổ đông có quyền yêu cầu** Tòa án, Trọng tài đình chỉ thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết nói trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp": Đề nghị bổ sung "**nhóm cổ đông**" vào sau cụm từ "cổ đông" để đảm bảo tính đầy đủ và thống nhất với Điều 115 và Điều 150 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

5. Điều 9: Xem xét bổ sung quy định về số người tham dự và số cổ phần tối thiểu của các cổ đông tham gia để có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Khoản 3 Điều 11 "Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng không thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05)

*công ty khác*”: Đề nghị nghiên cứu cân nhắc do tại điểm c khoản 1 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định “*Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác*”.

7. Khoản 5 Điều 14: Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa từ “...bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với các bên liên quan” thành “...bao gồm việc sử dụng tài sản, bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với các bên liên quan”.

8. Điều 15: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “*Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết*” vào Điều 15 của Dự thảo để đảm bảo tính đầy đủ, chặt chẽ khi quy định về cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty đại chúng.

9. Điều 19: Đề nghị bổ sung mục đích và nội dung của cuộc họp Ủy ban kiểm toán vào Điều 19 của Dự thảo; chỉnh sửa “*Trưởng Ủy ban kiểm toán*” thành “*Chủ tịch Ủy ban kiểm toán*” theo đúng Điều 161 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (rà soát chỉnh sửa tương tự tại các điều 17 đến điều 20); và nghiên cứu bổ sung các thành phần cần phải ký tên trong Biên bản họp của Ủy ban kiểm toán như Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, người ghi biên bản, ...

10. Khoản 5 Điều 24: Đề nghị chỉnh sửa, biên tập từ “...vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác...” thành “...và người điều hành khác của công ty đại chúng” để tránh hiểu nhầm. (rà soát chỉnh sửa tương tự tại khoản 5 Điều 26)

11. Khoản 1 Điều 25: “*Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm,...*” đề nghị chỉnh sửa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 106 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “*Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát*”, đồng thời bổ sung mục đích, nội dung của cuộc họp Ban kiểm soát để có cơ sở thực hiện.

12. Khoản 2 Điều 31 “*Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng...*”, đề nghị nghiên cứu thay cụm từ “*có thể*” bằng từ “*được*” để đảm bảo quyền lợi tuyệt đối cho các cổ đông và công chúng đầu tư khi tiếp cận thông tin, đồng thời gắn trách nhiệm của công ty đại chúng trong việc đảm bảo tính công khai, minh bạch khi công bố thông tin.

13. Điều 38: Xử lý vi phạm về quản trị công ty, đề nghị bổ sung viện dẫn văn bản, căn cứ xử phạt theo quy định nào.

14. Đề nghị rà soát, sửa đổi các nội dung **đang trích dẫn** trong Dự thảo theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014 ngày 26/11/2014 **sang trích dẫn** theo Luật

Doanh nghiệp 55/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 55/2020/QH14 có hiệu lực từ 01/01/2021 và Dự thảo Nghị định đang dự kiến có hiệu lực từ 01/01/2021); như: khoản 3, 6 Điều 2; khoản 1 Điều 5; các Điều 6, 8, 9; khoản 3 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 3 Điều 12; khoản 1 Điều 15; các Điều 16, 18; khoản 2 Điều 22; các Điều 24, 26, 29, 32 Dự thảo Nghị định. ✓

Trân trọng./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Tổng Kiểm toán nhà nước;
- Phó Tổng KTNN Nguyễn Quang Thành;
- KTNN chuyên ngành VI, VII;
- KTNN khu vực I, IV;
- Các vụ: TH, PC, CĐ&KSCLKT;
- Lưu: VT.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Hồ Đức Phúc

Số: 5323 /NHNN-TTGSNH  
V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo  
Nghị định quy định về quản trị công ty  
áp dụng đối với công ty đại chúng

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2020

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN	Số: 024.266..
Ngày: 27-07-2020	
Chuyên: Nhà nước)	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán

Phúc đáp Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày 22/6/2020 của Quý Bộ về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (dự thảo Nghị định), sau khi nghiên cứu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có ý kiến như sau:

### 1. Ý kiến chung

Ngày 17/6/2020, Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021), vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung dự thảo Nghị định để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020.

### 2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một khoản vào Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc áp dụng Nghị định này đối với các công ty đại chúng là tổ chức tín dụng (TCTD) như sau: “Đối với công ty đại chúng là TCTD thì trường hợp có quy định khác nhau về quản trị công ty giữa pháp luật về ngân hàng và Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật về ngân hàng”.

**Lý do:** Quy định về quản trị của tổ chức tín dụng theo pháp luật về ngân hàng có một số điểm khác biệt so với quy định pháp luật chung về quản trị công ty, cụ thể như sau:

#### - Về căn cứ áp dụng pháp luật:

Khoản 2 Điều 3 Luật Các TCTD quy định: “Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng quy định của Luật này”.

Điều 3 Luật Doanh nghiệp quy định: “Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó”.

#### - Về số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát:

Khoản 1 Điều 62 Luật Các TCTD quy định: “HĐQT của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất một phần

hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của tổ chức tín dụng” trong khi Điều 12 dự thảo Nghị định quy định số lượng thành viên HĐQT của công ty đại chúng “ít nhất 03 người”, cơ cấu thành viên HĐQT “đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập” đối với trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết “ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập” đối với công ty đại chúng đã niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 62 Luật Các TCTD quy định: “Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên HĐQT của một tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước”; khoản 2 Điều 44 Luật các TCTD quy định cơ cấu Ban kiểm soát “phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác”, trong khi dự thảo Nghị định không đặt ra các giới hạn này.

- Về người quản trị, điều hành doanh nghiệp:

Luật các TCTD có các quy định cụ thể, chặt chẽ hơn về tiêu chuẩn, điều kiện để trở thành người quản lý, điều hành TCTD trên các khía cạnh trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp (Điều 50); về giới hạn đối với người tham gia quản trị, điều hành (quy định trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không được cùng đảm nhiệm chức vụ tại Điều 33, Điều 34); quy định bảo đảm sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với người thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành TCTD thông qua quy định chấp thuận danh sách dự kiến những người bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc của TCTD (Điều 51), quy định về đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên HĐQT, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành TCTD (Điều 37); quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc/Giám đốc của TCTD (Điều 56);...

- Về xác định người có liên quan:

Luật các TCTD có quy định cụ thể, chặt chẽ hơn trong việc xác định nội hàm cụ thể của khái niệm người có liên quan so với Luật Chứng khoán. Điểm c khoản 28 Điều 4 Luật các TCTD quy định người có liên quan bao gồm trường hợp “Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5 % vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại” trong khi tỷ lệ tương tự tại điểm b khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán là 10%; và điểm c khoản 28 Điều 4 Luật các TCTD có quy định thêm trường hợp xác định đối tượng người có liên quan dựa trên mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khi Luật Chứng khoán không quy định trường hợp tương tự.

- Về công bố thông tin:

Đối với TCTD bị kiểm soát đặc biệt, Luật các TCTD quy định việc công bố thông tin của TCTD được kiểm soát đặc biệt được thực hiện theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống TCTD (khoản 5 Điều 146đ).

Khoản 3 Điều 118 Luật Chứng khoán quy định: “Đối với công ty đại chúng là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, việc công bố thông tin thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng”.

Bên cạnh đó, Luật các TCTD cũng đặt ra các quy định mang tính đặc thù về quản trị, hoạt động đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt. Cụ thể, việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của TCTD được kiểm soát đặc biệt được thực hiện theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống TCTD (khoản 1 Điều 146đ); số lượng thành viên, nhiệm kỳ HĐQT, Ban kiểm soát của TCTD được kiểm soát đặc biệt do NHNN quyết định (khoản 6 Điều 146đ).

Từ các nội dung trên cho thấy, việc áp dụng quy định của dự thảo Nghị định đối với quản trị công ty đại chúng là TCTD có nhiều điểm không thống nhất, không đảm bảo phù hợp với Luật các TCTD, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Do đó, cần khẳng định rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật đối với công ty đại chúng là TCTD để đảm bảo phù hợp.

### 3. Khoản 2 Điều 5

Đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể về tiêu chuẩn “hiểu biết về pháp luật” tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định như: bằng cấp, trình độ chuyên môn và/hoặc năm công tác/kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật.

### 4. Khoản 1 Điều 9

Đề nghị cân nhắc quy định cụ thể về “ngày đăng ký cuối cùng” như sau: “ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ”.

NHNN gửi Quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc (để b/c);
- PTĐ Đoàn Thái Sơn (để b/c);
- Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Pháp chế (để biết);
- Lưu: VP, TTGSNH3.

**TL. THÔNG ĐỐC**  
**KT. CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG**  
**PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG**



Phạm Huyền Anh

*Clan*

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Số: 4238-03/2020/TCB-CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2020

V/v: ~~Góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản trị công~~

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

áp dụng đối với công ty đại chúng

ĐẾN Số:.....024.058

Ngày: ~~Kinh~~ 22/7/2020

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

- Vụ Giám sát Công ty Đại chúng
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước

*Clan*  
*22/7*

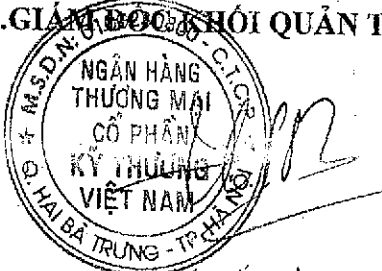
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (“**Techcombank**”) xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng và xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý Cơ quan với Techcombank trong suốt thời gian qua.

Techcombank được biết Ủy ban chứng khoán Nhà Nước (UBCK) đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (“Dự thảo”). Sau khi nghiên cứu Techcombank có một số ý kiến góp ý như tài liệu đính kèm Công văn này.

Techcombank xin kính gửi tới Quý cơ quan được biết và tổng hợp ý kiến.

- Nơi nhận:
- Như trên;
  - Lưu VT, CA

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM  
TU.QUẢN TRỊ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG 2



GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ QUAN HỆ CÔNG  
*Nguyễn Thị Văn Hoài*

**CÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỦA TECHCOMBANK ĐỐI VỚI  
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

STT	Điều/khoản theo dự thảo	Nội dung quy định	Góp ý	Lý do sửa đổi/bổ sung
<b>I</b>	<b>Các góp ý chung</b>			
1		Một số nội dung đã được Luật Chứng khoán và/hoặc Luật doanh nghiệp quy định rõ ràng và không cần/không yêu cầu hướng dẫn chi tiết. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định đã đưa thêm các yêu cầu là không cần thiết và sẽ tạo khó khăn, vướng mắc cho quá trình thực hiện. Ví dụ:  a. Yêu cầu các thành viên HĐQT, thành viên BKS phải tham dự ĐHĐCĐ thường niên để trả lời câu hỏi của cổ đông;  b. Yêu cầu báo cáo trước khi thực hiện giao dịch với cả các giao dịch với người liên quan của TV HĐQT, TV BKS. Điều này không khả thi và hoàn toàn phát sinh rủi ro, bởi thực tế với khái niệm người liên quan rất rộng thì thông qua quan hệ bắc cầu với người thân thì phát sinh quan hệ liên quan của tổ chức/cá nhân nào đó mà nhiều người không biết.  c. Yêu cầu báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ về thu nhập, thù lao, chi phí của từng thành viên HĐQT, BKS là không cần thiết và vượt mức quy định của Luật Doanh nghiệp.  d. Yêu cầu không được cho vay, bảo lãnh đối với một số đối tượng là người quản lý và người liên quan ... chưa phù hợp quy định Luật các TCTD.		
2		Đề xuất Ban soạn thảo xem xét bổ sung các quy định liên quan đến việc áp dụng đối với các công ty đại chúng đặc biệt như các TCTD, các TCTD hoạt động theo Luật chuyên ngành là Luật các TCTD, trong đó có quy định về cơ chế tổ chức, hoạt động quản trị, điều hành, quy định về quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức họp và hoạt động của HĐQT, BKS, Ban điều hành khác biệt so với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán.		
<b>II</b>	<b>Các quy định cụ thể</b>			



STT	Điều/khoản theo dự thảo	Nội dung quy định	Góp ý	Lý do sửa đổi/bổ sung
1	Điều 9.4	Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <u>Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có)</u>	<u>Đề xuất bỏ nội dung: Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có)</u>	Quy định theo dự thảo là không cần thiết và có thể gây khó hiểu; cụ thể: - với nội dung dự thảo được hiểu là tất cả thành viên HĐQT, BKS đều phải tham dự đại hội sẽ gây khó khăn/cản trở cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ, không đảm bảo tính thực thi. Ngoài ra, chưa đề cập tới các trường hợp bất khả kháng. Chế tài thế nào nếu không tham dự được? - Thành viên HĐQT, BKS dự họp ĐHĐCĐ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tập thể/cá nhân với ĐHĐCĐ chứ không phải mục đích chính là trả lời câu hỏi cổ đông
2	Điều 12.1, 12.2	1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định	Đề xuất Ban soạn thảo cần nhắc làm rõ “các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty” bao gồm những thông tin/tài liệu nào?  Trên thực tế thành viên thành viên HĐQT có được yêu cầu công ty cung cấp thông tin Khách hàng (được coi là thông tin mật, trong một số trường hợp còn được coi là bí mật nhà nước trong ngành ngân hàng) hay không?  Đề xuất làm rõ trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin	

STT	Điều/khoản theo dự thảo	Nội dung quy định	Góp ý	Lý do sửa đổi/bổ sung
3	Điều 12.4	4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn phải đảm <b><u>bảo tối thiểu một phần ba (1/3)</u></b> tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.	đề thống nhất cách thức triển khai giữa các doanh nghiệp.  <b>Đề xuất sửa là: ..... tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành hoặc 20% tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập.</b>	Để phù hợp thực tế và quy định hiện hành.
4	Điều 13.2d	d) Báo cáo Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất <b><u>trước thời điểm giao dịch</u></b>	<b>Đề xuất sửa đổi theo hướng:</b> - Trường hợp thành viên HĐQT trực tiếp tham gia giao dịch và/hoặc trực tiếp quản lý, chỉ đạo pháp nhân/cá nhân là người liên quan tham gia giao dịch: cần báo cáo và được phê duyệt trước khi thực hiện giao dịch; - Trường hợp thành viên HĐQT không biết về giao dịch do không còn làm tại công ty cũ và/hoặc không được người liên quan thông báo: khi phát hiện thì cần báo cáo ngay cho HĐQT về giao dịch	Với khái niệm người liên quan rất rộng như hiện nay, thực tế không thể biết khi nào một pháp nhân/cá nhân trở thành người liên quan với mình thông qua các mối quan hệ bắc cầu từ người thân của mình. Ngoài ra, những doanh nghiệp/công ty mà cá nhân đã thôi làm quản lý thì hầu như không biết được thông tin. Trường hợp công ty cũ phát sinh giao dịch với Công ty mới thì Thành viên HĐQT tại công ty mới cũng chưa chắc đã biết bởi: giao dịch nhỏ không trình lên cấp HĐQT...
5	Điều 13.3	3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải lập <b><u>báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</u></b>	<b>Đề xuất quy định theo hướng:</b> Trường hợp không thống nhất hoặc có ý kiến khác với nội dung báo cáo của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thì đại diện trong số thành viên độc lập HĐQT có báo cáo trình ĐHĐCĐ.	Tránh trùng lặp trong trường hợp các thành viên độc lập HĐQT đã thống nhất với báo cáo chung của HĐQT. Thể hiện rõ chỉ cần đại diện chứ không cần từng thành viên độc lập HĐQT phải có báo cáo.

STT	Điều/khoản theo dự thảo	Nội dung quy định	Góp ý	Lý do sửa đổi/bổ sung
6	Điều 14.4	4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. <b><u>Bỏ trường Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</u></b>	<b>Đề xuất sửa:</b> Bỏ quy định trách nhiệm của Bộ TC ở Điều 14 về Trách nhiệm của HĐQT.	Không phù hợp với nội dung Điều khoản. Luật Doanh nghiệp đã quy định rõ rồi.
7	Điều 15.2	2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. <b><u>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.</u></b> Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Đề xuất Ban soạn thảo xem xét quy định rõ: 1. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký BBH thì có ban hành được NQ không? Ai sẽ ký NQ? 2. Sao chỉ quy định lưu trữ BBH, vậy NQ thì sao?	Để đảm bảo tính thực thi.
8	Điều 18.4	4. <b><u>Xây dựng các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro;</u></b> đề xuất, phối hợp với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.	Xem xét quy định: UBKT đề xuất, phối hợp với HĐQT trong việc xây dựng các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro. (UBKT không trực tiếp ban hành chính sách mà HĐQT phê duyệt ban hành)	Để đảm bảo tính thực thi.

STT	Điều/khoản theo dự thảo	Nội dung quy định	Góp ý	Lý do sửa đổi/bổ sung
9	Điều 18.7	<b>7. <u>Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</u></b>	Trách nhiệm của BTC nên quy định ở 1 Điều khoản riêng.	Cấu trúc văn bản phù hợp, rõ ràng.
10	Điều 24.6	<b>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. <u>Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</u></b>	Trách nhiệm của BTC nên quy định ở 1 Điều khoản riêng. Điều này về trách nhiệm của UBKT.	Cấu trúc văn bản phù hợp, rõ ràng.
11	Điều 16, Điều 20 và Điều 26.1	<b>1. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ủy ban Kiểm toán/Ban kiểm soát và <u>từng thành viên ... theo quy định tại ... Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ công ty.</b>	<b>Đề xuất sửa theo hướng:</b> báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt về tổng thù lao, ngân sách chi phí đối với HĐQT và Ban Kiểm soát. Trường hợp vượt thì cần có báo cáo, giải trình cụ thể để ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.	Tránh quy định vượt quá nội dung của Luật và không cần thiết. Luật Doanh nghiệp chỉ quy định ĐHĐCĐ phê duyệt tổng thù lao, ngân sách hoạt động đối với HĐQT, BKS.
12	Điều 29.4	<b>4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</b> a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; b) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám	<b>Đề xuất sửa theo hướng:</b> bổ sung quy định tại điều này: <b>Trừ trường hợp công ty đại chúng là TCTD.</b>	Hoạt động cấp tín dụng của TCTD với người liên quan của người quản lý/điều hành đã được NHNN quy định đầy đủ, cụ thể. Việc quy định này sẽ gây khó khăn trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD.

STT	Điều/khoản theo dự thảo	Nội dung quy định	Góp ý	Lý do sửa đổi/bổ sung
		độc), người quản lý khác, đồng thời là người có liên quan của cổ đông mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế;		
13	Điều 31.2	2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. <b><u>Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.</u></b>	Xem xét bổ sung quy định về: Ngôn ngữ trong công bố thông tin là <b>Tiếng Việt và Tiếng Anh (đối với Công ty đại chúng quy mô lớn).</b>	Giúp các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận thông tin kịp thời, đầy đủ hơn.
14	Điều 34	<b><u>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc)</u></b> và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	<b>Đề xuất bỏ nội dung này.</b> Chỉ báo cáo Tổng mức thù lao theo Luật.	Vượt quá quy định của Luật và không cần thiết. <b>Luật DN quy định:</b> Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên

T.C.P. \* K.V.N.

Hanoi Branch  
Ground Floor, 11<sup>th</sup> Floor, 12A<sup>th</sup> Floor, 12B<sup>th</sup> Floor, Horizon Tower,  
40 Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

T (84-24) 3825 1950  
F (84-24) 3824 3963



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
Số: 027277	
Ngày: 17-06-2020	
Chuyên: .....	
Số và ký hiệu HS: .....	

Hanoi, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Kính gửi:

Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước.

Bộ Tài chính

Kết A Nam  
Mã số 135

Về việc: Góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Ngân hàng Citibank N.A, Chi nhánh Hà Nội ("Citibank") xin được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lời chào trân trọng và lời cảm ơn chân thành tới Quý Ủy Ban về sự hỗ trợ của Quý Ủy ban trong thời gian qua đối với Ngân hàng chúng tôi.

Phúc đáp yêu cầu của Quý Ủy ban về việc lấy ý kiến thành viên thị trường cho các dự thảo Nghị định và Thông tư hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Luật chứng khoán năm 2019 được đăng tải trên trang tin điện tử của quý Ủy ban, ngân hàng chúng tôi xin được gửi ý kiến đóng góp cho các văn bản sau:

1. Dự thảo Nghị định Quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
2. Dự thảo thông tư về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
3. Dự thảo Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Ý kiến đóng góp chi tiết cho từng văn bản chúng tôi xin gửi kèm cùng với thư này. Chúng tôi hy vọng những ý kiến đóng góp của chúng tôi sẽ góp phần hoàn thiện dự thảo các văn bản nói trên.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào

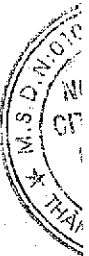


Nguyễn Thị Thúy Quỳnh

Hoàng Quốc Hùng

Giám Đốc Dịch vụ Chứng khoán

Ngân hàng Citibank N.A Chi nhánh Hà Nội



**Hanoi Branch**

Ground Floor, 11<sup>th</sup> Floor, 12A<sup>th</sup> Floor, 12B<sup>th</sup> Floor, Horizon Tower,  
40 Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

T (84-24) 3625 1950  
F (84-24) 3624 3963



**Đóng góp ý kiến Dự thảo Nghị định Quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng**

Ngân hàng Citibank N.A. - Chi nhánh Hà Nội

SIT	Điều	Vấn đề	Đề xuất sửa đổi
1	<b>Điều 9: Cuộc họp Đại hội Đồng Cổ đông</b> 1. ... Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội Đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Việc Ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội Đồng cổ đông được quy định ở Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020	1. ... Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội Đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2	<b>Điều 9: Cuộc họp Đại hội Đồng Cổ đông</b> 3. Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội Đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Chúng tôi đề xuất việc tạo ra cơ chế cổ đông có thể lựa chọn bỏ phiếu qua hình thức điện tử thay vì tham dự cuộc họp trực tiếp nên là yêu cầu bắt buộc đối với các công ty đại chúng. Trên thực tế, hiện tại, việc yêu cầu tham dự họp và bỏ phiếu trực tiếp gây rất nhiều khó khăn, bất lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài trong việc bố trí, sắp xếp người đại diện tại thị trường Việt Nam để tham dự họp. Bên cạnh đó, trong tình hình dịch bệnh kéo dài, việc yêu cầu họp và bỏ phiếu trực tiếp càng trở nên bất khả thi. Theo thông lệ quốc tế, hiện tại đa số các thị trường đều chấp nhận hình thức tham dự, bỏ phiếu điện tử và không quy định bắt buộc việc tham dự trực tiếp.  Quy định về họp đại hội cổ đông là tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.	Chúng tôi đề xuất sửa đổi: 3. Công ty đại chúng <b>phải</b> quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội Đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại <b>Điều 144</b> Luật Doanh nghiệp. <b>Công ty đại chúng phải thông báo và hướng dẫn cổ đông quy trình đăng ký tham dự đại hội đồng cổ đông bằng phương thức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong các tài liệu thông báo Đại hội đồng cổ đông.</b>

117  
AN  
BA  
HI  
H.  
/

Hanoi Branch

Ground Floor, 11<sup>th</sup> Floor, 12A<sup>th</sup> Floor, 12B<sup>th</sup> Floor, Horizon Tower,  
40 Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

T (84-24) 3825 1950  
F (84-24) 3824 3963



**Đóng góp ý kiến Dự thảo Thông tư về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán**

Ngân hàng Citibank N.A. - Chi nhánh Hà Nội

STT	Điều	Vấn đề	Góp ý
1	Điều 2. Giải thích từ ngữ 5. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm: đ) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của OI tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.	Chúng tôi hiểu rằng "Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của OI tổ chức phát hành hoặc 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng" cũng nằm trong phạm vi đối tượng công bố thông tin.  Đến tranh đó, Điều 2 chưa giải thích thuật ngữ "Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan".	Đề xuất bổ sung: Điều 2. Giải thích từ ngữ 5. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm: đ) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của OI tổ chức phát hành hoặc 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng  Đề xuất bổ sung định nghĩa cho thuật ngữ "Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan"
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ 13. Ngày thực hiện giao dịch được xác định như sau: b) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam/thành viên lưu ký trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	Đối với các giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (TCI LXST CKVN), nhà đầu tư là bên bán sẽ gửi lệnh và đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán theo mẫu tới thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản Thành viên Lưu ký chứng khoán đưa trên đề nghị của nhà đầu tư sẽ được hiện các thủ tục cần thiết với TCI LXST CK VN để thực hiện giao dịch chuyển quyền sở hữu	Đề xuất sửa đổi: 13. Ngày thực hiện giao dịch được xác định như sau: b) Là ngày Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam nhận được tờ đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán đầy đủ và hợp lệ từ thành viên lưu ký của bên bán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
3	Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin 1. Các đối tượng công bố thông tin là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua OI người đại diện theo pháp luật hoặc OI cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đó 3. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của thông tư này và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Điều 4 chưa quy định về người thực hiện công bố thông tin của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan công bố chưa có phụ lục cho việc đăng ký người thực hiện công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan.  Theo khoản 3 điều này, chúng tôi hiểu vấn đề này sẽ được quy định riêng tại thông tư hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Đề xuất sửa đổi: 3. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của thông tư này và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
4	Điều 8: Công bố thông tin định kỳ 3. Công bố thông tin về hợp đại hội đồng cổ đông thường niên	Liên quan đến việc thông báo nội dung họp đại hội đồng cổ đông, trong quá trình cung cấp dịch vụ bù trừ theo ủy quyền cho nhà đầu tư nước ngoài, chúng tôi nhận thấy những vướng mắc sau đây: 1. Hiện tại, các thành viên lưu ký và nhà đầu tư sử dụng thông báo từ trung tâm lưu ký như là nguồn thông báo chính thức, tập trung về lịch thực hiện quyền (bao gồm lịch họp Đại hội đồng cổ đông), Thành viên lưu ký cũng như nhà đầu tư sẽ theo dõi thông báo hàng ngày nhận được từ trung tâm lưu ký ( thay vì phải theo dõi trên trang tin điện tử của từng công ty phát hành). Tuy nhiên, trên thực tế, đa số các thông báo về họp đại hội đồng cổ đông được gửi tới Trung tâm lưu ký chưa có thông tin cụ thể về ngày họp, thời gian họp vì công ty phát hành chưa quyết định tại thời điểm gửi thông báo. Sau đó khi có thông tin về thời gian họp, nội dung họp, công ty phát hành không thực hiện việc cập nhật qua trung tâm lưu ký, mà chỉ thông báo trên trang tin điện tử của công ty hoặc gửi tài liệu trực tiếp đến cho nhà đầu tư. Mỗi nhà đầu tư có thể đầu tư vào hàng trăm mã cổ phiếu khác nhau và không thể thực hiện việc theo dõi hàng ngày các trang tin điện tử của từng công ty để cập nhật để cập nhật thông báo mới. Điều này dẫn đến việc các thành viên lưu ký và nhà đầu tư không nhận được thông tin kịp thời về những thay đổi này. 2. Khi nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho đại diện ở trong nước tham dự họp, nhà đầu tư sẽ dựa trên nội dung họp để thông báo trước đó để đưa ra các chỉ thị bỏ phiếu cho người được ủy quyền. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, công ty phát hành thay đổi nội dung họp, nội dung bỏ phiếu vào thời điểm sát cuộc họp mà không thể thông báo trước cho nhà đầu tư. Do đó, nhà đầu tư nước ngoài sẽ không thể biết trước để đưa những nội dung này vào chỉ thị bỏ phiếu ngay trước cuộc họp.	1. Chúng tôi đề xuất phải có yêu cầu bắt buộc đối với các công ty đại chúng niêm yết và đăng ký giao dịch phải thông báo nội dung họp tại Trung tâm lưu ký, bao gồm thông báo ban đầu và các thông báo về nội dung thay đổi của ngày họp, địa điểm họp, chương trình họp; nội dung bỏ phiếu. 2. Chúng tôi đề xuất bổ sung yêu cầu khi có thay đổi về nội dung họp trong vòng 3 ngày trước ngày họp, công ty đại chúng phải ngay lập tức công bố những thay đổi đó lên trang thông tin điện tử của công ty và gửi thông báo tới Trung tâm lưu ký Trung tâm lưu ký có trách nhiệm cập nhật thông báo đến thành viên lưu ký.



Hanoi Branch

Ground Floor, 11<sup>th</sup> Floor, 12A<sup>th</sup> Floor, 12B<sup>th</sup> Floor, Honson Tower,  
40 Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

T (84-24) 3825 1950  
F (84-24) 3824 3963



<p>5</p>	<p>Điều 29 Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng. . 2. Tổ chức có nhan khi mua bán, chuyển nhượng dẫn đến việc trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng ...phải công bố thông tin và báo cáo. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ của quỹ đồng. 2. Cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đồng khi mua, bán, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng cổ sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đồng qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng) và công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên "theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này</p>	<p>Đối với nhà đầu tư nước ngoài, việc công bố thông tin và hoàn tất báo cáo thường mất nhiều thời gian do - Chênh lệch múi giờ, đặc biệt với những thị trường chênh lệch 12 tiếng. Ví dụ: ngày T là ngày hoàn tất giao dịch. Ngày T+1, dựa trên số dư cuối ngày của ngày T, và dữ liệu cuối ngày từ số giao dịch về số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, bên cung cấp dịch vụ tại Việt Nam sẽ tính toán và thông báo cho khách hàng nếu tỷ lệ sở hữu đạt đến mức cần báo cáo, đồng thời có thể soạn thảo bản draft mẫu báo cáo cho khách hàng. Với khách hàng chênh lệch 12 tiếng, đêm ngày T+1, khách hàng mới nhận được thông tin và mẫu báo cáo để đối chiếu với số liệu mà khách hàng đang có. Nếu có gì sai khách hàng không đồng ý, ngày T+2, bên cung cấp dịch vụ tại Việt Nam mới nhận được thông tin từ khách hàng để kiểm tra và xác nhận lại. Như vậy, khách hàng chỉ còn 1 ngày để thực hiện việc chốt và gửi báo cáo. - Đối với nhà đầu tư nước ngoài là các định chế tài chính lớn, quy trình về báo cáo gửi đến cơ quan quản lý nước ngoài thường được quy định rất nghiêm ngặt, trải qua phê duyệt của nhiều bộ phận đặc lệ (ví dụ bộ phận nghiệp vụ kiểm tra về dữ liệu, bộ phận tuân thủ, bộ phận pháp chế, etc.) dẫn đến việc mất nhiều thời gian để hoàn thành báo cáo. - Mẫu báo cáo trong phụ lục là song ngữ Anh-Việt, tuy nhiên theo Điều 3, Khoản 5, về Nguyên tắc công bố thông tin, trong trường hợp công bố thông tin bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt thì nội dung công bố thông tin bằng Tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo. Đối với nhà đầu tư là định chế tài chính lớn, có quy trình chặt chẽ đối với các báo cáo gửi đến cơ quan quản lý, nhà đầu tư sẽ mất thời gian để thực hiện thêm các bước kiểm tra để đảm bảo nội dung tiếng Việt trong báo cáo khớp đúng với nội dung tiếng Anh</p>	<p>Chúng tôi đề xuất kéo dài thời hạn báo cáo ở điểm 1 và điểm 2 điều này thành: "trong thời hạn 03 ngày làm việc"</p>
<p>6</p>		<p>Bên cạnh đó, đối với điểm 2, Quy định "trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên..." có thể được hiểu theo những cách khác nhau (tính hoặc không tính ngày hoàn tất giao dịch). Vì vậy, chúng tôi đề xuất làm rõ quy định này trong ví dụ tại khoản 2 Điều 29 để tránh gây nhầm lẫn.</p>	<p>Chúng tôi đề xuất sửa đổi làm rõ mục ví dụ như sau:  <i>Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T, ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 5%, do vậy, trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư tính ngày hoàn tất giao dịch, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình. Nếu ngày hoàn tất giao dịch là T+2 (ngày làm việc), ngày công bố thông tin chậm nhất là ngày T+2 (ngày làm việc).</i></p>
<p>7</p>	<p>Phụ lục số 07 &amp; Phụ lục số 08 4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above Tại công ty chứng khoán/in securities company"</p>	<p>Trong trường hợp nhà đầu tư chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán với công ty chứng khoán và không mở tài khoản lưu ký với ngân hàng lưu ký thì chứng khoán của nhà đầu tư sẽ được ghi nhận trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do công ty chứng khoán mở tại hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Trong trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch với công ty chứng khoán và đồng thời mở tài khoản lưu ký với ngân hàng lưu ký thì chứng khoán của nhà đầu tư sẽ được ghi nhận trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do ngân hàng lưu ký mở tại hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán</p>	<p>Chúng tôi đề xuất sửa đổi điểm 4 ở Phụ lục 7 và Phụ lục 8 để ghi nhận cả hai trường hợp tài khoản giao dịch có chứng khoán tại Công ty chứng khoán hoặc Ngân hàng lưu ký, chi tiết như sau: "4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above Tại công ty chứng khoán/Ngân hàng lưu ký In securities company/Custodian bank."</p>
<p>8</p>	<p>Phụ lục số 07 "8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoàn đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/ Trading date on which change of ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder/investors holding 5% or more of closed fund certificate happened."</p>	<p>Chúng tôi đề xuất sửa đổi "Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoàn đổi)" thành "Ngày hoàn tất giao dịch" vì đây là ngày làm căn cứ để tính toán hạn báo cáo</p>	<p>Đề xuất sửa đổi: "8. Ngày hoàn tất giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/Date of change in ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder/investors holding 5% or more of closed fund certificate happened"</p>
<p>9</p>	<p>Phụ lục số 08 11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ Date of change in ownership"</p>	<p>Trong dự thảo thông tư chỉ định nghĩa Ngày thực hiện giao dịch và Ngày hoàn tất giao dịch. Chúng tôi đề xuất sửa đổi thành Ngày hoàn tất giao dịch vì đây là ngày làm căn cứ để tính thời hạn báo cáo</p>	<p>Đề xuất sửa đổi: 11. Ngày hoàn tất giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ Date of change in ownership"</p>

11/11/2023



**VINGROUP**

**TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP**

Số: 231/2020/CV-VINGROUP

V/v: Góp ý dự thảo Nghị định hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

<b>ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC</b>	
<b>ĐẾN</b> số: 012293	
Ngày: 16-04-2020	
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2020  
**BỘ TÀI CHÍNH**

<b>ĐẾN</b> số: 0033472
Ngày: 15-04-2020
Chuyển: UBCH
Số và ký hiệu HS: .....

**Kính gửi: BỘ TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: số 28 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

la Akin  
16/4  
khe ha  
16/4  
F

Chúng tôi, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, có địa chỉ trụ sở chính tại số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xin gửi tới Quý Cơ Quan lời chào trân trọng.

Chúng tôi được biết Quý Cơ Quan đang lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Đính kèm văn bản này, chúng tôi kính gửi Quý Cơ Quan một số ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị định nêu trên để Quý Cơ Quan xem xét, hoàn thiện văn bản pháp luật trước khi ban hành.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu: VP.

**TM. TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP**



**MAI HƯƠNG NỘI**

**Tập đoàn Vingroup**

Số 7 Đường Bằng Lăng 1,  
Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside,  
Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội

**ĐT** +84 24 3974 9999  
**Fax** +84 24 3974 0000

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  
**HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**  
*(Ban hành kèm theo Công văn số 23M/2020/CV-VIGROUP ngày 14/4/2020)*

Vấn đề	Điều/khoản tại dự thảo	Nội dung dự thảo	Nội dung góp ý
<p><b>Quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Điều 8.1</p>	<p><b>Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>                      Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:                      1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.                      Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Đề xuất:</b> Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và thực hiện theo mẫu do Công ty phát hành.</p>
<p><b>Áp dụng CNTT để biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử</b></p>	<p>Điều 8.3</p>	<p>3. Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p>	<p><b>Đề xuất:</b> Cần hướng dẫn chi tiết, cụ thể về việc biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử... để doanh nghiệp có cơ sở thực hiện</p>



T	Vấn đề	Điều/khoản tại dự thảo	Nội dung dự thảo	Nội dung góp ý
	<p>Hình thức hợp đồng thường niên; việc tham gia hợp của các thành viên HĐQT và BKS</p>	<p>Điều 8.4</p>	<p>4. Hàng năm, công ty đại chúng phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát cần phải tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có). Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;</p>	<p><b>Đề xuất:</b></p> <p>1. Xem xét bổ sung quy định theo hướng có thể hợp ĐHCĐ thường niên bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác để đơn giản hóa các thủ tục triệu tập, chi phí tổ chức họp Đại hội.</p> <p>2. Cần bổ sung quy định cụ thể về việc HĐQT và BKS có thể cử đại diện tham gia họp (không bắt buộc phải 100% thành viên tham gia), hoặc trường hợp có thành viên nghi vì lý do khách quan có thể ủy quyền cho thành viên khác dự họp, để phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp.</p>
	<p>Báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHCĐ/TN</p>	<p>Điều 9.3</p>	<p><b>Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>...</p> <p>3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với thành viên Hội đồng quản trị hoặc những người có liên quan của thành viên đó;</p>	<p><b>Đề xuất:</b> Bổ nội dung quy định tại Điều 9.3: báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với thành viên Hội đồng quản trị hoặc những người có liên quan của thành viên đó;</p> <p>Thực tế trong báo cáo quản trị 6 tháng và năm cũng đã có mục báo cáo về các giao dịch liên quan.</p>
	<p>Báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên</p>	<p>Điều 10.4</p>	<p><b>Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>Trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các</p>	<p><b>Đề xuất:</b> Bổ nội dung quy định tại Điều 10.4: báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với thành viên Hội đồng quản trị hoặc những người có liên quan của thành viên đó;</p> <p><b>Lý do:</b> Như nội dung đã nêu trên, do trong báo cáo quản trị 6 tháng và năm đã có mục báo cáo về các giao</p>

IT	Vấn đề	Điều/khoản tại dự thảo	Nội dung dự thảo	Nội dung góp ý
			<p>nội dung sau:</p> <p>...  4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với thành viên Hội đồng quản trị hoặc những người có liên quan của thành viên đó;</p> <p><b>Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>  Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán:</p> <p>...  4. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị quy định vai trò, trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, phân tách vai trò trách nhiệm giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành, chính sách và các thông lệ hoạt động của Hội đồng quản trị. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị cần phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty;</p> <p>5. Cần phải theo dõi và quản lý các xung đột lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác (nếu có), bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;</p>	<p>dịch liên quan.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Bỏ nội dung quy định tại Điều 15.4 và 15.5 hoặc có thể quy định theo hướng theo Quy chế Quản trị của Công ty. Quy chế quản trị sẽ quy định về vai trò, trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT...</p>
	<b>Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT</b>	Điều 15.4 và Điều 15.5		
	<b>Trách nhiệm trung thực và tránh các tranh chấp</b>	Điều 25.3	<b>Điều 25. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Đề xuất bỏ như phần gạch ngang:</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ

STT	Vấn đề	Điều/khoản tại dự thảo	Nội dung dự thảo	Nội dung góp ý
xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp		3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán và công bố thông tin.	<p>thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán và công bố thông tin.</p> <p><b>Lý do:</b> để thống nhất với các Điều 9, 10, 14 đã sửa đổi. Đồng thời, ghi nhận là “công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát” để tránh hiểu đó là công ty con vì theo định nghĩa tại Điểm a, khoản 1 Điều 189 Luật doanh nghiệp quy định: “Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó”</p>	
Giao dịch cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 27	<p><b>Điều 27. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</b></p> <p>1. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là</p>	<p><b>Đề xuất:</b></p> <p>- Nên xem xét quy định theo hướng Công ty đại chúng được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các bên liên quan theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền do Điều lệ Công ty quy định hoặc quy định cụ thể tại Nghị định này theo giá trị giao dịch;</p> <p>- Đối với các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, sử dụng tài sản bảo đảm giữa các công ty mẹ, con trong Tập đoàn, đề nghị quy định theo hướng phân cấp cho HĐQT phê duyệt, đảm bảo thuận lợi trong hoạt động, vận hành của DN, vì mô hình tập đoàn có thể điều tiết nguồn vốn giữa</p>	

TT	Vấn đề	Điều/khoản tại quy thảo	Nội dung góp ý
		<p>các công ty không có cổ phần, phân vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c) Trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>4. Công ty đại chúng khi thực hiện các giao dịch sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không đồng thời là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.</p> <p>b) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và có liên quan của cổ đông mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.</p>	<p>các công ty để tối ưu chi phí vốn nhưng đảm bảo theo cơ chế thị trường arm's length.</p> <p>- <b>Khoản 4 nên sửa theo hướng quy định tại ND71/2017/NĐ-CP:</b></p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không đồng thời là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp tổ chức là người có liên quan của những đối tượng này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>b) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và có liên quan của các đối tượng này trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.</p>



Mã	Vấn đề	Điều/khoản tại dự thảo	Nội dung dự thảo	Nội dung góp ý
ET			<p>c) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</li> <li>- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</li> <li>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.</li> </ul> <p>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.</p>	
Công bố thông tin về thu nhập của thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD)	Điều 32	<p><b>Điều 32. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc)</b> Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p><b>Đề xuất:</b> Nên quy định trên BCTC chỉ trình bày tổng chi phí cho GD (TGD) và HĐQT đảm bảo tính bảo mật thông tin, ko nên trình bày cho từng thành viên.</p>	



CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 215/QNS-TCKT

“Về ý kiến tham gia dự thảo  
Nghị định và thông tư”

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 07 năm 2020

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

ĐẾN Số: 0.2432.1.....

Ngày: 27/07/2020 Công ty CP Đường Quảng Ngãi tham gia một số ý kiến vào dự thảo Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định như sau:

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Mục Hoa  
28/7  
1. Về dự thảo Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Nội dung Điểm a Khoản 5 Điều 2 Dự thảo Thông tư

Về khái niệm người nội bộ của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật chứng khoán:

“Người nội bộ của doanh nghiệp là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin”

→ Đề nghị quy định cụ thể các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm để việc xác định người nội bộ của doanh nghiệp rõ ràng và công bố thông tin đúng quy định.

Trường hợp các chức danh quản lý chi nhánh do Tổng giám đốc ký quyết định bổ nhiệm nhưng có tham khảo, xin ý kiến của Hội đồng quản trị có thuộc là người nội bộ hay không?

2. Nội dung điểm b Khoản 3 Điều 8 Dự thảo Thông tư

Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết phải được công bố theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

→ Đề nghị xem xét lại nội dung điểm d khoản 1 Điều 9 Thông tư: không có nội dung hướng dẫn công bố thông tin Biên bản và Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

M. S. D. N. S.

### 3. Nội dung Điểm n Khoản 1 Điều 9 Dự thảo Thông tư

*“Quyết định mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp, công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;”*

→ Đề nghị quy định rõ “Quyết định mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty” vì trong trường hợp công ty ký hợp đồng nguyên tắc mua vật tư của một nhà cung cấp, thực hiện mua nhiều lần trong 1 năm, giá trị vật tư mỗi lần mua < 15% nhưng tổng giá trị trong một năm  $\geq$  15% tổng tài sản của công ty. Như vậy, trong trường hợp này có phải công bố thông tin hay không?

### 4. Nội dung Điều 13 Dự thảo Thông tư: Công bố thông tin bất thường

*“Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều 9 Thông tư này và công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ và khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:*

*Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ); quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).”*

→ Đối với nội dung “Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ); quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)” quy định như vậy đã rõ ràng.

Riêng nội dung “quyết định vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất” cần quy định rõ hơn:

- Giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty” là tính cho từng lần phát sinh giao dịch hay tổng giá trị các khoản giao dịch?

- Thực tế ở các doanh nghiệp, để hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường các tổ chức tín dụng cho vay vốn lưu động với hạn mức từ 60-70% nhu cầu vốn lưu động và việc vay – trả diễn ra liên tục trong năm. Như vậy nếu quy định công bố thông tin các “quyết định vay với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất” bao gồm cả các khoản vay vốn lưu động thì sẽ rất khó cho các doanh nghiệp. Đề nghị quy định cụ thể các khoản vay trên là các khoản vay cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

1002  
CƠ  
C  
P.QUA

## II. Về dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán

### 1. Nội dung Điều 128. Thay đổi đăng ký giao dịch

#### "2. Hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch

a) Giấy đề nghị thay đổi đăng ký giao dịch Mẫu số 34 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đã được điều chỉnh do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp (trừ trường hợp thay đổi đăng ký giao dịch do giảm vốn);

c) Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch."

Hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch đối với phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu theo chương trình có lựa chọn cho người lao động trong công ty, hồ sơ có bao gồm: CV của UBCKNN về tài liệu phát hành cổ phiếu, CV của UBCKNN thông báo về việc nhận được kết quả phát hành, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đã được điều chỉnh do VSD cung cấp. Tuy nhiên, những văn bản trên UBCKNN và VSD có gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và VSD. Cùng một việc phát hành cổ phiếu và đăng ký giao dịch số lượng cổ phiếu mới phát hành thêm, tổ chức phát hành phải làm hồ sơ gửi đến 3 đơn vị quản lý mới hoàn thành việc phát hành.

→ Đề nghị tinh gọn thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch để tiết kiệm thời gian cho tổ chức đăng ký giao dịch và đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

## III. Về dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định

### 1. Nội dung Khoản 4 Điều 12 Dự thảo Nghị định quy định

**"Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập"**

Tuy nhiên, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 không quy định nội dung trên.

Ngoài ra, cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị của các công ty đại chúng hiện nay theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã phù hợp, mang lại hiệu quả cho công ty và đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông.

→ Đề nghị giữ nguyên quy định này theo Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng: **"Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập"** chỉ áp dụng đối với công ty niêm yết, không áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

15943  
NG TY  
PHÁP  
LƯU  
KÝ  
VGD  
VGD NGAI

## 2. Nội dung Khoản 3 Điều 22 Dự thảo Nghị định quy định

*“Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành có liên quan.”*

Theo Khoản 2 Điều 168 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định *“Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.”*

→ Đề nghị có sự thống nhất giữa Luật và dự thảo Nghị định và hướng dẫn cụ thể “chuyên ngành có liên quan” là những ngành gì hoặc cho phép Điều lệ công ty quy định để thuận tiện cho các công ty đại chúng trong việc bầu Trưởng ban kiểm soát.

✂ 3. Nội dung Khoản 3 Điều 18 Phụ lục số 1 Dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

*“Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm”*

Quy định hiện tại đang được hiểu “**phương thức bảo đảm**” là thư giấy và được gửi thông qua các công ty chuyên phát đến các cổ đông.

Thực tế hiện nay, Công ty gửi thư cho cổ đông dựa trên thông tin trong danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp. Phương thức gửi này còn nhiều bất cập, phát sinh chi phí rất lớn cho doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp có quá nhiều cổ đông, kể cả cổ đông ở nước ngoài; đồng thời gây bất tiện cho cổ đông và không phù hợp với xu thế số hóa nền kinh tế mà Chính phủ đề ra trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Ngoài ra, có rất nhiều cổ đông có địa chỉ không cụ thể rõ ràng hoặc địa chỉ không đúng. Vì vậy, những thư này thường chậm trễ trong quá trình chuyển phát, giao nhận, ... nhiều thư bị trả về công ty làm gia tăng chi phí hành chính cho doanh nghiệp.

→ Đề nghị quy định thông báo mời họp có thể thông báo trên Website của Công ty (trong mục Quan hệ cổ đông) hoặc được gửi bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc chuyển trực tiếp cho cổ đông theo những thông tin mà cổ đông đã đăng ký với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

✂ 4. Nội dung Điểm c Khoản 6 Điều 22 và Khoản 4, Khoản 5 Điều 23 Phụ lục số 1 Dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Về việc công bố Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định:

- Đối với trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, nội dung công bố gồm: Nghị quyết, biên bản kèm phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

- Đối với trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, nội dung công bố gồm: Nghị quyết, biên bản kèm phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông.

Theo quy định này, công ty phải công khai thông tin cá nhân họ tên của cổ đông.



→ Đề nghị phụ lục danh sách cổ đông chỉ lưu giữ tại công ty và không công bố thông tin công khai.

**5. Nội dung Khoản 2 Điều 55 Phụ lục số 1 Dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.**

**“Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập cáo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.”**

Thực tế tại các công ty đại chúng hiện nay việc hoàn thành báo cáo tài chính trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính là không thể thực hiện được.

Ngoài ra, theo điểm c Khoản 1 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định

**“Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:**

**Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;**

**Trường hợp công ty đại chúng không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của công ty đại chúng cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.”**

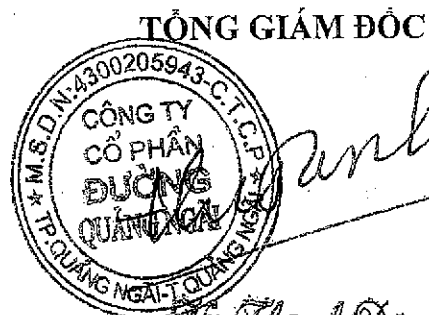
→ Đề nghị giữ nguyên quy định cũ “Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập cáo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng **chín mươi (90) ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.”

Trên đây là một số ý kiến của Công ty CP Đường Quảng Ngãi tham gia dự thảo Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định.

Xin cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGD, Trưởng BKS
- Lưu TCKT, HC Cty



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Tô Thành Đăng*

**TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 495 /TCTD-KHĐT

V/v Góp ý Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
<b>ĐẾN</b> Số: 02.635.4.....
Ngày: 7-03-2020
Chuyến: .....
Số và ký hiệu HS: .....

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – Bộ Tài chính  
 - Vụ Kế hoạch Tài chính – Bộ Y tế

Thực hiện công văn số 7541/BTC-VBCK ngày 22/6/2020 của Bộ tài chính về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, sau khi nghiên cứu dự thảo, Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP và các công ty thành viên có đóng góp một số ý kiến như sau:



**BẢNG ĐÓNG GÓP Ý KIẾN DỰ THẢO  
 NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ÁP DỤNG CHO CÔNG TY ĐẠI CHỨNG**

STT	Nội dung góp ý	Ý kiến giải quyết
1	Luật áp dụng đến Luật Doanh nghiệp 2014.	Đề nghị áp dụng, dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp 2020
2	Trong dự thảo Nghị định hầu hết đều áp dụng, dẫn chiếu đến Luật Doanh nghiệp 2014.	Luật Doanh nghiệp 2020 đã được ban hành và có hiệu lực ngày 01/01/2021.

Handwritten signatures and initials: *l. Hoa*, *AS/8*, and a large signature.

	<p>1. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p>	<p>- Đề nghị Bộ quy định về chức danh “Người phụ trách quản trị công ty”.</p>	<p>- Luật doanh nghiệp 2014 và 2020 không quy định chức danh này.</p> <p>- Sẽ rườm rà, chồng chéo nhiệm vụ, khi mà bộ máy của HĐQT quá nhiều chức danh.</p> <p>- Quyền và nghĩa vụ tương tự như Thư ký công ty theo quy định hiện hành.</p>
--	---	---	---

	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm sau:</p> <p>a).....;</p> <p>b).....;</p> <p>c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p> <p>Viết lại:</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm sau:</p> <p>a).....</p> <p>b).....</p> <p>c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác <b>mà họ là người đại diện phân vốn góp của công ty;</b></p>	<p>Bởi vì: Thù lao mà thành viên HĐQT có được từ tổ chức khác không ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty thì không cần phải báo cáo</p>
	<p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Đề nghị bỏ quy định về:</b> Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Quy định không rõ ràng, HĐQT đã có báo cáo chung trình tại ĐHQĐ, nếu mỗi TV HĐQT độc lập phải có báo cáo riêng về hoạt động của HĐQT là quá rườm rà và không cần thiết.</p> <p>- Trong quy định không ghi rõ báo cáo cho ai.</p>
4	<p>Điều 19. Thành viên Ban Giám đốc</p>	<p>Điều 19. Thành viên Ban Giám đốc</p>	<p>Phù hợp với đề nghị Điều 5 của dự thảo.</p>
5	<p>Điều 22. Thành viên Ban Kiểm soát</p>	<p>Điều 22. Thành viên Ban Kiểm soát</p>	<p>Phù hợp với đề nghị Điều 5 của dự thảo.</p>





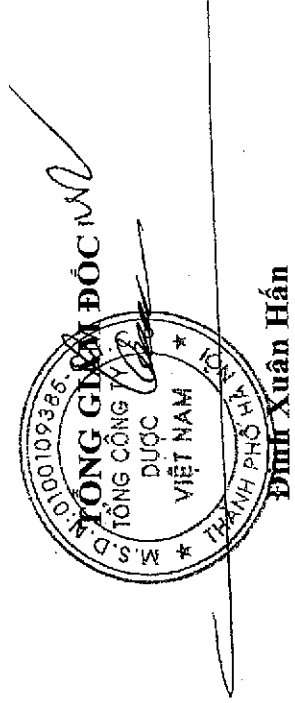
<p>4. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>khoản 1, khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp</b>, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liên tiếp trước đó.</p>	<p><b>Đề nghị áp dụng</b> theo Khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020:</p> <p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không phải là người quản lý công ty; người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p>	<p>Khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020 đã được ban hành ngày 01/01/2021.</p>
---	--	--

Trên đây là một số ý kiến và kiến nghị của Tổng công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VT, KHĐT.



**Trần Văn Hán**

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Số: 153/HTQT

Hà Nội, ngày 7 tháng 8 năm 2020

Vy: góp ý của WBG với các Dự thảo hướng  
dẫn thi hành Luật Chứng khoán

- C. H.  
v.h. = e. H.  
7/8  
F

Kính gửi : - Vụ Phát triển Thị trường  
- Vụ Quản lý Chào bán  
- Vụ Pháp Chế  
- Vụ Giám sát Công ty Đại chúng  
- Các Tổ biên tập (Nghị định chung, Nghị định về  
QTCT, và Thông tư về Công bố thông tin)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBCKNN tại Tờ trình số 149/TTr-HTQT ngày 6/8/2020 về việc cung cấp các nội dung góp ý của Nhóm Ngân hàng Thế giới (WBG) với Dự thảo Nghị định chung, Dự thảo Nghị định về Quản trị Công ty, Dự thảo Thông tư hướng dẫn công bố thông tin, Vụ HTQT kính chuyển quý đơn vị và Tổ biên tập các nội dung góp ý của WBG như trong các tài liệu đính kèm.

Vụ HTQT trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HTQT.

KT. VỤ TRƯỞNG  
THÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Nga

**Ý KIẾN GÓP Ý VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG (bản gửi ngày 24/06/2020)  
NHÓM PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA IFC**

Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (thay thế cho Nghị định 71), đã cập nhật theo một số nội dung mới của Luật DN và Luật CK như:

- Công bố thông tin: Bổ sung quy định về việc ứng cử viên HĐQT cần công bố lợi ích liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty.
- Giao dịch với cổ đông sở hữu từ trên năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, người có liên quan của họ và có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất cần phải được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Để hoàn thiện hơn khung pháp lý về quản trị, thúc đẩy thực hành quản trị theo thông lệ tốt, IFC đưa ra một số ý kiến góp ý trên bản dự thảo. Những nội dung chính có góp ý:

- Bổ sung khái niệm về "Công ty đại chúng quy mô lớn";
- Sửa đổi quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty theo thông lệ tốt liên quan đến Thư ký công ty;
- Bổ sung quy định trong điều lệ công ty/Quy chế nội bộ về Quản trị công ty về việc cho phép tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức họp trực tuyến và hybrid;
- Điều chỉnh thời gian công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên từ tối thiểu 10 ngày lên 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ;
- Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới;
- Cơ cấu UBKT của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn tối thiểu có 3 thành viên (LDN quy định tối thiểu 2 thành viên);
- Sửa đổi câu chữ để làm rõ hơn về tiêu chuẩn UBKT/BKS, vai trò trách nhiệm của thành viên độc lập, UBKT và BKS

Chi tiết ý kiến góp ý được trình bày ở bảng sau:

*Khuyến nghị Tài liệu tham khảo thông lệ tốt:*

- *CG Code of Best practices (8/2019), SSC-IFC:*
- *IFC's Corporate Secretary Toolkit:*  
[https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics\\_ext\\_content/ifc\\_external\\_corporate\\_site/ifc+cg/resources/toolkits+and+manuals/the+corporate+secretary+the+governance+professional](https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/ifc+cg/resources/toolkits+and+manuals/the+corporate+secretary+the+governance+professional)

STT	Chú giải	Vấn đề/góp ý trong dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lời phản hồi
1	<p><b>Quy định chung</b></p> <p>Điều 1: Đối tượng áp dụng</p>	<p>Điều 1.1: Đối tượng áp dụng không đủ hết các đối tượng bao hàm trong QTCT.</p>	<p>Đề nghị sửa lại:</p> <p>QTCT theo định nghĩa của OECD và trong CG codes bao gồm nhiều bên không chỉ cổ đông, HĐQT, BKS mà còn có BKH, Thư ký công ty, Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập bên ngoài, Tuấn thủ, rủi ro, các bên có quyền lợi liên quan khác vv.</p>	
2	<p>Điều 2: Thuật ngữ</p>	<p>Giữ lại khái niệm về "Quản trị công ty"</p>	<p>Theo thuật ngữ đã thống nhất trong CG Code of Best Practices</p> <p>Quản trị Công ty (Corporate Governance) - là một tập hợp các mối quan hệ giữa Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác của công ty. Quản trị công ty cũng thiết lập một cơ cấu giúp xây dựng mục tiêu của công ty, xác định phương tiện để đạt được các mục tiêu đó, và giám sát hiệu quả việc thực hiện mục tiêu. Mục tiêu của Quản trị công ty là xây dựng một môi trường của lòng tin, tính minh bạch và tinh giải trình, các yếu tố cần thiết để thúc đẩy phát triển đầu tư dài hạn, sự ổn định tài chính và đạo đức trong kinh doanh, từ đó hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng và xây dựng các xã hội có tính bao trùm cao.</p>	
	<p>Điều 2.3: -- tham chiếu DN sai</p> <p>Điều 2.4: Khái niệm "Người điều hành doanh nghiệp": sử dụng các từ ngữ chưa nhất quán với Khoản 24 điều 4 LD.</p>		<p>Sửa lại từ ngữ cho nhất quán với LDN và gộp hay điều 2.3 &amp; 2.4 với nhau.</p> <p>Ngoài ra, nên bổ sung khái niệm "Thành viên HĐQT điều hành" chứ ko nên dùng "người điều hành doanh nghiệp" vì ko nhất quán và hiểu nhầm (thay vào 2.4)</p>	
	<p>Điều 2.5: Khái niệm "Thành viên HĐQT không điều hành" -- tham khảo theo khái niệm trong</p>		<p>Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc</p>	

Mã số	Chủ đề	Văn đề gốc và tổng quát	Đề nghị sửa đổi
		<p>Bộ Nguyên tắc QJCT theo thông lệ tốt</p>	<p>(Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty, là những người không có trách nhiệm điều hành và không tham gia vào bất cứ hoạt động hàng ngày nào của công ty"</p>
		<p>Tham chiếu 2.6 &amp; 2.7 chưa đúng Bổ sung khái niệm về "Công ty đại chúng quy mô lớn" được nhắc đến trong các Điều 12, 13 và 16 của dự thảo nhưng chưa được quy định trong LDN hay LCK</p>	<p>Kiểm tra và sửa lại tham chiếu. Ngoài ra, Điều 2.7 nên thống nhất khái niệm về "Người có liên quan" để nhất quán với LDN2020 (Điều 4.23)</p>
3	Điều 5: Người phụ trách quản trị công ty	<p>- Người phụ trách quản trị công ty nên là một vị trí lãnh đạo cấp cao, "quản lý" các vấn đề hậu cần cho các cuộc họp, hơn là người trực tiếp "chủ trì" các cuộc họp. - Do thư ký công ty không phải là một vị trí bắt buộc phải có trong công ty cổ phần, nên đối với công ty đại chúng, khi đã bắt buộc phải có "Người phụ trách quản trị", nên đưa thêm những quyền và nghĩa vụ của "thư ký công ty" như trong LDN hoặc nâng cao hơn theo thông lệ ai trò của vị trí này.</p>	<p>Tham chiếu với Khoản 5 Điều 156 LDN</p> <p>Điều 5.3. Người phụ trách quản trị công ty/thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp;</li> <li>- Lập biên bản của tất cả các cuộc họp HĐQT và ủy ban trực thuộc HĐQT, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT;</li> <li>- Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng;</li> <li>- Tạo điều kiện thuận lợi giúp định hướng cho thành viên HĐQT mới và hỗ trợ đào tạo và phát triển thành viên HĐQT;</li> <li>- Cố vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết;</li> <li>- Quản lý các quy trình liên quan đến họp cổ đông hàng năm;</li> <li>- Theo dõi các tiến triển trong quản trị công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên</li> </ul>

Mã chú đề	Vấn đề báo cáo	Đánh giá	Tên phân họ
		<p>có quyền lợi liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng vai trò đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan và tham gia giải quyết các vấn đề về quản trị công ty</li> <li>- <i>Nên hướng theo thông lệ chuẩn về Thư ký công ty nếu trong CG Code of Best Practices</i></li> </ul>	
4	<p>Điều 8: Thẩm quyền của ĐHĐCĐ</p> <p>Về những nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua nhưng chưa thực hiện hoặc đang thực hiện, HĐQT không nhất thiết phải đợi đến cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên mới báo cáo, mà có thể báo cáo ngay trong các cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường</p>	<p>Điều 8.3: Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất hoặc tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường theo yêu cầu của cổ đông.</p>	
5	<p>Điều 9: Cuộc họp ĐHĐCĐ</p> <p>Bổ sung quy định trong điều lệ công ty/Quy chế nội bộ về Quản trị công ty về việc cho phép tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức họp trực tuyến và hybrid</p>	<p>Điều 9.4. Hàng năm, công ty đại chúng phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Tuy nhiên, trong những điều kiện bất buộc theo quy định của chính phủ, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp.</p> <p>Điều 9.5. Các công ty xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quy định điều kiện để tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc kết hợp, hướng dẫn chi tiết việc tham dự, xác minh danh tính cổ đông, cách thức biểu quyết trong cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến/kết hợp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>Điều 9.6. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc</p>	

Số thứ tự	Mục tiêu	Yêu cầu	Mô tả	Đánh giá
			<p>hợp (nếu có). Trường hợp Bảo cao kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trong yếu, từ chối, trái ngược, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng</p>	
II	Thành viên HĐQT và HĐQT			
6	Điều 10: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT		<p>Dự thảo đang quy định thời gian công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên là tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ. Tuy nhiên theo LDN2020, các thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHCĐ cần được công bố trước ít nhất 21 ngày. Đề xuất điều chỉnh quy định này</p>	<p>Điều 10.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. [Follow up: tham khảo thông lệ tốt chuẩn về nội dung công bố]</p>
7	Điều 11: Tư cách thành viên HĐQT		<p>Tham chiếu với LDN xem lại</p>	<p>Tham chiếu với LDN cần sửa lại Nên cân nhắc bổ sung tính tuân thủ Bộ quy tắc đạo đức kinh doanh Tham chiếu thêm CG Code, Nguyên tắc 1.2</p>
8	Điều 12: Thành phần HĐQT		<p>Dự thảo giữ nguyên quy định trong ND71 về cơ cấu thành viên HĐQT điều hành – không điều hành. Tuy nhiên, cần bổ sung thêm các quy định về cân đối cơ cấu HĐQT về (hoặc giữ lại Điều 13.1 của ND71) - các mảng kiến thức và kinh nghiệm - giới tính</p>	<p>Điều 12.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự đa dạng và cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về rủi ro, pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về cân bằng giới. Tham chiếu thêm CG Code, Nguyên tắc 2.1</p>
9	Điều 13: Quyền		<p>Điều 13.2. Bổ sung mới so với ND71 nội dung</p>	<p>Điều 13.2.d) Báo cáo Hội đồng quản trị theo quy định</p>

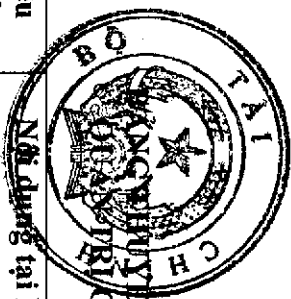
Chức vụ	Vấn đề/góp ý/ông chủ báo	Đề xuất/ý kiến	Kiến nghị/hoạt động
và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	<p>về nghĩa vụ báo cáo HĐQT các giao dịch giữa các bên, các công ty liên quan với thành viên HĐQT, tuy nhiên cần làm rõ báo cáo trước khi xảy ra giao dịch (để HĐQT phê duyệt), hay báo cáo sau khi giao dịch đã hoàn tất, sau bao lâu.</p> <p>Đề xuất bổ sung: Việc báo cáo này được thực hiện theo quy định tại Điều 164 và Điều 167 LDN</p> <p>Điều 15.3. Dự thảo bổ sung quy định thành viên HĐQT độc lập của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT. Tuy nhiên, quy định này không rõ ràng mỗi một thành viên độc lập phải làm 1 báo cáo hay việc phân công trách nhiệm được thực hiện như thế nào. Ngoài ra, đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng sẽ theo mô hình có BKS hoặc UBKT, 2 bộ phận này đã có nhiệm vụ báo cáo giám sát hoạt động của HĐQT tại ĐHQĐ.</p>	<p>tại Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch</p> <p>Đề xuất bổ Điều 13.3, bổ sung làm rõ nhiệm vụ của UBKT/BKS bao gồm việc đánh giá hoạt động của HĐQT.</p>	
10	<p>Điều 14: Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT</p> <p>Theo thông lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thư ký công ty có trách nhiệm Tạo điều kiện thuận lợi giúp định hướng cho thành viên HĐQT mới và hỗ trợ đào tạo và phát triển thành viên HĐQT (#2.3.3d)</li> <li>- Công ty cần phải quy định trong quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty một chính sách phát triển liên tục đối với Hội đồng Quản trị, bao gồm chương trình định hướng cho thành viên Hội đồng Quản trị mới và cập nhật đào</li> </ul>	<p>Điều 14.8.a. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty.</p> <p>Điều 14.8b. Xây dựng chương trình định hướng cho HĐQT (với sự hỗ trợ của ủy ban liên quan hoặc Thư ký Công ty), trong đó có chương trình cập nhật đào tạo hàng năm cho tất cả các thành viên HĐQT.</p>	



Vấn đề		Đánh giá		Kiến nghị	
		<p>tao hàng năm cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị. (Ngtao 2.4)</p> <p>- Chương trình định hướng sẽ được HĐQT xây dựng (với sự hỗ trợ của Ủy ban liên quan hoặc Thư ký Công ty) (#2.4.2)</p> <p>Do vậy đề xuất tách Điều 14.8, làm rõ thêm về chương trình định hướng cho HĐQT</p> <p>LDN quy định rất rõ về cách thức lập biên bản họp HĐQT, đề xuất bổ sung tham chiếu đến LDN ở điều 15.2</p>			
11	Điều 15: Cuộc họp HĐQT				Điều 15.2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại điều 158 Luật Doanh nghiệp, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
12	Chương III liên bổ sung thêm một số điều liên quan đến cơ cấu HĐQT				Điều 17.1. Công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn thành lập UBKT bao gồm ba thành viên không điều hành và đa số là thành viên độc lập, kể cả vị trí Chủ tịch Ủy ban. Các công ty niêm yết khác thành lập UBKT theo quy định tại điều 161 LDN.
III	Thành viên UBKT và UBKT trực thuộc HĐQT				Điều 17.2. UBKT cần có thành viên có kiến thức về kiểm toán nội bộ, kế toán, tuân thủ, báo cáo tài chính và kiểm soát. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
13	Điều 17.1: Thành phần UBKT	Điều 17.1. Dự thảo đã cập nhật theo LDN 2020, tuy nhiên theo thông lệ, UBKT nên bao gồm tối thiểu 3 thành viên. Đề xuất sửa đổi điểm này quy định riêng cho Công ty niêm yết và Công ty đại chúng quy mô lớn			Điều 18.5. Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua
14	Điều 18: Quyền và trách nhiệm của UBKT	Điều 17.2. Từng thành viên của UBKT phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty. Đề xuất bổ sung trong UBKT cần có thành viên có kiến thức về kiểm toán nội bộ, kế toán, tuân thủ, báo cáo tài chính và kiểm soát.			Điều 20.4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền
15	Điều 20: Báo cáo hoạt động	Thay "Trưởng UBKT" thành "Chủ tịch UBKT"			
		Đề xuất Bổ sung trách nhiệm Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua			
		Điều 20.4. giao dịch với các đối tượng liên quan không chỉ bao gồm HĐQT, Giám đốc mà			

STT	Giới thiệu	Van de IFC, Tổng điều hành	Đề xuất sửa đổi
	<p>của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>còn bao gồm các chức danh quản lý khác</p>	<p>kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>Điều 20.6. Báo cáo đánh giá hoạt động của và kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác.</p>
IV	<p>Thành viên BKS và BKS</p> <p>Điều 22. Thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 20.6. Bổ sung báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành</p>	<p>Điều 22.4. BKS cần có thành viên có kinh nghiệm kế toán, kiểm toán hoặc quản trị rủi ro.</p> <p>Nếu các công ty tiếp tục duy trì mô hình BKS thì tiêu chuẩn của thành viên BKS phải cao như các thành viên độc lập, tương tự của UBKT (tham khảo khuyến nghị trước của IFC sửa nghị định 71)</p>
16		<p>Sửa đổi ND71, điều chỉnh giám đốc điều kiện của kiểm soát viên, không bắt buộc phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>Trong Điều 169 LDN quy định điều kiện/tiêu chuẩn của Kiểm soát viên bao gồm "Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;"</p>	
17	<p>Điều 26. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Điều 26.4. giao dịch với các đối tượng liên quan không chỉ bao gồm HĐQT, Giám đốc mà còn bao gồm các chức danh: quản lý khác</p>	<p>Điều 26.4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành</p>

STT	Chủ đề	Văn đề góp ý hoặc chỉ báo	Đề xuất	Tên chuyên gia
		Điều 26.6. Bổ sung báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành		hành doanh nghiệp khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch. Điều 20.6. Báo cáo đánh giá hoạt động của và kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác.
V	Ngăn ngừa xung đột lợi ích		Điều 29. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 29.4.c) Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.  Tuy nhiên, không nên chỉ giới hạn trong vòng 12 tháng.
VII	Báo cáo và Công bố thông tin	Điều 36. Tổ chức công bố thông tin		Điều 109 LDN (thuộc chương về DN Nhà nước) quy định: "Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố."
19				To follow up and discuss, in line with new Circular 155



**THAY ĐỔI TÀI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG SO VỚI NGHỊ ĐỊNH 71/2017/NĐ-CP**

Điều khoản	Nội dung tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP	Nội dung bổ sung, thay đổi	Lý do
Khoản 1 Điều 1	Phạm vi điều chỉnh  Nghị định này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với công ty đại chúng, bao gồm: a) Đại hội đồng cổ đông; b) Hội đồng quản trị; c) Ban kiểm soát; d) Giao dịch với người có liên quan; đ) Báo cáo và công bố thông tin.	Phạm vi điều chỉnh  Nghị định này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với công ty đại chúng, bao gồm: a) Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông; b) Thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị; c) Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; d) Thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát; đ) Ngân ngừa xung đột lợi ích; e) Báo cáo và công bố thông tin; g) Giám sát và xử lý vi phạm.	Sửa đổi lại phạm vi theo tên các chương đề bao quát được toàn bộ nội dung chính của Nghị định.
Khoản 2 Điều 1	Đối tượng áp dụng a) Công ty đại chúng; b) Cổ đông công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông; c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp	Đối tượng áp dụng a) Công ty đại chúng; b) Cổ đông công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông; c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban	Nghị định có đề cập đến đối tượng thành viên Ủy ban kiểm toán, UBCKNN và Sở GD&ĐT, do vậy bổ sung thêm đối tượng: Thành viên Ủy ban kiểm toán; Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan

	<p>của công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty đại chúng.</p>	<p>kiểm soát, thành viên Ủy ban kiểm toán, người điều hành doanh nghiệp của công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty đại chúng;</p> <p>e) Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty đại chúng.</p>	<p><i>đến hoạt động quản trị công ty của công ty đại chúng để bao quát được toàn bộ các đối tượng.</i></p>
<p><b>Điều 2</b></p>	<p><b>Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <p>a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;</p> <p>b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;</p> <p>d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;</p> <p>đ) Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.</p> <p>2. Công ty đại chúng là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán.</p> <p>3. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.</p>	<p><b>Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>3. Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.</p>	<p>Không tham chiếu lại các từ ngữ đã được quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020, đồng thời bổ sung thêm khái niệm về Công ty đại chúng quy mô lớn.</p>

<p>4. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp.</p> <p>5. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.</p> <p>8. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định này.</p> <p>9. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p>		
<p><b>Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành</b></p> <p>Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp</p>	<p><b>Bộ</b></p>	<p>Việc xác định thế nào là văn bản pháp luật chuyên ngành, thế nào là văn bản pháp luật không chuyên ngành là rất khó. Bên cạnh đó, nếu áp dụng quy định của pháp luật chuyên</p>

	luật chuyên ngành.		ngành thì nội dung quy định tại Nghị định này không có ý nghĩa. Vì vậy, dự thảo Nghị định bỏ Điều khoản quy định về việc áp dụng pháp luật chuyên ngành và áp dụng theo Điều 3 Luật Doanh nghiệp 2020.
Điều 3	<b>Điều 6. Điều lệ công ty</b>	<b>Điều 3. Điều lệ công ty</b>	Đưa nội dung Điều 6 lên thành Điều 3 thuộc Chương I. Quy định chung cho phù hợp.
Điều 4	<b>Điều 7. Quy chế nội bộ về quản trị công ty</b>	<b>Điều 4. Quy chế nội bộ về quản trị công ty</b>	Đưa nội dung Điều 7 lên thành Điều 4 thuộc Chương I. Quy định chung cho phù hợp.
Điều 5	<b>Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</b> 1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoại trừ các đồng công ty đại chúng có các quyền sau đây: a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.	<b>Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông công ty đại chúng có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 115, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau: 1. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông. 2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật. 3. Cổ đông có quyền được bảo vệ các quyền, lợi ích	Sửa đổi lại nội dung và kết cấu theo Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020 cho phù hợp, đồng thời đưa quy định về cổ đông lớn vào Khoản 4 Điều 5 cho phù hợp.

	<p>2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>hợp pháp của mình. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông và nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án, Trọng tài đình chỉ thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định nói trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Cổ đông lớn phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán.</p>	
<p>Điều 6</p>	<p>Không có</p>	<p><b>Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông không thực hiện ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông sau đây:</p> <p>a. Các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các nội dung nêu tại khoản 2 Điều này đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay</p>	<p>- Bổ sung đề tránh trường hợp DHDCCD thực hiện ủy quyền toàn bộ nội dung thuộc thẩm quyền quyết định và thông qua của DHDCCD cho HĐQT.</p> <p>- Bổ sung để tránh trường hợp nhiều doanh nghiệp triển khai các kế hoạch đã được thông qua tại Nghị quyết DHDCCD cũ trong khi Nghị quyết DHDCCD mới không đề cập nhất là trong việc phát hành cổ phiếu.</p>



		đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua trước khi thực hiện.	
Khoản 1 Điều 7	Công ty đại chúng phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty đại chúng phải quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông;	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi, bổ sung theo Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp 2020.
Khoản 2 Điều 7	Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật doanh nghiệp	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để các cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán.

<p>Khoản 3, 4, 5 Điều 7</p>	<p>3. Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>4. Hàng năm, công ty đại chúng phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty đại chúng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>3. Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Hàng năm, công ty đại chúng phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có), trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.</p> <p>5. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất, Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán; bổ sung thêm trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính có ý kiến nghiêm trọng hơn trường hợp “ngoại trừ trọng yếu” là “từ chối, trái ngược” và đại diện công ty kiểm toán chấp thuận trong các trường hợp nêu trên có trách nhiệm tham dự họp DHPDCE thường niên.</p>
-----------------------------	---	---	--

<p>Khoản 1 Điều 8</p>	<p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tới thiểu số (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tới thiểu số bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	<p>Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tới thiểu số (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của</p>	<p>Sửa lại theo Khoản 4 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và bổ sung thêm thông tin cần thiết về ứng cử viên HĐQT mà cổ đông cần biết để xác định các xung đột lợi ích.</p>
---------------------------	--	---	---

		ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	
Khoản 2 Điều 8	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Sửa đổi theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
Khoản 1 Điều 9	Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thẻ không phải là cổ đông của công ty.	Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Nội dung “ <i>Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty</i> ” đã có trong quy định tại điểm b khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020.
Khoản 1 Điều 10	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.	Quy định nội dung “ <i>Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới</i> ” trong Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định.
Khoản 2 Điều 10	Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.	Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.	Quy định nội dung “ <i>cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành</i> ” trong Điều lệ mẫu ban hành kèm

			theo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định.
	Công ty đại chúng cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Bộ	Nội dung này đã được lượng hóa tại Khoản 2 Điều 10 Dự thảo Nghị định.
Khoản 4 Điều 10	Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.	Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; b) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; c) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.	Theo thống kê của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX): tổng số công ty niêm yết đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập tại HSX chiếm tỷ lệ 52,39% và tại HNX chiếm tỷ lệ 58,6%; tổng số công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tối thiểu 1/5 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập chiếm tỷ lệ 58,52%. Do vậy, để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện quy định, Bộ Tài chính chỉnh sửa lại quy định về cơ cấu thành viên độc lập HĐQT của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết (Khoản 4 Điều 10 Dự thảo Nghị định) thành: Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết, công ty đại chúng

			<p>quy mô lớn chưa niêm yết phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;</p> <p>c) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.</p>
<p>Điểm c khoản 2 Điều 11</p>	<p>Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.</p>	<p>Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.</p>	<p>Sửa lại phù hợp với quy định tại điểm d khoản 5 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019.</p>
<p>Điểm d khoản 2 Điều 11</p>	<p>Không có</p>	<p>Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong</p>	<p>Bổ sung theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất</p>

		thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.	
Điểm khoản 2 Điều 11	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.	Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.	Sửa lại theo quy định tại Điều 128 Luật Chứng khoán 2019
Khoản 3 Điều 11	Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.  Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty nhiệm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa nhiệm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Đưa nội dung Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty nhiệm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa nhiệm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị vào phần trách nhiệm của thành viên HĐQT cho phù hợp; đồng thời đưa nội dung Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của DHHCD. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty vào Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Khoản 4, 5, 7, 8 Điều 12		<p>4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.</p> <p>7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.</p> <p>8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty.</p>	<p>Bổ sung theo điểm 1 Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020, điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019, Mục IV Báo cáo tình hình quản trị công ty và Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất.</p>
Khoản 1 Điều 13	<p>Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp và điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán.</p>	<p>Tham chiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019.</p>
Khoản 2 Điều 13	<p>Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu</p>	<p>Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 và theo Thông tư công</p>



	giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	bổ thông tin trên thị trường chứng khoán.
Khoản 3 Điều 14	Không có	Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Bổ sung theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất
Khoản 4 Điều 14	Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có).	Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn).	Bổ sung thêm nội dung <i>Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT</i> và chuyên quy định mang tính nguyên tắc, khuyến nghị thành quy định mang tính bắt buộc với đối tượng áp dụng là <i>công ty niêm yết và công ty đại chúng</i> .
Khoản 5 Điều 14	Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp.	Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi theo điểm b khoản 1 Điều 137 Dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2020.

Khoản 1 Điều 15	Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.	Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019
Điều 16, 17, 18	Không có	<b>Thành viên Ủy ban kiểm toán và Ủy ban kiểm toán</b> <b>Điều 16. Thành phần Ủy ban kiểm toán</b> <b>Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</b> <b>Điều 18. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng thường niên</b>	Luật Doanh nghiệp 2020 chưa có quy định cụ thể về Ủy ban kiểm toán đối với các công ty tổ chức và hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát. Dự thảo Nghị định về quản trị công ty căn cứ theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty và thông lệ quốc tế bổ sung thêm một số nội dung quy định về thành phần; quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán; báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp DHHCD thường niên và giao Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Điều 20	<p><b>Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng do Nhà nước nắm giữ trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</p>	<p><b>Thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 168, 169 Dự thảo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.</p>
Khoản 2 Điều 21	<p>Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty đại chúng có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	<p>Khoản 6 Điều 22 Dự thảo Nghị định đã có quy định về nghĩa vụ của Ban kiểm soát "Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình DHDCTD thông qua".</p>

Khoản 1 Điều 22	Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty	Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.	Sửa đổi, bổ sung theo điểm m khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
Khoản 6 Điều 22	Không có	Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.	Bổ sung theo điểm l khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
Khoản 1 Điều 23	Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thu ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.	Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	Sửa đổi theo Luật Chứng khoán 2019 và thay “ <i>thu ký</i> ” thành “ <i>người ghi biên bản</i> ” cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.
Khoản 2 Điều 23	Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.	Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	Sửa đổi theo Luật Chứng khoán 2019 và sửa lại câu chữ cho rõ ý.

Khoản 4 Điều 24	Không có	Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Bổ sung theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất
Khoản 3 Điều 25	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Sửa đổi theo Luật Chứng khoán 2019 và sửa lại câu chữ cho rõ ý.
Khoản 2 Điều 26	Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm	Công ty đại chúng có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng	Sửa đổi theo điểm b khoản 6 Điều 41 Luật Chứng khoán

	<p>soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty</p>	<p>giám đốc), người quản lý khác của công ty, cổ đông và những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty, gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.</p>	
<p>Khoản 4 Điều 27</p>	<p>Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty đại chúng không được thực hiện giao dịch sau:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ</p>	<p>Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>b) Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, đồng thời có liên quan của cổ đông mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c) Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 27 Dự thảo Nghị định để tránh trường hợp chia nhỏ các giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản để thi hiện giao dịch nhiều lần không phải thông qua tại EHECD.</p>

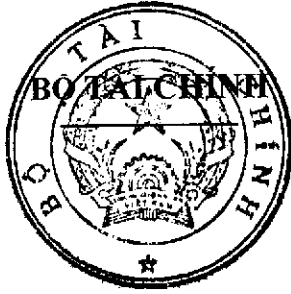
	<p>thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.</p>	
<p>Khoản 1 Điều 29</p>	<p>Công ty đại chúng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được</p>	<p>Sửa lại để đảm bảo đầy đủ nội dung thông tin cần công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>
	<p>cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</li> <li>- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</li> <li>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;</li> <li>d) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</li> </ul>	

	thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.		
Điều 30	<b>Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty</b> 1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.	<b>Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty</b> 1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.	- Sửa lại tên gọi của Điều cho thống nhất với nội dung. - Bổ sung thêm việc công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty trong <i>Báo cáo thường niên</i> theo Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
Điều 31	<b>Công bố thông tin về quản trị công ty</b> 1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các Kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 2. Công ty niêm yết có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	<b>Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty</b> 1. Công ty đại chúng phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 2. Công ty đại chúng có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ sáu (06) tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Sửa lại tên gọi của Điều cho thống nhất với nội dung. Sửa đổi lại nội dung <i>công ty đại chúng</i> có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 6 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty (khoản 2 Điều 31 Dự thảo Nghị định) thay vì <i>công ty niêm yết</i> có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 6 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty để phù hợp với Thông tư hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
Điều 32	<b>Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc (Tổng giám đốc)</b> Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành	<b>Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc)</b> Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản	Bổ sung theo khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020.



	mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	
Khoản 1 Điều 33	Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Sửa đổi "thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc)" thành "người quản lý doanh nghiệp" để bao quát được tất cả các đối tượng, không bị bỏ sót.
Khoản 2 Điều 34	Công ty đại chúng phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau: a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để có đóng có thể để dàng liên hệ.	Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau: a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để có đóng có thể để dàng liên hệ.	Thống nhất với khoản 4 Điều 119 Luật Chứng khoán 2019, tránh tăng thêm nhân sự không cần thiết cho công ty.
Điều 36	<b>Xử lý vi phạm về quản trị công ty</b> Các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định	<b>Xử lý vi phạm về quản trị công ty</b> Các công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.	

	<p>số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành.</p>		
Điều 37	<p><b>Điều khoản thi hành</b></p>	<p><b>Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các nội dung được giao tại Nghị định này.</p> <p>3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	<p>Hiệu lực thi hành của Nghị định phù hợp với hiệu lực thi hành của Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020.</p>



Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty**  
**áp dụng đối với công ty đại chúng**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xây dựng Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định).

Báo cáo đánh giá tác động của Nghị định chỉ gồm 01 nội dung đánh giá tác động đối với các nội dung của dự thảo Nghị định. Báo cáo không bao gồm nội dung đánh giá tác động các thủ tục hành chính do Nghị định không phát sinh thủ tục hành chính.

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng Nghị định**

Ngày 06/6/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Nghị định 71). Tiếp theo ngày 22/9/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71. Các văn bản này là bước tiến lớn trong việc hoàn thiện khung pháp lý về quản trị công ty đại chúng tại Việt Nam, là cơ sở pháp lý cho các công ty đại chúng thực hiện công tác quản trị, nâng cao chất lượng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời giúp cơ quan quản lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, góp phần đáng kể trong việc nâng cao tính minh bạch đối với môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Tuy nhiên, Luật Chứng khoán mới số 54/2019/QH14 (Luật Chứng khoán 2019) đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 với nhiều chính sách mới nhằm ổn định môi trường pháp lý cho sự phát triển của thị trường chứng khoán (TTCK), nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với TTCK, trong đó có chính sách về quản trị công ty đại chúng. Nội dung cơ bản của chính sách này là chuẩn hóa các quy định về quản trị công ty đại chúng như: bổ sung thêm nguyên tắc quản trị công ty (Điều 40), bổ sung thêm đối tượng là người có liên quan (Khoản 46 Điều 4); Yêu cầu mời đại diện tổ chức kiểm toán dự họp ĐHĐCĐ (điểm c khoản 2 Điều 41); Bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của cổ đông (điểm c, đ khoản 1 Điều 41); Bổ sung thêm quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT (điểm e khoản 5 Điều 41) và một số điểm thay đổi khác.

Năm 2020, Luật Doanh nghiệp mới cũng được Quốc hội thông qua nhằm

tạo ra hệ thống pháp luật phù hợp với thực tiễn. Trọng tâm của Luật là thúc đẩy quản trị doanh nghiệp tốt; cắt giảm/bãi bỏ các điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính không cần thiết, rút ngắn thời gian, giảm chi phí cho doanh nghiệp; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, đặc biệt là cổ đông nhỏ. Luật Doanh nghiệp 2020 đưa ra nhiều điểm mới liên quan đến quản trị công ty như: bổ sung quy định về Ủy ban Kiểm toán; điều chỉnh lại tiêu chuẩn Kiểm soát viên...

Trên cơ sở các Luật mới ban hành nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 71/2017/NĐ-CP nhằm kế thừa và đồng bộ với các quy định mới tại Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020 cũng như thúc đẩy áp dụng Bộ nguyên tắc quản trị công ty tốt của Tổ chức phát triển kinh tế (OECD) tại Việt Nam nhằm tạo ra một môi trường công khai, minh bạch phù hợp với thông lệ quốc tế. Đặc biệt khi Việt Nam đang tích cực thực hiện các biện pháp cần thiết để nâng hạng thị trường chứng khoán nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài thì việc tạo ra một hệ thống quản trị minh bạch tại các doanh nghiệp là điều cần được thúc đẩy.

## **2. Mục tiêu và quan điểm xây dựng Nghị định**

Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được xây dựng dựa trên mục tiêu và các quan điểm sau:

- Hoàn thiện khung pháp lý về quản trị công ty đại chúng, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đặc biệt với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.

- Bảo đảm tính tương thích và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Bảo đảm phù hợp với các thông lệ quốc tế về quản trị công ty; đặc biệt là 06 nguyên tắc về quản trị công ty của Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế (OECD);

- Tập trung giải quyết những vấn đề thực sự vướng mắc trong thực tiễn, nhằm tạo điều kiện công ty đại chúng thực hiện tốt nhất công tác quản trị công ty, giúp cho thị trường chứng khoán phát triển bền vững.

## **II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

### **1. Nội dung Dự thảo Nghị định**

Nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty đại chúng được xây dựng trên cơ sở kế thừa Nghị định 71/2017/NĐ-CP và bổ sung thêm quy định mới của Luật Chứng khoán năm 2019; Luật Doanh nghiệp năm 2020, Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất (do UBCKNN phối hợp với Tổ chức Tài chính Quốc tế - IFC ban hành năm 2019) và các nội dung phát sinh qua thực tiễn áp dụng.

### **2. Phương pháp đánh giá tác động**

Báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo Nghị định được xây dựng theo

phương pháp rõ ràng, cụ thể với các bước sau:

- Xác định đúng vấn đề cần giải quyết;
- Xác định được mục tiêu của việc ban hành chính sách;
- Đề xuất các phương án để đạt được mục tiêu;
- Đánh giá, phân tích các phương án đề xuất (tích cực, tiêu cực);
- Dự liệu tác động có thể xảy ra của việc thực hiện chính sách;
- Bảo đảm quá trình xây dựng chính sách minh bạch và có sự tham gia của người dân;
- Cần nhắc việc bảo đảm thực thi các chính sách đề xuất và tuân thủ các thỏa thuận quốc tế.

Quá trình thực hiện đánh giá tác động của Dự thảo Nghị định đã đưa ra được các phương án cụ thể, đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án đó. Trong quá trình đánh giá, nhiều phương án lựa chọn cho một số quy định trong Dự thảo Nghị định đã được cân nhắc sau khi đã được thảo luận rộng rãi.

Cơ quan soạn thảo đã xác định các vấn đề cần ưu tiên đánh giá theo một phương pháp có hệ thống. Trước tiên, cơ quan soạn thảo lên danh sách những vấn đề được quy định tại Luật Chứng khoán 2019 nhưng chưa được đánh giá tác động chi tiết trong giai đoạn xây dựng Luật Chứng khoán; Ưu tiên, lựa chọn các vấn đề cần đánh giá dựa trên các mục tiêu cơ bản của dự thảo Nghị định. Sau khi các vấn đề được đưa ra, cơ quan soạn thảo đã chọn ra được 05 vấn đề quan trọng cần phân tích, đánh giá tác động. Cụ thể như sau:

1. Quy định về cổ đông, Đại hội đồng cổ đông;
2. Quy định về Hội đồng quản trị và thành viên HĐQT độc lập;
3. Quy định về Ban Kiểm soát;
4. Quy định về Ủy ban Kiểm toán.
5. Quy định về trách nhiệm ngăn ngừa xung đột lợi ích (giao dịch giữa công ty với cổ đông, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (TGD), các cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này).

Các tác động được đánh giá tuân thủ theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

### **III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

#### **1. Quy định về Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ)**

##### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

- Về quyền và nghĩa vụ của cổ đông và ĐHCĐ: Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP đã quy định các quyền và nghĩa vụ của cổ đông

nhằm mục đích bảo vệ, nâng cao quyền của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần. Trên thực tế thì trong một số trường hợp, cổ đông thiểu số vẫn chưa thực sự bảo vệ được quyền lợi của mình. Có nhiều nguyên nhân khác nhau như: cổ đông không nắm rõ các quyền của mình, tâm lý phó thác cho cổ đông lớn và thiếu động lực đấu tranh cho quyền lợi của chính mình. Tuy nhiên, cũng có nguyên nhân là do các cổ đông lớn có khuynh hướng thao túng việc quản trị, điều hành công ty, lạm dụng quyền của HĐQT, cổ đông lớn để loại bỏ hoặc ngăn cản thực hiện quyền của cổ đông thiểu số, trong đó phổ biến trường hợp: ĐHĐCĐ thực hiện ủy quyền toàn bộ các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định và thông qua của ĐHĐCĐ cho Hội đồng quản trị.

- Về tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên: Qua theo dõi, giám sát các cuộc họp ĐHĐCĐ cho thấy: phần chất vấn trong các cuộc họp ĐHĐCĐ được các cổ đông, nhà đầu tư khá quan tâm. Cổ đông đặt nhiều các câu hỏi, kiến nghị về các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính kế toán đặc biệt là các báo cáo tài chính năm của công ty có khoản ngoại trừ trọng yếu, trái ngược hoặc bị tổ chức kiểm toán từ chối. Tuy nhiên, do Nghị định 71 chỉ quy định công ty đại chúng *có thể* mời đại diện tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên, do đó một số doanh nghiệp không thực hiện quy định này, dẫn đến nhiều câu hỏi của cổ đông liên quan đến Báo cáo tài chính không được giải đáp cặn kẽ ngay tại cuộc họp, gây bức xúc cho cổ đông hoặc khiến nhà đầu tư ra quyết định sai lầm trong đầu tư cổ phiếu của doanh nghiệp.

### **1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nhằm đảm bảo nguyên tắc đối xử công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông thiểu số và nâng cao chất lượng các cuộc họp ĐHĐCĐ theo thông lệ quốc tế, củng cố niềm tin của nhà đầu tư đối với hoạt động quản trị của doanh nghiệp.

### **1.3. Phương án giải quyết**

- Phương án giải quyết: Bổ sung quy định pháp luật để điều chỉnh, cụ thể:

+ Bổ sung thêm quy định về quyền, nghĩa vụ của cổ đông và ĐHĐCĐ, theo đó: ngoài những quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020 thì cần thiết bổ sung thêm quy định: Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định và thông qua của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: (i) Các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp (ii) Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Đồng thời các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm trước đó chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện thì HĐQT phải được báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện. Trường hợp Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua trái với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án, Trọng tài đình chỉ thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn

bộ Nghị quyết nói trên.

+ Bổ sung quy định: Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên.

Ngoài ra, để áp dụng Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất vào công tác quản trị của công ty đại chúng, dự thảo bổ sung thêm trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát, theo đó các thành viên này phải tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (trừ trường hợp bất khả kháng không thể tham dự được).

#### ***1.4. Phân tích, đánh giá tác động của phương án***

##### ***1.4.1: Tác động tích cực/lợi ích:***

- Tác động về kinh tế xã hội:

+ Đối với nhà nước: Tăng khả năng thu hút đầu tư trong và ngoài nước do các doanh nghiệp áp dụng những chuẩn mực tốt nhất về quản trị công ty.

+ Đối với doanh nghiệp: Do tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp dẫn đến tăng uy tín của doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán, giúp doanh nghiệp có nhiều cơ hội huy động vốn để phát triển sản xuất kinh doanh.

+ Đối với người dân: Thông qua cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số, giám sát chặt chẽ hoạt động của đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, các thông tin về doanh nghiệp được minh bạch làm cơ sở cho nhà đầu tư ra quyết định đầu tư đúng đắn và đem lại lợi ích tốt nhất, tài sản của người dân đầu tư vào doanh nghiệp được bảo đảm.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; bảo đảm thống nhất với các quy định về quản trị công ty của dự thảo Nghị định với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị công ty.

##### ***1.4.2. Tác động tiêu cực***

Hiện nay, các công ty đại chúng đang áp dụng các quy định về quản trị công ty theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71, do vậy việc bổ sung các quy định này không làm phát sinh thêm chi phí thiết lập và duy trì hệ thống quản trị công ty. Tác động tiêu cực của giải pháp này hầu như không có.

#### ***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

Qua kết quả đánh giá tác động của vấn đề, cơ quan soạn thảo kiến nghị lựa chọn giải pháp bổ sung thêm quy định về quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ, việc tổ chức họp ĐHĐCĐ như trên vào dự thảo Nghị định.

## **2. Quy định về thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

### **2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định cơ cấu thành viên HĐQT của công ty niêm yết phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Quy định này kế thừa Thông tư 121/2012/TT-BTC và áp dụng thông lệ quốc tế về quản trị công ty với mục tiêu: các thành viên HĐQT độc lập sẽ tham gia số đông và đóng vai trò như người giám sát, đánh giá năng lực hoạt động của người quản lý, điều hành nhằm làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những đối tượng này, bảo đảm minh bạch, khách quan trong quản lý điều hành, cân bằng quyền lợi của các nhóm cổ đông.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường Việt Nam chưa nhiều các chuyên gia đủ uy tín và năng lực thì quy định trên cũng gây khó khăn cho các doanh nghiệp niêm yết trong việc tìm kiếm thành viên HĐQT độc lập. Theo khảo sát, thống kê của cơ quan soạn thảo thì tổng số công ty niêm yết đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập đạt tỷ lệ 52,39% (tại Sở GDCK Tp Hồ Chí Minh) và đạt tỷ lệ 58,6% (tại Sở GDCK Hà Nội); tổng số công ty đại chúng đăng ký giao dịch đảm bảo tối thiểu 1/5 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập chiếm tỷ lệ 58,52%. Từ thực tiễn nêu trên, nếu tiếp tục áp dụng quy định này dễ dẫn tới doanh nghiệp thực hiện theo kiểu đối phó, hình thức, không mang lại hiệu quả như mong muốn của cơ quan quản lý. Vì vậy, việc chỉnh sửa lại quy định về cơ cấu thành viên HĐQT độc lập và tăng cường trách nhiệm của thành viên HĐQT độc lập tại dự thảo Nghị định lần này là hết sức cần thiết.

### **2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nhằm giảm bớt áp lực cho doanh nghiệp niêm yết trong việc tìm và bổ nhiệm thành viên HĐQT độc lập mà vẫn đảm bảo mục tiêu áp dụng thông lệ tiên tiến quốc tế về quản trị công ty; Tăng tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp và qua đó đảm bảo quyền lợi đồng đều giữa các cổ đông.

### **2.3. Phương án giải quyết vấn đề**

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định 71 để điều chỉnh cơ cấu thành viên HĐQT độc lập, cụ thể:

+ Công ty đại chúng niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết có số thành viên HĐQT từ 3 đến 5 thành viên thì phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập; có số thành viên HĐQT từ 6 đến 8 thành viên thì phải đảm bảo tối thiểu 02 thành viên độc lập; có số thành viên HĐQT từ 9 đến 11 thành viên thì phải đảm bảo tối thiểu 03 thành viên độc lập.

+ Thành viên HĐQT độc lập của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT

### **2.4. Phân tích, đánh giá tác động của phương án**



#### **2.4.1: Tác động tích cực:**

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Đối với nhà nước: Do tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp dẫn đến tăng uy tín của doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán, giúp thị trường chứng khoán phát triển bền vững.

+ Đối với doanh nghiệp: Việc giảm tỷ lệ trong cơ cấu thành viên HĐQT độc lập giúp giảm chi phí, công sức của doanh nghiệp trong việc tìm kiếm, mời chuyên gia có kinh nghiệm, chuyên môn tham gia HĐQT. Chú trọng nâng cao chất lượng “độc lập”, trách nhiệm của thành viên HĐQT thay vì tìm đủ số lượng như quy định.

+ Đối với người dân: Thành viên HĐQT độc lập thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động của đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, đem lại cho các cổ đông niềm tin rằng, những quyết định mà HĐQT đưa ra là khách quan, minh bạch, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông (đặc biệt là cổ đông nhỏ lẻ) và là cơ sở cho người dân quyết định tham gia đầu tư vào doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; bảo đảm thống nhất với các quy định về quản trị công ty của dự thảo Nghị định với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị công ty.

#### **2.4.2. Tác động tiêu cực**

Việc giảm bớt tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập có thể làm giảm tính khách quan, minh bạch trong quyết định của Ban điều hành. Thực tế thí hành cho thấy, doanh nghiệp có tỷ lệ tham gia thành viên HĐQT độc lập càng cao thì tính minh bạch, hiệu quả kinh doanh càng lớn. Tuy nhiên, trong bối cảnh thiếu chuyên gia có kinh nghiệm, chuyên môn thì quy định trên hướng tới các công ty đại chúng niêm yết quy mô nhỏ gặp khó khăn trong việc đáp ứng điều kiện tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập có thể chấp nhận được.

#### **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua kết quả đánh giá tác động của vấn đề, cơ quan soạn thảo kiến nghị lựa chọn giải pháp bổ sung thêm quy định về cơ cấu thành viên HĐQT độc lập như trên vào dự thảo Nghị định.

### **3. Quy định về Ban Kiểm soát**

#### **3.1. Xác định vấn đề bất cập**

Luật Doanh nghiệp 2014 đã xác lập vị trí độc lập cho Ban Kiểm soát trong hoạt động kiểm tra, giám sát trong công ty cổ phần, theo đó: Ban Kiểm soát có

thẩm quyền kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc. Với chức năng, nhiệm vụ như vậy đòi hỏi Ban Kiểm soát phải có chuyên môn cao về quản lý tài chính. Bởi vậy, Nghị định 71 đã có quy định: Đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên (Khoản 3 Điều 20); Trưởng Ban Kiểm soát là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty (Khoản 4 Điều 20).

Qua công tác giám sát, kiểm tra cho thấy các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đảm bảo cơ cấu nhân sự tại Ban Kiểm soát, trong đó có việc đảm bảo điều kiện Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Thực tế cho thấy áp dụng quy định trên không phù hợp vì chuyên môn của Trưởng Ban Kiểm soát tùy thuộc vào ngành nghề kinh doanh, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp, không nhất thiết phải là kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp. Ngoài ra, số lượng người có chứng chỉ kiểm toán viên, kế toán viên còn hạn chế dẫn đến các doanh nghiệp có quy mô nhỏ do không mời được người có đủ điều kiện nên đã giới thiệu và bổ nhiệm người trong công ty làm thành viên Ban Kiểm soát. Điều này vô hình chung dẫn tới hoạt động của Ban Kiểm soát rất mờ nhạt, mang tính hình thức. Thành viên Ban Kiểm soát không giữ được sự độc lập, khách quan trong công việc, không thực sự giám sát hoạt động quản lý của HĐQT và hoạt động điều hành của Ban Giám đốc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Đảm bảo vị trí độc lập của Ban Kiểm soát trong quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Nâng cao năng lực hoạt động, phát huy vai trò của Ban Kiểm soát trong quản trị nội bộ công ty đại chúng.

### **3.3. Phương án giải quyết**

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định 71 để điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể:

+ Bãi bỏ quy định: Đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

+ Sửa đổi quy định: “*Trưởng Ban Kiểm soát là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty*” thành “*Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp*”.

+ Bổ sung thẩm quyền của Ban Kiểm soát: “*Đề xuất, kiến nghị ĐHCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết*”.

+ Bổ sung trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc báo cáo ĐHCĐ về đánh giá giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với thành viên Hội đồng quản trị hoặc những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, trình ĐHCĐ thông qua.

### **3.4. Phân tích, đánh giá tác động của phương án**

#### **3.4.1: Tác động tích cực:**

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Đối với nhà nước: Do tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp dẫn đến tăng uy tín của doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán, giúp thị trường chứng khoán phát triển bền vững.

+ Đối với doanh nghiệp: Việc đơn giản hóa tiêu chuẩn, điều kiện đối với Kiểm soát viên công ty giúp giảm chi phí, gánh nặng về quản trị doanh nghiệp, tăng cơ hội lựa chọn người có năng lực, chuyên môn đảm nhiệm vị trí Trưởng ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát mà vẫn đảm bảo được yêu cầu theo quy định.

+ Đối với người dân: Ban Kiểm soát thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động của đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, minh bạch thông tin về doanh nghiệp giúp bảo vệ cổ đông thiểu số và là cơ sở cho người dân quyết định tham gia đầu tư vào doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; bảo đảm thống nhất với các quy định về quản trị công ty của dự thảo Nghị định với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị công ty.

#### **3.4.2. Tác động tiêu cực**

Việc không bắt buộc Trưởng Ban Kiểm soát là kế toán viên, Kiểm toán viên có thể có tác động tiêu cực đến năng lực hoạt động của Ban Kiểm soát. Tuy nhiên, trong bối cảnh thiếu kiểm toán viên, kế toán viên chuyên nghiệp thì quy định trên hướng tới các công ty đại chúng quy mô nhỏ gặp khó khăn trong việc đáp ứng điều kiện Trưởng Ban Kiểm soát có thể chấp nhận được.

### **3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua kết quả đánh giá tác động của vấn đề, cơ quan soạn thảo kiến nghị lựa

chọn giải pháp bổ sung thêm quy định về Ban Kiểm soát như trên vào dự thảo Nghị định.

#### **4. Quy định về Ủy ban Kiểm toán**

##### **4.1. Xác định vấn đề bất cập**

Mô hình Ủy ban Kiểm toán (UBKT) đã được áp dụng ở nhiều quốc gia có hệ thống quản trị công ty tốt. Tuy nhiên ở Việt Nam, UBKT còn là khái niệm khá mới mẻ mặc dù Luật Doanh nghiệp 2014 đã quy định: Công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau: (i) Giữ nguyên mô hình Ban kiểm soát hiện có; (ii) Không thành lập Ban Kiểm soát thì phải thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT với yêu cầu phải có ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập (Điều 134).

Thực tế rất ít công ty lựa chọn mô hình có Ban Kiểm toán nội bộ. Lý do khái niệm này dễ bị hiểu nhầm thành bộ phận kiểm toán nội bộ, có chức năng thực hiện các công việc kiểm toán nội bộ theo chuẩn mực kế toán nội bộ; hoặc có thể do văn bản QPPL chưa có hướng dẫn cụ thể về hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ... Luật Doanh nghiệp 2020 đã thay đổi tên gọi thành Ủy ban Kiểm toán và có quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của đơn vị này. Do đó, Nghị định về quản trị công ty đại chúng cần thiết phải có quy định cụ thể hơn về UBKT nhằm giúp các công ty đại chúng có cơ sở pháp lý để lựa chọn mô hình này.

##### **4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

UBKT có vai trò thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát việc quản lý điều hành công ty, nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp.

##### **4.3. Phương án giải quyết**

Bổ sung quy định pháp luật nhằm chuẩn hóa hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, cụ thể:

- Về cơ cấu tổ chức: UBKT là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT, có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch UBKT phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của UBKT phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Như vậy, việc thành viên UBKT có vị trí độc lập sẽ cho phép họ thực hiện công việc mà không phải chịu các sức ép không cần thiết.

- Về nhiệm kỳ của UBKT: do Hội đồng quản trị Công ty quyết định nhưng không quá 03 năm. Việc bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên UBKT phải được HĐQT thông qua.

- Về thành phần, tiêu chuẩn thành viên UBKT: Chủ tịch UBKT phải có bằng đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh (trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn cao hơn). Các thành viên khác của UBKT phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc trường hợp đang làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công

ty, là thành viên hay nhân viên công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

- Quyền và nghĩa vụ của UBKT:

+ Có đầy đủ các quyền, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp;

+ Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT;

+ Giới thiệu tổ chức kiểm toán được chấp thuận và các điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt;

+ Rà soát các giao dịch với bên liên quan và báo cáo HĐQT về những giao dịch trên;

+ Có quyền yêu cầu đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT;

+ Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; Đề xuất với HĐQT xây dựng các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty;

+ Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty

+ Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của công ty, các quy trình, hệ thống nhằm đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật;

+ Trách nhiệm khác do HĐQT phân công.

- Hoạt động của UBKT: Được quy định chi tiết tại Quy chế hoạt động của UBKT, theo đó UBKT phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất 2/3 tổng số thành viên dự họp. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng, ký tên và phải được lưu giữ đầy đủ.

- Thù lao của UBKT: Tiền lương và chi phí hoạt động của UBKT, thành viên UBKT theo quyết định của ĐHĐCĐ và phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

#### **4.4. Phân tích, đánh giá tác động của phương án**

##### **4.4.1: Tác động tích cực:**

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Đối với nhà nước: Do tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp dẫn đến tăng uy tín của doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán, giúp thị trường chứng khoán phát triển bền vững.

+ Đối với doanh nghiệp: UBKT thực hiện nhiệm vụ giám sát hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ liên quan đến báo cáo tài chính, gian lận, tuân thủ và đạo đức doanh nghiệp, giúp nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT và khả năng hoàn thành các kế hoạch kinh doanh đặt ra.

+ Đối với người dân: Thụ hưởng lợi ích kinh tế do hoạt động của UBKT làm giảm thiểu các hành vi vi phạm của người điều hành doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; bảo đảm thống nhất với các quy định về quản trị công ty của dự thảo Nghị định với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị công ty.

**4.4.2. Tác động tiêu cực:** Giải pháp trên không phát sinh tiêu cực và cũng không làm tăng chi phí của doanh nghiệp do doanh nghiệp được chủ động lựa chọn một trong hai mô hình Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban Kiểm toán.

#### **4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua kết quả đánh giá tác động của vấn đề, cơ quan soạn thảo thấy rằng giải pháp tối ưu nhất là bổ sung quy định như đã nêu trên vào dự thảo Nghị định.

### **5. Quy định về ngăn ngừa xung đột lợi ích**

#### **5.1. Xác định vấn đề bất cập**

Xung đột lợi ích là tình huống mà trong đó lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của họ tác động hoặc sẽ tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ của họ đối với công ty và cổ đông công ty.

Để ngăn ngừa các xung đột lợi ích nêu trên, Nghị định 71 đã quy định về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp (Điều 24); Công ty đại chúng phải áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác của công ty, cổ đông và những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty hoặc thực hiện những giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa... làm thất thoát vốn, tài sản, nguồn lực khác của công ty, cụ thể:

+ Công ty đại chúng không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan (Khoản 1, 2, 3 Điều 26). Quy định này là cần thiết, nhằm mục đích bảo vệ cổ đông nhỏ, tránh việc cổ đông lớn là công ty mẹ sử dụng lợi thế là cổ đông lớn để buộc công ty con cấp khoản vay hoặc bảo lãnh đối với công ty mẹ; đồng thời tránh thất thoát vốn của công ty trong trường hợp công ty cho cổ đông vay hoặc bảo lãnh là một hình thức

chuyển vốn từ công ty sang cổ đông, có thể coi là hình thức khác để rút vốn cổ phần đã góp.

+ Công ty đại chúng không được thực hiện một số giao dịch liên quan đến cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh, các giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác, cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp được ĐHCĐ chấp thuận (Khoản 4 Điều 26).

Nhìn chung, trong 3 năm triển khai thi hành Nghị định 71, các công ty đại chúng thực hiện khá đầy đủ các quy định về ngăn ngừa xung đột lợi ích. Tuy nhiên, khi UBCKNN thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra đã phát hiện một số công ty chưa thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa nghiêm túc, triệt để các biện pháp ngăn ngừa xung đột lợi ích, trong đó phổ biến nhất là HĐQT/Ban Giám đốc thực hiện các giao dịch nêu tại Khoản 4 Điều 26 nhưng chưa được ĐHCĐ thông qua. Một số công ty thực hiện giao dịch xong mới đưa ra lấy ý kiến ĐHCĐ để được chấp thuận và giải trình “*đã được ĐHCĐ chấp thuận theo quy định pháp luật*”. Điều này gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc giải thích pháp luật và xử phạt vi phạm hành chính.

### **5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Xây dựng khung pháp lý về quản trị công ty nhằm ngăn ngừa các xung đột lợi ích, giảm bớt rủi ro cho doanh nghiệp và cổ đông thiểu số, đảm bảo nguyên tắc người quản lý doanh nghiệp phải hoạt động vì lợi ích cao nhất của cổ đông.

### **5.3. Phương án giải quyết**

Để thực hiện mục tiêu nêu trên, dự thảo Nghị định cần kế thừa một số quy định tại Nghị định 71 đồng thời bổ sung thêm các biện pháp nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích theo khuyến nghị của Bộ nguyên tắc quản trị công ty, bao gồm:

- Đảm bảo sự cân đối trong cơ cấu HĐQT của công ty đại chúng: quy định tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành.

- Đảm bảo sự độc lập, khách quan trong quản lý, điều hành doanh nghiệp: bổ sung quy định công ty đại chúng niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết có số thành viên HĐQT từ 3 đến 5 thành viên thì phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập; có số thành viên HĐQT từ 6 đến 8 thành viên thì phải đảm bảo tối thiểu 02 thành viên độc lập; có số thành viên HĐQT từ 9 đến 11 thành viên thì phải đảm bảo tối thiểu 03 thành viên độc lập.

Ngoài ra, thành viên HĐQT độc lập phải trình bày, công bố báo cáo đánh giá của mình tại ĐHCĐ về hoạt động của HĐQT.

- Tách bạch vai trò quản lý, hoạch định chính sách với điều hành doanh nghiệp: dự thảo quy định Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh

Tổng Giám đốc (Giám đốc) của cùng một công ty đại chúng.

- Tăng cường năng lực, chuyên môn của Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc: dự thảo quy định Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành có liên quan; Bổ sung thẩm quyền của Ban Kiểm soát được đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

- Bổ sung trách nhiệm của HĐQT trong việc xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT, theo dõi, quản lý các xung đột lợi ích, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích, lạm dụng các giao dịch có liên quan; Trách nhiệm của HĐQT, Ban Kiểm soát trong việc báo cáo, đánh giá trước ĐHCĐ về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với thành viên HĐQT hoặc những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty mà trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Quy định rõ công ty đại chúng có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác của công ty, cổ đông và những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

- Quy định rõ công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch liên quan đến cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh, các giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác, cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này khi đã được ĐHCĐ chấp thuận.

- Quy định công ty đại chúng phải công bố thông tin về thu nhập và giao dịch với người có liên quan của thành viên HĐQT, Giám đốc.

#### **5.4. Phân tích, đánh giá tác động của các phương án**

##### **5.4.1. Tác động tích cực:**

- Tác động về kinh tế, xã hội:

+ Đối với nhà nước: Các doanh nghiệp thực hiện tốt các biện pháp ngăn ngừa xung đột lợi ích sẽ giảm thiểu thất thoát vốn nhà nước, ngăn ngừa tối đa hành vi tham nhũng trong các doanh nghiệp có cổ phần Nhà nước chi phối; Đảm bảo chất lượng nguồn hàng khi đưa lên giao dịch trên thị trường chứng khoán.

+ Đối với doanh nghiệp: Nâng cao công tác quản trị về ngăn ngừa xung đột lợi ích giúp các quyết định của HĐQT khách quan, minh bạch; HĐQT hoạt động hiệu quả, chất lượng góp phần quan trọng trong hoạt động bền vững của doanh nghiệp.



+ Đối với người dân: Thu được lợi ích kinh tế do các quy định về ngăn ngừa xung đột lợi ích làm giảm thiểu các hành vi vi phạm của người quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng không mang tính phân biệt

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; bảo đảm thống nhất với các quy định về quản trị công ty của dự thảo Nghị định với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị công ty.

#### **5.4.2. Tác động tiêu cực**

Doanh nghiệp muốn ngăn ngừa xung đột lợi ích hiệu quả thì ngoài việc phải xây dựng chính sách, quy trình đối với giao dịch với các bên liên quan (chi phí rất thấp) thì việc phải tiến hành họp HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua các giao dịch có liên quan có thể phát sinh chi phí. Tuy nhiên, chi phí đó không đáng kể nếu so với mục tiêu ngăn ngừa xung đột lợi ích, đảm bảo tính minh bạch và ổn định của doanh nghiệp.

#### **5.5. Kết luận và kiến nghị**

Qua kết quả đánh giá tác động của vấn đề, cơ quan soạn thảo thấy rằng giải pháp tối ưu nhất là bổ sung quy định như đã nêu trên vào dự thảo Nghị định.

### **IV. QUÁ TRÌNH THAM VẤN KHI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ THẢO**

Căn cứ phê duyệt của Chính phủ và trên cơ sở ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân liên quan, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng theo đúng quy trình xây dựng văn bản pháp luật. Cụ thể như sau:

- Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo Nghị định với các thành viên là đại diện Bộ Tài chính và một số Bộ, ngành liên quan như Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 380/QĐ-BTC ngày 20/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Bộ Tài chính đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân, bao gồm:

+ Lấy ý kiến của các Bộ, Ngành liên quan: Ngày 22/6/2020, Bộ Tài chính có Công văn số 7541/BTC-UBCK ngày lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam.

+ Lấy ý kiến thành viên thị trường: Từ ngày 23/6/2020 đến ngày 23/8/2020, Bộ Tài chính đã đăng tải lên website của Chính phủ, website Bộ Tài chính và website UBCKNN nội dung Dự thảo Nghị định để xin ý kiến các thành viên thị trường, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Ngày .../.../2020, Bộ Tài chính đã gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Đến ngày....., Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Trên cơ sở các ý kiến tham vấn, kết hợp với tham khảo kết quả nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các vấn đề liên quan, rà soát, đối chiếu với các cam kết quốc tế, quy định của Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Bộ Tài chính đã tổng hợp và hoàn thành Báo cáo đánh giá tác động này.

## **V. KẾT LUẬN**

Sau quá trình tham vấn, tổng hợp và tham khảo kết quả nghiên cứu cũng như kinh nghiệm quốc tế để hoàn thành Báo cáo đánh giá tác động này, Bộ Tài chính nhận thấy việc xây dựng Nghị định hướng dẫn về Quản trị công ty đối với công ty đại chúng là cần thiết để đạt được các mục tiêu: góp phần hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường chứng khoán nói riêng và hệ thống pháp luật nói chung nhất là trong giai đoạn thực tế hiện nay khi Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực; đảm bảo đúng thẩm quyền và phù hợp với các quy định về quản trị công ty của Luật Doanh nghiệp năm 2020, phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch của các công ty đại chúng. Việc ban hành văn bản hướng dẫn về quản trị công ty cũng tạo điều kiện cho công ty đại chúng hướng tới mục tiêu quản trị công ty tốt trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế./.

**BỘ TÀI CHÍNH**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

## **BÁO CÁO TỔNG KẾT THI HÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **PHẦN THỨ NHẤT** **TÌNH HÌNH THI HÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **I. Việc ban hành văn bản quy định về quản trị công ty tại Việt Nam**

Kể từ khi thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam vào năm 2000, nhận thức rõ vai trò của quản trị công ty (QTCT) trong việc nâng cao tính minh bạch đối với các doanh nghiệp Việt Nam qua đó cải thiện môi trường đầu tư Việt Nam, dưới sự trợ giúp của Ngân hàng thế giới World Bank, Việt Nam đã ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết theo Quyết định số 07/2002/QĐ-VPCP ngày 19/11/2002 do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ký ban hành. Đây là cơ sở pháp lý đầu tiên khẳng định cam kết và nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc thúc đẩy áp dụng quản trị công ty tại Việt Nam nhằm tạo ra môi trường kinh tế Việt Nam công khai, minh bạch phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tiếp theo đó, Luật Chứng khoán năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán năm 2010 đã quy định các nguyên tắc về quản trị công ty đại chúng và giao Bộ Tài chính quy định cụ thể về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 về việc ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết và Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết. Sau 5 năm, để phù hợp hơn với thực tiễn thị trường Việt Nam, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Đến năm 2017, để đảm bảo tính phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2016), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2017/NĐ-

CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Nghị định này đã bãi bỏ các quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC. Đồng thời Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Các quy định về quản trị công ty tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC đã tiến dần đến các thông lệ quản trị công ty tốt nhất góp phần nâng cao chất lượng quản trị công ty tại công ty đại chúng. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng đã phối hợp với Tổ chức tài chính quốc tế IFC xây dựng và ban hành Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất áp dụng cho các công ty đại chúng Việt Nam vào tháng 8/2019.

Từ năm 2002 đến nay (18 năm), Chính phủ đã ban hành 02 văn bản và Bộ Tài Chính đã ban hành 04 văn bản hướng dẫn về quản trị công ty đã tạo ra hành lang pháp lý chặt chẽ cho thị trường chứng khoán và giúp cải thiện tình hình tuân thủ quản trị công ty của các doanh nghiệp Việt Nam, góp phần nâng cao tính công khai minh bạch đối với các công ty đại chúng và đã được cộng đồng quốc tế đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc tạo ra môi trường đầu tư công khai minh bạch.

Như vậy, trong thời gian từ năm 2002 đến nay, liên quan đến các vấn đề quản trị công ty, Việt Nam đã có những văn bản quy định và hướng dẫn về quản trị công ty như sau:

+ Quyết định số 07/2002/QĐ-VPCP 19/11/2002 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc ban hành Mẫu điều lệ áp dụng cho công ty niêm yết: thực hiện trong 5 năm;

+ Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/7/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán: thực hiện trong 5 năm;

+ Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/3/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán: thực hiện trong 5 năm;

+ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng: thực hiện trong 5 năm.

+ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng

dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng: tính đến nay đã thực hiện được 3 năm.

+ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng: tính đến nay đã thực hiện được 3 năm.

## **II. Những kết quả chủ yếu trong thi hành quy định về quản trị công ty**

Hiện nay, khoảng 2000 doanh nghiệp đã đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ Tài chính). Trong số đó, hơn 700 công ty đã niêm yết cổ phiếu trên 02 Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và gần 900 công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM. Theo đánh giá tại các báo cáo thường niên của Tổ chức uy tín quốc tế như Tổ chức tài chính thế giới (IFC), Ngân hàng Thế giới (World Bank), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)... tại Việt Nam các công ty niêm yết và công ty đại chúng có nhận thức và thực hành quản trị công ty ở mức tốt so với các loại hình doanh nghiệp khác.

Các tổ chức IFC, World bank, ADB cũng đã thực hiện nhiều đánh giá, so sánh về tình hình thực hiện quản trị công ty của các doanh nghiệp niêm yết của Việt Nam so với các quốc gia khác thông qua các Báo cáo thể điểm được thực hiện bởi nhiều chuyên gia quản trị quốc tế. Các báo cáo này đã cơ bản đánh giá được thực tiễn quản trị công ty tại Việt Nam trong tương quan so sánh với các quốc gia khác trong khu vực và cho thấy rằng chất lượng quản trị công ty tại Việt Nam đang được cải thiện qua các năm.

Báo cáo thể điểm quản trị công ty khu vực Đông Nam Á năm 2015 do ADB thực hiện đã đánh giá tình hình quản trị công ty của 6 nước thành viên ASEAN là Thái Lan, Singapore, Indonesia, Malaysia, Philippines và Việt Nam. Báo cáo đã đánh giá thực tiễn quản trị công ty tại các quốc gia cơ bản dựa trên các nguyên tắc quản trị công ty OECD. Theo kết quả đánh giá, trong giai đoạn 2012-2015, trong 6 quốc gia, điểm số trung bình về quản trị công ty của các doanh nghiệp Việt Nam đều thấp hơn so với các quốc gia khác. Năm 2015 điểm số trung bình về quản trị công ty của Việt Nam chỉ đạt 36,75/100 trong khi Thái Lan có điểm số cao nhất (87,53), các quốc gia còn lại đều đạt điểm số trên 50. Tuy nhiên, điểm số trung bình về quản trị Công ty của các doanh nghiệp Việt Nam năm 2015 tăng 29% so với kết quả đánh giá năm 2012. Mức tăng này tương đương với Thái Lan, cao hơn so với Malaysia tuy nhiên thấp hơn so với

Philippines, Indonesia và Singapore (Philippines tăng 49%, Indonesia tăng 45%, Singapore tăng 40%, Thái Lan tăng 29%, Malaysia tăng 23%).

Theo các chuyên gia ADB, một trong những nguyên nhân dẫn đến điểm số về quản trị công ty thấp của Việt Nam là hạn chế về khung pháp lý của Việt Nam (Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán...).

Theo Báo cáo đánh giá quản trị công ty các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam năm 2019 dựa trên các nguyên tắc quản trị công ty của OECD, các tiêu chí của Thẻ điểm quản trị công ty ASEAN và quy định pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam đã có các tiến bộ nhất định trong thực hành QTCT tại doanh nghiệp. Điểm quản trị công ty trung bình các doanh nghiệp niêm yết năm 2019 đạt 55,8%, tăng lên so với mức 52,2% năm 2018.

Như vậy, trong vòng 13 năm trở lại đây, đặc biệt là trong 03 năm Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC có hiệu lực, tình hình thực tiễn quản trị công ty tại các công ty đại chúng đã có mức phát triển đáng kể và từng bước tiệm cận với các nước trong khu vực. Tuy nhiên, mặt bằng quản trị công ty của Việt Nam vẫn còn yếu so với các nước trong nhiều vấn đề, trong đó có hạn chế của văn bản quy định về quản trị công ty.

### **III. Một số tồn tại, hạn chế của các văn bản quy định về quản trị công ty**

#### **1. Tồn tại về tính đồng bộ của các văn bản pháp luật**

##### **- Về Luật Chứng khoán 2019**

Nghị định 71/2017/NĐ-CP được soạn thảo căn cứ theo Luật Chứng khoán năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán năm 2010. Tuy nhiên các Luật này đã được thay thế bởi Luật Chứng khoán 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021). Do vậy, Nghị định 71/2017/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 và cần thiết phải có văn bản thay thế đồng bộ với Luật Chứng khoán 2019.

Điều 40 và Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 có quy định về các nguyên tắc và nội dung quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, trong đó Chính phủ có thẩm quyền hướng dẫn chi tiết nội dung quản trị công ty tại Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Như vậy, việc ban hành văn bản quy định về quản trị công ty dưới hình thức Nghị định là cần thiết để bảo đảm tính phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019.

##### **- Về Luật doanh nghiệp 2020**

Luật Doanh nghiệp 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 sửa

đổi, bổ sung một số nội dung tại Luật Doanh nghiệp 2014 có nhiều điểm mới liên quan đến các nội dung quan trọng về cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tình hình quản trị công ty. Một số quy định tại Nghị định và Thông tư hướng dẫn về quản trị công ty hiện hành không còn phù hợp với quy định về quản trị công ty tại Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ gây khó khăn trong triển khai quản trị công ty của doanh nghiệp Việt Nam.

Do vậy, việc ban hành văn bản pháp luật mới quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng để cập nhật, bổ sung và làm rõ những điểm mới về quản trị công ty tại Luật Doanh nghiệp 2020 là cần thiết.

### **- Pháp luật ngành nghề kinh doanh có điều kiện**

Đối với vấn đề về quản trị công ty, công ty đại chúng phải tuân thủ pháp luật chứng khoán về quản trị công ty, tuy nhiên trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì các văn bản pháp luật hiện hành chưa có quy định về nguyên tắc ưu áp dụng. Do vậy, Dự thảo Nghị định về quản trị công ty cần đưa ra nguyên tắc ưu tiên áp dụng giữa pháp luật chứng khoán và pháp luật chuyên ngành để tránh gây khó khăn cho công ty trong quá trình áp dụng.

## **2. Một số tồn tại cụ thể của Nghị định hướng dẫn về quản trị công ty**

Qua thực tiễn 03 năm áp dụng, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP cho thấy các quy định về quản trị công ty còn những vấn đề tồn tại nhất định, ví dụ như sau:

- *Các nội dung cần điều chỉnh theo Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019:* Các nội dung trong Nghị định 71/2017/NĐ-CP được soạn thảo căn cứ theo Luật Chứng khoán 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán 2010. Luật Chứng khoán 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 thay thế cho Luật Chứng khoán 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán 2010) có nhiều điểm mới liên quan đến các nội dung quan trọng về quản trị công ty như: cụ thể một số quyền và nghĩa vụ của cổ đông nhằm đảm bảo nguyên tắc đối xử công bằng và quyền lợi của cổ đông (khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán); quy định về trách nhiệm của HĐQT của công ty đại chúng đối với việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty (điểm b khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019); mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của công ty đại chúng dự họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán BCTC có khoản ngoại trừ trọng yếu (điểm c khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019); nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty,

người thực hiện công bố thông tin và người được ủy quyền công bố thông tin (Thông tư hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán) và một số điểm thay đổi khác.

– *Các nội dung cần điều chỉnh theo Luật doanh nghiệp 2020*: Các nội dung trong Nghị định 71/2017/NĐ-CP được soạn thảo theo Luật doanh nghiệp 2014. Luật doanh nghiệp 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 thay thế cho Luật doanh nghiệp 2014) có nhiều điểm mới liên quan đến các nội dung quan trọng về quản trị công ty như: quy định về quyền đề cử ứng cử viên HĐQT của nhóm cổ đông (Khoản 5 Điều 115); quy định về trách nhiệm của HĐQT về việc xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT và trách nhiệm của Ban kiểm soát phải xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua (điểm 1 khoản 2 Điều 138); quy định về trường hợp nghị quyết của HĐQT thông qua trái với nghị quyết ĐHĐCĐ (Khoản 4v Điều 153); trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp HĐQT (Khoản 2 Điều 158); quy định về công bố thông tin thù lao của từng thành viên HĐQT (khoản 3 Điều 163); quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát (khoản 2 Điều 168) và nhiều điểm thay đổi khác.

Do vậy, việc sửa đổi văn bản quy định về quản trị công ty để cập nhật các nội dung mới là cần thiết.

– *Bổ sung một số nội dung trong Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất*: Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất áp dụng cho các công ty đại chúng Việt Nam được ban hành vào tháng 8/2019 bao gồm các khuyến nghị góp phần tăng cường chất lượng quản trị công ty tại công ty đại chúng Việt Nam. Cần xem xét đưa một số nội dung khuyến nghị tại Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất vào dự thảo Nghị định để tăng hiệu lực thực thi như: thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp, trường hợp bất khả kháng, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thành viên HĐQT phải báo cáo HĐQT và HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó, giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;



Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát phải bao gồm Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch; giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác; tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết khác cho thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty.

*- Về phân loại điều kiện, tiêu chuẩn quản trị công ty:*

Đối với công ty đại chúng, Nghị định 71/2017/NĐ-CP chỉ quy định điều kiện, tiêu chuẩn quản trị công ty cho hai đối tượng là công ty đại chúng chưa niêm yết và công ty đại chúng niêm yết. Công ty đại chúng niêm yết có các điều kiện và tiêu chuẩn về quản trị công ty cao hơn so với công ty đại chúng chưa niêm yết.

Nhằm nâng cao chất lượng về quản trị công ty tại công ty đại chúng, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết cần phải áp dụng các điều kiện, tiêu chuẩn quản trị công ty cao hơn so với công ty đại chúng chưa niêm yết không phải là công ty đại chúng quy mô lớn và tiến gần đến các điều kiện, tiêu chuẩn quản trị công ty của công ty niêm yết.

*- Về Đại hội đồng cổ đông:*

Thực trạng cho thấy nhiều ĐHĐCĐ thực hiện ủy quyền một phần/toàn bộ các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định và thông qua của ĐHĐCĐ cho Hội đồng quản trị (HĐQT) và nhiều doanh nghiệp triển khai các kế hoạch đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ cũ trong khi Nghị quyết ĐHĐCĐ mới không đề cập nhất là trong việc phát hành cổ phiếu. Để tránh tình trạng nêu trên và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, cần bổ sung thêm nội dung sau về ĐHĐCĐ vào Nghị định về quản trị công ty: (1) ĐHĐCĐ có thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp; (2) Đại hội đồng cổ đông không thực hiện ủy quyền cho HĐQT các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ sau đây: a. Các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, b. Các hợp đồng,

giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; (3) Các nội dung nêu tại khoản 2 Điều này đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

– *Về Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị*

+ Về thành phần Hội đồng quản trị

Theo thống kê của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), tỷ lệ các công ty đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ thành viên độc lập trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP chưa cao, cụ thể: tổng số công ty niêm yết đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập chiếm tỷ lệ 52,39% tại HSX và 58,6% tại HNX; tổng số công ty đăng ký giao dịch UpCOM đảm bảo tối thiểu 1/5 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập chiếm tỷ lệ 58,52%. Do vậy, để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện quy định cần chỉnh sửa lại quy định về cơ cấu thành viên độc lập HĐQT của công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết cho phù hợp với thực tế.

+ Về quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Nghị định 71/2017/NĐ-CP chưa quy định trách nhiệm của thành viên độc lập Hội đồng quản trị do vậy thành viên độc lập Hội đồng quản trị chưa phát huy hết được vai trò độc lập, khách quan của mình trong hoạt động của Hội đồng quản trị. Cần bổ sung thêm quy định về trách nhiệm của thành viên độc lập Hội đồng quản trị vào Nghị định quản trị công ty như sau: thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

– *Về Ủy ban kiểm toán:*

Luật Doanh nghiệp 2020 chưa có quy định cụ thể về Ủy ban kiểm toán đối với các công ty tổ chức và hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát. Tuy nhiên Bộ nguyên tắc quản trị công ty và thông lệ quốc tế đã đưa ra một số nguyên tắc liên quan đến thành phần, tiêu chuẩn, cơ cấu; quyền và trách nhiệm; cuộc họp và thù lao của Ủy ban kiểm toán. Các nội dung này cần được luật hóa để làm cơ sở cho các công ty đại chúng cho căn cứ thực hiện.

*– Về việc ngăn ngừa xung đột lợi ích*

Khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP đã quy định về các giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này chỉ được thực hiện sau khi được ĐHCĐ chấp thuận. Quy định này là cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông nhỏ lẻ, tuy nhiên quy định này chưa rõ ràng, gây khó khăn cho việc áp dụng. Do vậy cần làm rõ các loại giao dịch cần được ĐHCĐ chấp thuận trước khi thực hiện, bao gồm: (a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; (b) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, đồng thời là người có liên quan của cổ đông mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; (c) Giao dịch có giá trị 35% trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau: (i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; (iii) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Đồng thời bổ sung thêm trường hợp công ty đại chúng chỉ được thực hiện hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó khi đã được ĐHCĐ chấp thuận (điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

**PHẦN THỨ HAI**  
**ĐỊNH HƯỚNG SỬ ĐỔI VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ**  
**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**I. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật Chứng khoán**

Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được xây dựng dựa trên quan điểm và mục tiêu như sau:

**1. Quan điểm**

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đặc biệt Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;
- Bảo đảm tính tương thích và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là cam kết WTO;
- Bảo đảm tính tương thích và phù hợp với Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất áp dụng cho các công ty đại chúng Việt Nam, các thông lệ tốt về quản trị công ty, đặc biệt là thông lệ được nhiều nước công nhận như 06 nguyên tắc về quản trị công ty của Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế (OECD), phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam;
- Tập trung giải quyết những vấn đề vướng mắc trong thực tiễn, nhằm tạo điều kiện cho môi trường kinh tế Việt Nam, cũng như thị trường chứng khoán phát triển bền vững.

**2. Mục tiêu**

Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được xây dựng đảm bảo các mục tiêu sau:

- Hoàn chỉnh các quy định tại Nghị định để đảm bảo phù hợp với các quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020 để đảm bảo cơ sở pháp lý thống nhất cho các doanh nghiệp, cá nhân thực hiện;
- Bổ sung, sửa đổi các quy định tại Nghị định để đảm bảo phù hợp với Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất áp dụng cho các công ty đại chúng Việt Nam năm 2019;
- Bổ sung, sửa đổi các quy định tại văn bản pháp luật trước đây đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và tính khả thi của quy định;
- Xây dựng một bộ quy định về quản trị công ty áp dụng riêng cho công ty đại chúng, trong đó có công ty niêm yết.

## **II. Yêu cầu xây dựng Luật Chứng khoán**

Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được xây dựng đảm bảo tính bao quát, minh bạch, rõ ràng, không xung đột với các pháp luật có liên quan và tiệm cận với các thông lệ quốc tế tốt về quản trị công ty.

## **III. Định hướng xây dựng văn bản quy định về quản trị công ty**

Nội dung dự thảo Nghị định được xây dựng căn cứ trên cơ sở chính là Bộ nguyên tắc quản trị công ty tốt của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD, Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất áp dụng cho các công ty đại chúng Việt Nam và quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về quản trị công ty.

### **1. Nguyên tắc QTCT của OECD**

Nội dung dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở Bộ nguyên tắc quản trị Công ty của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD. Năm 2015, Bộ nguyên tắc cập nhật đã được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Lãnh đạo các nước G20 và được gọi là “G20/Bộ nguyên tắc quản trị của OECD”. Bộ nguyên tắc bao gồm 6 nguyên tắc về quản trị công ty, cụ thể:

- (1) Đảm bảo cơ sở cho một khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả;
- (2) Quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản;
- (3) Nhà đầu tư có tổ chức, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian;
- (4) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- (5) Công bố thông tin và tính minh bạch;
- (6) Trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

Việt Nam là thành viên của Hiệp hội các Ủy Ban chứng khoán Nhà nước (IOSCO). Đa số các thành viên của IOSCO đều thừa nhận và áp dụng 06 nguyên tắc của OECD để xây dựng hệ thống quản trị công ty của quốc gia.

### **2. Nguyên tắc QTCT áp dụng cho công ty đại chúng Việt Nam**

Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất áp dụng cho các công ty đại chúng Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức tài chính quốc tế IFC xây dựng và ban hành vào tháng 8/2019. Bộ nguyên tắc

này là bộ nguyên tắc quản trị công ty đầu tiên của Việt Nam, bao gồm các khuyến nghị về thông lệ tốt nhất trong quản trị công ty dành cho công ty đại chúng và công ty niêm yết tại Việt Nam. Bộ nguyên tắc này nhằm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực cao hơn về quản trị thông ty để tiến dần tới những thông lệ tốt nhất của thế giới. Đây là một cơ sở quan trọng để xây dựng nội dung dự thảo Nghị định về quản trị công ty.

Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam bao gồm 06 nguyên tắc sau:

- (1) Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT
  - (2) Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp
  - (3) Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT
  - (4) Thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT
  - (5) Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT
  - (6) Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức công ty
- 3. Nguyên tắc QTCT tại Luật Chứng khoán**

Điều 40 Luật Chứng khoán 2019 quy định về nguyên tắc quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, bao gồm 06 nguyên tắc:

- (1) Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- (2) Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
- (3) Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- (4) Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
- (5) Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- (6) Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty, bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Về cơ bản, các nguyên tắc về quản trị công ty quy định tại Luật Chứng khoán 2019 được xây dựng trên cơ sở Bộ nguyên tắc quản trị công ty của OECD. Như vậy, việc xây dựng nội dung Nghị định quy định về quản trị công ty trên cơ sở 06 nguyên tắc quản trị công ty của OECD đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019./.

**BỘ TÀI CHÍNH**